

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **812**/SNV-XDCQCTTNBĐG

Kiên Giang, ngày **12** tháng **4** năm 2025

V/v tài liệu lấy ý kiến cử tri đối
với 2 đề án sắp xếp ĐVHC cấp
tỉnh, cấp xã

Kính gửi:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 17/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp của tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 17/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang và Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Kiên Giang năm 2025, Sở Nội vụ gửi đến các cơ quan, địa phương tài liệu lấy ý kiến cử tri đối với 2 đề án như sau:

1. Nghị quyết số 60-NQ-TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
2. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.
3. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.
4. Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.
5. Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 22/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kiên Giang thống nhất Đề án hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang.
6. Thông báo số 1861-TB/TU ngày 21/4/2025 kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kiên Giang về Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Kiên Giang năm 2025.
7. Tóm tắt Đề án hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang và Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Kiên Giang năm 2025.

Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, địa phương thực hiện các nội dung sau:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải tài liệu lấy ý kiến cử tri lên Cổng

Thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

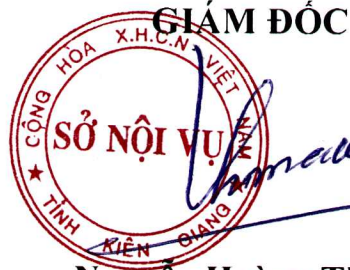
- Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ tổ chức lấy kiến cử tri theo Kế hoạch số 127/KH-UBND.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan biết để thực hiện nhiệm vụ được giao Kế hoạch số 126/KH-UBND, Kế hoạch số 127/KH-UBND.

Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, địa phương phối hợp thực hiện. *for*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh liên quan;
- Giám đốc;
- PXDCQ,CTTN và BDG;
- Lưu: VT, lktam.



Nguyễn Hoàng Thông



DANH SÁCH

Cơ quan, đơn vị, địa phương gửi tài liệu lấy ý kiến cử tri

(Kèm theo Công văn số 814 /SNV-XDCQCTTNBDG ngày 22/4/2025)

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy
2. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy
3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
4. Liên đoàn Lao động tỉnh
5. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
6. Tỉnh đoàn Kiên Giang
7. Hội Nông dân tỉnh
8. Hội Cựu chiến binh tỉnh
9. Công an tỉnh
10. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
11. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
12. Thanh tra tỉnh
13. Sở Tư pháp
14. Sở Tài chính
15. Sở Khoa học và Công nghệ
16. Sở Du lịch
17. Sở Nông nghiệp và Môi trường
18. Sở Văn hóa và Thể thao
19. Sở Xây dựng
20. Sở Y tế
21. Sở Công Thương
22. Sở Giáo dục và Đào tạo
23. Sở Nội vụ
24. Sở Dân tộc và Tôn giáo
25. Báo Kiên Giang
26. Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang
27. Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá
28. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên
29. Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc
30. Ủy ban nhân dân huyện Tân Hiệp
31. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành
32. Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng
33. Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao
34. Ủy ban nhân dân huyện An Biên
35. Ủy ban nhân dân huyện An Minh
36. Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng
37. Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận
38. Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất
39. Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải
40. Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương
41. Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành

NGHỊ QUYẾT

Hội nghị lần thứ 11

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII họp từ ngày 10/4 đến ngày 12/4/2025 tại Thủ đô Hà Nội, sau khi xem xét và thảo luận các tờ trình, đề án và báo cáo của Bộ Chính trị, căn cứ kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng,

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua nội dung cơ bản các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIV sau đây:

- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

- Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam.

- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

- Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Trung ương và Báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị để chỉ đạo các Tiểu ban Đại hội XIV tiếp thu, hoàn thiện các dự thảo văn kiện trên để lấy ý kiến đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo quy định.

2. Cơ bản thống nhất dự thảo Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Trung ương và Báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị để chỉ đạo hoàn thiện Phương hướng công tác nhân sự, tiếp tục báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

3. Cho ý kiến về giới thiệu nhân sự bổ sung quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV để Bộ Chính trị xem xét, quyết định quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo thẩm quyền.

4. Cơ bản thống nhất Đề án phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Trung ương và Báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị để ban hành Kết luận về phương hướng bầu cử và Chỉ thị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; chỉ đạo Đảng uỷ Quốc hội tổ chức triển khai thực hiện; lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị và tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

5. Cơ bản thống nhất với các nội dung đề xuất của Bộ Chính trị và Đề án về phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; xây dựng hệ thống tổ chức đảng ở địa phương; chủ trương sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013.

Thông qua một số nội dung cụ thể tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị như sau:

- Về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp: (1) Đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố); kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành. (2) Đồng ý số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sáp nhập là 34 tỉnh, thành phố (28 tỉnh và 6 thành phố trực thuộc Trung ương); tên gọi và trung tâm chính trị - hành chính của đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp được

xác định theo các nguyên tắc nêu tại Tờ trình và Đề án của Đảng uỷ Chính phủ (*Danh sách chi tiết kèm theo*). (3) Đồng ý sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã bảo đảm cả nước giảm khoảng 60 - 70% số lượng đơn vị hành chính cấp xã so với hiện nay.

- Về tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: (1) Đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn hợp nhất cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã như Tờ trình và Đề án của Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy phải bảo đảm sâu sát cơ sở, địa bàn, chăm lo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân và đoàn viên, hội viên của tổ chức mình. (2) Thống nhất chủ trương kết thúc hoạt động của công đoàn viên chức, công đoàn lực lượng vũ trang; giảm mức đóng góp công đoàn phí của đoàn viên công đoàn.

- Về hệ thống tổ chức Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp: Đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân; hệ thống tổ chức Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân có 3 cấp: Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, cấp tỉnh, cấp khu vực. Kết thúc hoạt động của Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao và Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện.

- Về hệ thống tổ chức đảng ở địa phương: Đồng ý chủ trương lập tổ chức đảng ở địa phương tương ứng với hệ thống hành chính cấp tỉnh, cấp xã. Kết thúc hoạt động của đảng bộ cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố, quận trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Lập tổ chức đảng tương ứng với đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã theo đúng Điều lệ Đảng, quy định của Trung ương.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Trung ương và Báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị để chỉ đạo, hoàn thiện, ban hành các quy định, hướng dẫn có liên quan bảo đảm hệ thống tổ chức đảng ở địa phương hoạt động ổn định, không gián đoạn.

Giao Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng uỷ Chính phủ: Chỉ đạo hoàn thiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp (trong đó, nghiên cứu, rà soát hoàn thiện tiêu chí về sắp xếp các xã, phường, đặc khu) và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan hoàn thiện hồ sơ Đề

án sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân các cấp trình Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền; khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng ở Trung ương phối hợp chặt chẽ với các địa phương tham mưu hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, bảo đảm đủ điều kiện, nguồn lực để thực hiện, nâng cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; rà soát chế độ, chính sách, lộ trình tinh giản biên chế, tính toán chi phí, cân đối ngân sách; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện có hiệu quả chủ trương, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Giao ban thường vụ các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và khẩn trương xây dựng Đề án theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sắp xếp cấp xã. Trong đó, căn cứ tiêu chí và thực tế địa phương chủ động nghiên cứu, xây dựng phương án, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện sắp xếp, tên gọi, địa điểm đặt trụ sở xã, bảo đảm chính quyền cấp xã tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân, phục vụ kịp thời lợi ích thiết thực của Nhân dân, tiết giảm chi phí; đồng thời, triển khai tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định pháp luật bảo đảm đúng lộ trình, tiến độ đề ra, đạt mục tiêu tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả gắn với tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong sắp xếp cán bộ, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp bảo đảm không ngắt quãng và không gián đoạn.

6. Cơ bản thống nhất nội dung sửa đổi, bổ sung Quy định số 232-QĐ/TW, ngày 20/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng; Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 và Quy định số 262-QĐ/TW, ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Trung ương để chỉ đạo tiếp thu, hoàn thiện và ban hành theo thẩm quyền.

7. Cơ bản thống nhất nội dung sửa đổi, bổ sung Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 và Kết luận số 118-KL/TW, ngày 18/01/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Trung ương và Báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị để chỉ đạo tiếp thu, hoàn thiện và ban hành theo thẩm quyền.

8. Thống nhất chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước liên quan đến các quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; các quy định về chính quyền địa phương phục vụ việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; bảo đảm hoàn thành trước ngày 30/6/2025, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025; quy định thời gian chuyển tiếp để bảo đảm hoạt động thông suốt, không gián đoạn, phù hợp với lộ trình dự kiến sắp xếp, sáp nhập.

Giao Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 theo đúng quy định; ban hành các Nghị quyết của Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội liên quan đến việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp theo đúng tiến độ, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khai thông điểm nghẽn, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực cho phát triển; Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể về giấy tờ, thủ tục hành chính, sử dụng con dấu... tránh xáo trộn, lãng phí.

9. Thông qua Báo cáo của Bộ Chính trị về những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị lần thứ 10 đến Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII và một số nhiệm vụ trọng tâm từ Hội nghị lần thứ 11 đến Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII; Báo cáo công tác hoàn thiện thể chế; Báo cáo công tác chuẩn bị Đại hội XIV của Đảng; các Báo cáo khái quát về tình hình đất nước, về những thách thức đe dọa an ninh, trật tự nổi lên thời gian gần đây, về tình hình thế giới, khu vực và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới; tình hình và giải pháp liên quan đến ứng phó chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ.

10. Nghe Báo cáo chuyên đề về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

11. Đồng ý đề đồng chí Nguyễn Văn Hiếu thôi giữ chức Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII.

12. Thi hành kỷ luật bằng hình thức Cách chức tất cả các chức vụ trong Đảng đối với đồng chí Trương Hoà Bình, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Bí thư Ban cán sự đảng Chính phủ, nguyên Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng yêu cầu các cấp uỷ, cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu tập trung sửa đổi, bổ sung, xây dựng hoàn thiện thể chế, nhất là các quy định về quản lý nhà nước, quản trị quốc gia, quản lý xã hội theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, tổ chức bộ máy của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân; nhiệm vụ trong giai đoạn tới là rất nặng nề và nhạy cảm nhưng cũng là cơ hội để các cấp, các ngành, các địa phương lựa chọn, bố trí, sắp xếp cán bộ. Điều chỉnh kịp thời, ban hành đồng bộ các quy định, hướng dẫn để các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị vận hành thông suốt, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo mô hình tổ chức mới.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII và mục tiêu tăng trưởng GDP đạt từ 8% trở lên, cũng như các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại năm 2025, tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Nội nhân:

- Các ban đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ**



Tô Lâm

**DANH SÁCH DỰ KIẾN TÊN GỌI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
VÀ TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH (TỈNH LÝ)
CỦA 34 ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025
của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII)*

I- Các đơn vị hành chính cấp tỉnh không thực hiện sáp nhập

1. Thành phố Hà Nội.
2. Thành phố Huế.
3. Tỉnh Lai Châu.
4. Tỉnh Điện Biên.
5. Tỉnh Sơn La.
6. Tỉnh Lạng Sơn.
7. Tỉnh Quảng Ninh.
8. Tỉnh Thanh Hoá.
9. Tỉnh Nghệ An.
10. Tỉnh Hà Tĩnh.
11. Tỉnh Cao Bằng.

II- Các đơn vị hành chính cấp tỉnh mới sau sáp nhập, hợp nhất

1. Hợp nhất tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang, lấy tên là tỉnh Tuyên Quang, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Tuyên Quang hiện nay.
2. Hợp nhất tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái, lấy tên là tỉnh Lào Cai, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Yên Bái hiện nay.
3. Hợp nhất tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên, lấy tên là tỉnh Thái Nguyên, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Thái Nguyên hiện nay.
4. Hợp nhất tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ và tỉnh Hoà Bình; lấy tên là tỉnh Phú Thọ, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Phú Thọ hiện nay.
5. Hợp nhất tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang, lấy tên là tỉnh Bắc Ninh, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Bắc Giang hiện nay.

6. Hợp nhất tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình, lấy tên là tỉnh Hưng Yên, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Hưng Yên hiện nay.

7. Hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng, lấy tên là thành phố Hải Phòng, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại thành phố Hải Phòng hiện nay.

8. Hợp nhất tỉnh Hà Nam, tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định; lấy tên là tỉnh Ninh Bình, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Ninh Bình hiện nay.

9. Hợp nhất tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị, lấy tên là tỉnh Quảng Trị, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Quảng Bình hiện nay.

10. Hợp nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, lấy tên là thành phố Đà Nẵng, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại thành phố Đà Nẵng hiện nay.

11. Hợp nhất tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi, lấy tên là tỉnh Quảng Ngãi, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Quảng Ngãi hiện nay.

12. Hợp nhất tỉnh Gia Lai và tỉnh Bình Định, lấy tên là tỉnh Gia Lai, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Bình Định.

13. Hợp nhất tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hoà, lấy tên là tỉnh Khánh Hoà, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Khánh Hoà hiện nay.

14. Hợp nhất tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông và tỉnh Bình Thuận; lấy tên là tỉnh Lâm Đồng, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Lâm Đồng hiện nay.

15. Hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên, lấy tên là tỉnh Đắk Lắk, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

16. Hợp nhất tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh; lấy tên là Thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

17. Hợp nhất tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước, lấy tên là tỉnh Đồng Nai, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Đồng Nai hiện nay.

18. Hợp nhất tỉnh Tây Ninh và tỉnh Long An, lấy tên là tỉnh Tây Ninh, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Long An.

19. Hợp nhất thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang; lấy tên là thành phố Cần Thơ, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại thành phố Cần Thơ hiện nay.

20. Hợp nhất tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh; lấy tên là tỉnh Vĩnh Long, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Vĩnh Long hiện nay.

21. Hợp nhất tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp, lấy tên là tỉnh Đồng Tháp, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Tiền Giang.

22. Hợp nhất tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau, lấy tên là tỉnh Cà Mau, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Cà Mau hiện nay.

23. Hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang, lấy tên là tỉnh An Giang, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Kiên Giang.

NGHỊ QUYẾT
Về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, mục tiêu của việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025

1. Nghị quyết này quy định về việc sắp xếp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là đơn vị hành chính cấp tỉnh) và sắp xếp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là đơn vị hành chính cấp xã) trong năm 2025 theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh quy định tại Nghị quyết này là việc nhập tỉnh với tỉnh để hình thành tỉnh mới hoặc nhập tỉnh với thành phố trực thuộc trung ương để hình thành thành phố trực thuộc trung ương mới theo định hướng sắp xếp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm giảm số lượng, tăng quy mô đơn vị hành chính, mở rộng không gian phát triển, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương.

3. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Nghị quyết này là việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp xã để bảo đảm có số lượng, quy mô phù hợp, cả nước giảm khoảng 60% đến 70% số lượng đơn vị hành chính cấp xã so với hiện nay, đáp ứng yêu cầu tổ chức chính quyền địa phương cấp xã gần dân, sát dân, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Trường hợp sắp xếp phường với các đơn vị hành chính cùng cấp thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp là phường; trường hợp sắp xếp xã, thị trấn thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp là xã.

Điều 2. Nguyên tắc sắp xếp đơn vị hành chính

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Việc sắp xếp đơn vị hành chính phải tuân thủ Hiến pháp, phù hợp quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết này.

Trường hợp sắp xếp đơn vị hành chính phù hợp với định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được đánh giá là phù hợp quy hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện đối với các đơn vị hành chính có diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số chưa đáp ứng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính); có yếu tố truyền thống lịch sử, văn hoá tương đồng; có vị trí địa lý liền kề; có quy mô, tiềm năng, lợi thế và trình độ phát triển kinh tế phù hợp.

4. Việc xây dựng phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã phải tính đến các yếu tố về điều kiện tự nhiên, hạ tầng giao thông, sự phân bố và tổ chức các không gian kinh tế nhằm bảo đảm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế của mỗi địa phương, hỗ trợ lẫn nhau để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của đơn vị hành chính sau sắp xếp; cân nhắc kỹ các yếu tố về trình độ, năng lực quản lý của cấp ủy, chính quyền địa phương, mức độ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin của chính quyền địa phương và người dân; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc tại các địa bàn trọng yếu, khu vực đảo, quần đảo và vùng biên giới; giữ gìn và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc của mỗi địa phương; bảo đảm khối đoàn kết gắn bó của cộng đồng dân cư.

5. Trường hợp thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã mà làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp huyện thì không phải thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh địa giới của đơn vị hành chính cấp huyện mà đơn vị hành chính cấp xã đó trực thuộc.

6. Gắn việc sắp xếp đơn vị hành chính với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm chính quyền địa phương cấp xã gần dân, sát dân và phục vụ người dân được tốt nhất.

7. Khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của Nghị quyết này thì không áp dụng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, số đơn vị hành chính trực thuộc, loại đô thị, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với các đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp.

8. Chú trọng và làm tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ, thống nhất cao về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính.

Điều 3. Các trường hợp không bắt buộc sắp xếp đơn vị hành chính

Không thực hiện sắp xếp đối với đơn vị hành chính có vị trí biệt lập hoặc có vị trí đặc biệt quan trọng liên quan đến quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Điều 4. Định hướng về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp

Đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính tương ứng theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Trường hợp sắp xếp tỉnh đã được định hướng thành thành phố trực thuộc trung ương thì tỉnh hình thành sau sắp xếp cần cơ bản đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 5. Định hướng về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp

1. Căn cứ vào nguyên tắc sắp xếp đơn vị hành chính quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, lựa chọn phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, miền núi, vùng cao, biên giới, vùng đồng bằng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đáp ứng các định hướng sau đây:

a) Xã miền núi, vùng cao hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên đạt từ 200% trở lên và quy mô dân số đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

b) Xã hình thành sau sắp xếp không thuộc điểm a và điểm d khoản này có quy mô dân số đạt từ 200% trở lên và diện tích tự nhiên đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

c) Phường hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên đạt từ 5,5 km² trở lên; đối với phường thuộc thành phố trực thuộc trung ương có quy mô dân số đạt từ 45.000 người trở lên; phường thuộc tỉnh hình thành sau sắp xếp ở khu vực miền núi, vùng cao, biên giới có quy mô dân số đạt từ 15.000 người trở lên; các phường còn lại có quy mô dân số đạt từ 21.000 người trở lên;

d) Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc đơn vị hành chính cấp huyện ở hải đảo phải bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh và theo định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp sắp xếp từ 03 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải xem xét định hướng về tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp không thể đáp ứng các định hướng về tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

4. Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn bảo đảm giảm số lượng đơn vị hành chính cấp xã trên cả nước theo tỷ lệ quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 6. Nguồn số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp

1. Diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh.

2. Quy mô dân số của đơn vị hành chính gồm dân số thường trú và dân số tạm trú do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

3. Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số làm cơ sở cho việc sắp xếp đơn vị hành chính được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 7. Tên của đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã hình thành sau sắp xếp

1. Tên của đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp được đặt theo tên của một trong các đơn vị hành chính trước sắp xếp phù hợp với định hướng sắp xếp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc đặt tên, đổi tên của đơn vị hành chính cấp xã được quy định như sau:

a) Tên của đơn vị hành chính cấp xã cần dễ đọc, dễ nhớ, ngắn gọn, bảo đảm tính hệ thống, khoa học, phù hợp với các yếu tố truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương đồng tình ủng hộ;

b) Khuyến khích đặt tên của đơn vị hành chính cấp xã theo số thứ tự hoặc theo tên của đơn vị hành chính cấp huyện (trước sắp xếp) có gắn với số thứ tự để thuận lợi cho việc số hoá, cập nhật dữ liệu thông tin;

c) Tên của đơn vị hành chính cấp xã không được trùng với tên của đơn vị hành chính cùng cấp trong phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc trong phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh dự kiến hình thành sau sắp xếp.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Điều 8. Trình tự, thủ tục xây dựng và thông qua đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

1. Căn cứ định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chính phủ phân công Ủy ban nhân dân của một trong các đơn vị hành chính cấp tỉnh cùng thực hiện sắp xếp chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính cấp tỉnh còn lại xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh gồm có:

a) Tờ trình về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

b) Đề án về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Báo cáo tổng hợp ý kiến Nhân dân, ý kiến của Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan;

d) 02 tờ bản đồ, gồm 01 tờ bản đồ về hiện trạng địa giới các đơn vị hành chính cấp tỉnh thực hiện sắp xếp và 01 tờ bản đồ về phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh;

đ) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp) tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; quyết định nội dung, hình thức lấy ý kiến theo hướng dẫn của Chính phủ.

4. Sau khi có kết quả lấy ý kiến Nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp) hoàn thiện đề án, gửi Hội đồng nhân dân các cấp có liên quan để xem xét, biểu quyết về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ trì) tổng hợp báo cáo chung trên cơ sở báo cáo kết quả của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng sắp xếp (cơ quan phối hợp) gửi Bộ Nội vụ để thẩm định.

5. Bộ Nội vụ tổ chức thẩm định nội dung đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh do địa phương chuẩn bị, tổng hợp, xây dựng đề án của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội.

6. Hồ sơ đề án của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh kèm theo dự thảo nghị quyết của Quốc hội phải được gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước ngày 30 tháng 5 năm 2025. Hồ sơ đề án phải được Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội thẩm tra, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi trình Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

7. Hồ sơ đề án phải được trình Quốc hội xem xét, thông qua trước ngày 30 tháng 6 năm 2025 để bảo đảm có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 9. Trình tự, thủ tục xây dựng và thông qua đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn theo các nguyên tắc sắp xếp và định hướng về tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 và Điều 5 của Nghị quyết này.

2. Hồ sơ đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã gồm có:

- a) Tờ trình về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã;
- b) Đề án về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này;
- c) Báo cáo tổng hợp ý kiến Nhân dân, ý kiến của Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan;
- d) Dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã;
- đ) 02 tờ bản đồ, gồm 01 tờ bản đồ về hiện trạng địa giới của tất cả các đơn vị hành chính cấp xã có liên quan và 01 tờ bản đồ về phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã;
- e) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; quyết định nội dung, hình thức lấy ý kiến theo hướng dẫn của Chính phủ.

4. Sau khi có kết quả lấy ý kiến Nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thiện đề án, gửi Hội đồng nhân dân các cấp có liên quan xem xét, biểu quyết về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tổng hợp và gửi Bộ Nội vụ để thẩm định.

5. Bộ Nội vụ tổ chức thẩm định nội dung đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã do địa phương chuẩn bị và tổng hợp, xây dựng đề án của Chính phủ về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của từng đơn vị hành chính cấp tỉnh, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trường hợp đơn vị hành chính cấp tỉnh có định hướng sắp xếp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Bộ Nội vụ tổng hợp nội dung đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của các đơn vị hành chính cấp tỉnh thực hiện sắp xếp, xây dựng đề án về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc đơn vị hành chính cấp tỉnh dự kiến hình thành sau sắp xếp.

6. Hồ sơ đề án của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã phải được gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước ngày 30 tháng 5 năm 2025. Hồ sơ đề án phải được Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội thẩm tra làm cơ sở trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trước ngày 30 tháng 6 năm 2025 để bảo đảm có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Chương III

KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ÁP DỤNG CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP

Điều 10. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính

1. Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương khi sắp xếp đơn vị hành chính phải bảo đảm nguyên tắc thống nhất và gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính mới sau sắp xếp được xác định như sau:

a) Trường hợp đơn vị hành chính mới sau sắp xếp giữ nguyên tên gọi của một trong các đơn vị hành chính trước sắp xếp thì khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục tính theo khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính được giữ nguyên tên gọi;

b) Trường hợp đơn vị hành chính mới sau sắp xếp thay đổi tên gọi hoặc thay đổi loại đơn vị hành chính thì khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính sau sắp xếp được tính lại từ đầu (khóa I) kể từ thời điểm thành lập.

4. Trường hợp Hội đồng nhân dân ở một trong các đơn vị hành chính cấp tỉnh trước khi sắp xếp có tổ chức Ban Dân tộc thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở đơn vị hành chính sau sắp xếp cũng được tổ chức Ban Dân tộc để hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ 2021 - 2026. Việc thành lập các Ban khác của Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

5. Thực hiện nhập nguyên trạng Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tổ chức thống nhất ở các địa phương. Đối với các cơ quan chuyên môn đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì việc tổ chức do chính quyền địa phương cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp quy định của Chính phủ.

Việc sắp xếp cơ quan, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Việc tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

6. Việc tổ chức các cơ quan nhà nước ở Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

7. Chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp hoàn thành xong việc kiện toàn tổ chức bộ máy và chính thức đi vào hoạt động chậm nhất là ngày 15 tháng 8 năm 2025.

Chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp hoàn thành xong việc kiện toàn tổ chức bộ máy và chính thức đi vào hoạt động chậm nhất là ngày 15 tháng 9 năm 2025.

Kể từ ngày nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở các đơn vị hành chính trước sắp xếp tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính sau sắp xếp chính thức hoạt động.

Điều 11. Số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm yêu cầu tinh giản gọn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan nhà nước ở Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn và của tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, bảo đảm yêu cầu tinh giản gọn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức có mặt tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp không vượt quá tổng số cán bộ, công chức có mặt tại các đơn vị hành chính cấp xã trước sắp xếp, không kể số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện được bố trí làm việc tại đơn vị hành chính cấp xã.

3. Tại thời điểm sắp xếp, số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc có thể nhiều hơn số lượng so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã có hiệu lực thi hành, số lượng và việc bố trí lãnh đạo, quản lý, số lượng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính sau sắp xếp thực hiện theo quy định.

4. Giữ nguyên chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) hiện hưởng của cán bộ, công chức, viên chức chịu ảnh hưởng của việc sắp xếp đơn vị hành chính mà vẫn là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trong thời gian 06 tháng kể từ khi có văn bản bố trí công tác. Sau thời hạn này, thực hiện chế độ, chính sách và phụ cấp chức vụ theo quy định của pháp luật.

5. Căn cứ quy định của Chính phủ, quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy bảo đảm đúng đối tượng và quyền, lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính.

Điều 12. Sắp xếp, xử lý trụ sở, tài chính, tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính

1. Việc bố trí, sử dụng trụ sở, xử lý tài chính, tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài chính, tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2. Chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi dự kiến bố trí trung tâm chính trị - hành chính của đơn vị hành chính cấp tỉnh dự kiến hình thành sau sắp xếp có trách nhiệm chủ động cân đối, bố trí ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của đơn vị hành chính sau sắp xếp; quan tâm bố trí nhà ở công vụ, phương tiện phục vụ công tác và nhu cầu đi lại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại đơn vị hành chính sau sắp xếp; hướng dẫn, tạo điều kiện để chính quyền địa phương cấp xã sau sắp xếp cân đối ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, bảo đảm điều kiện làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 13. Việc thực hiện chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính mới sau sắp xếp

1. Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo đơn vị hành chính như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trung ương và địa phương áp dụng đối với đơn vị hành chính như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

3. Trường hợp có thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

Điều 14. Chuyển đổi giấy tờ, con dấu cho cá nhân, tổ chức

1. Việc chuyển đổi giấy tờ cho cá nhân, tổ chức được thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

2. Việc cấp, sử dụng con dấu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Chính phủ.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 15. Kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

1. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành để thực hiện xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính; tổ chức tuyên truyền, vận động; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính và các nhiệm vụ cần thiết khác do sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính do ngân sách địa phương bảo đảm. Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sử dụng kinh phí thường xuyên trong nguồn ngân sách nhà nước đã được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách để chi các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Ngân sách trung ương hỗ trợ một lần cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhận bổ sung cân đối ngân sách với định mức 100 tỷ đồng cho mỗi đơn vị hành chính cấp tỉnh giảm và 500 triệu đồng cho mỗi đơn vị hành chính cấp xã giảm từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2025 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ của ngân sách trung ương quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể các nhiệm vụ chi tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều này và quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

4. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc sắp xếp đơn vị hành chính của các cơ quan trung ương do ngân sách trung ương bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành và chỉ đạo thực hiện kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, trong đó xác định yêu cầu cụ thể về lộ trình, tiến độ, trách nhiệm tổ chức thực hiện của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của Nghị quyết này;

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các quy định, hướng dẫn về việc sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; xử lý tài chính, tài sản công; chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính và các nội dung khác có liên quan về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính;

c) Trong quá trình thực hiện, Chính phủ có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản hoặc ủy quyền ban hành văn bản để giải quyết các vấn đề phát sinh chưa được quy định trong Nghị quyết này khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện chế độ, chính sách đặc thù và các nội dung khác có liên quan đến thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; tổ chức, sắp xếp các cơ quan, đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn tại các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

3. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật bảo đảm đồng bộ với lộ trình sắp xếp đơn vị hành chính.

4. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về việc sắp xếp đơn vị hành chính;

b) Tổ chức xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính, đàm phán phù hợp với các nguyên tắc và định hướng về tiêu chuẩn và yêu cầu của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp theo quy định của Nghị quyết này; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về đề án; thông qua đề án theo quy định tại Nghị quyết này;

c) Tổ chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã, các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chủ động phương án bố trí lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân

địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các đơn vị hành chính sau khi thực hiện sắp xếp;

d) Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ điều kiện đi lại và làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp về công tác tại trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã sau sắp xếp.

5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

6. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2025.

2. Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và Nghị quyết số 50/2024/UBTVQH15 ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định một số nội dung liên quan đến việc bảo đảm yêu cầu phân loại đô thị và tiêu chuẩn của đơn vị hành chính để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ 44 thông qua ngày 14 tháng 4 năm 2025.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025)*

Phụ lục 1

Mẫu đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)....**

Số:..../ĐA-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày...tháng...năm ...

ĐỀ ÁN

SẮP XẾP CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ...¹

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị 11 Ban Chấp hành trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư:; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số.....; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025; Nghị quyết số .../NQ-CP ngày ... của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, sau khi phối hợp với các tỉnh (thành phố)...., Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... trình Chính phủ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;.....

¹ Ghi tên các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện sắp xếp.

5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Phần II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐVHC CẤP TỈNH

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

Phần này nêu khái quát các nội dung sau:

1. Vị trí địa lý
2. Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc
3. Chức năng, vai trò
4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh
5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng
6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án

a) Thành lập tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh

b) Cơ sở và lý do đề xuất phương án, lựa chọn tên gọi và trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp

2. Kết quả

- ĐVHC cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp (tên)... có diện tích tự nhiên là ... km² (đạt ...% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là... người (đạt ...% so với tiêu chuẩn) và ĐVHC trực thuộc.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính của ĐVHC hình thành sau sắp xếp...:

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH (nếu có)

Phần IV ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Tác động tích cực

2. Tác động tiêu cực

(Đánh giá tác động về các mặt: hoạt động quản lý nhà nước; kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh;... (nếu có))

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH (trong đó có Phương án bố trí điều kiện làm việc, cơ sở vật chất, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc; bố trí nhà ở công vụ, phương tiện đi lại (từ tỉnh cũ đến trung tâm chính trị - hành chính mới) cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các đơn vị hành chính cùng sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại đơn vị hành chính mới sau sắp xếp).

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

2. Kiến nghị, đề xuất

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh UBND tỉnh (thành phố)... kính trình Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Lưu:

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐVHC cấp xã trước sắp xếp	Số ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc			Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	GRDP	Tổng thu NSNN	Thu nhập BQ đầu người		Xã	Phường	Tổng	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Hiện trạng												
1	Cấp tỉnh 1												
2	Cấp tỉnh 2												
3	...												
II	Kết quả												
	Cấp tỉnh mới												

Ghi chú:

- Số liệu được tính đến ngày 31/12/2024.

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC ĐVHC CẤP TỈNH SAU SẮP XẾP**
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

Số TT	Đối tượng	Số lượng theo định mức được giao	Số lượng hiện có (số có mặt)	Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67,... và các chính sách của địa phương)
	1	2	3	4
I	Tên cấp tỉnh 1			
1	Cán bộ			
2	Công chức			
3	Viên chức			
II	Tên cấp tỉnh 2			
	...			
	TỔNG			

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

**PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG
DỰ KIẾN KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

[illegible]

Phụ lục 2
Mẫu đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn
tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)....

Số:..../ĐA-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm ...

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ) ... NĂM 2025

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị 11 Ban Chấp hành trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư:; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số.....; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025; Nghị quyết số .../NQ-CP ngày ... của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ... xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;.....
5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ) ...

Phần II HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ) ...

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ) ...

1. Tỉnh (thành phố):

1.1. Diện tích tự nhiên (km²)

1.2. Quy mô dân số (người)

1.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện (chia ra: huyện, quận, thị xã, thành phố)

1.4. Số lượng ĐVHC cấp xã (chia ra: xã, phường, thị trấn)

(Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số tính đến ngày 31/12/2024)

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp:

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp

Tổng số:....., trong đó: đơn vị đủ tiêu chuẩn theo quy định; đơn vị có yếu tố đặc thù (giải trình cụ thể yếu tố đặc thù).

Phần III PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ)...

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thành lập xã/phường trên cơ sở nhập/điều chỉnh... ĐVHC cấp xã

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC cấp xã (tên)... có diện tích tự nhiên là ... km² (đạt ...% so với quy định), quy mô dân số là... người (đạt ...% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC....:

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC (phương án, tên gọi, trụ sở)

2.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH, (THÀNH PHỐ)

Trước khi sắp xếp, tỉnh/thành phố có ... ĐVHC cấp xã (gồm...). Sau khi sắp xếp, tỉnh/thành phố còn ... ĐVHC cấp xã (gồm ... phường, ... xã); giảm ... ĐVHC cấp xã (gồm ...).

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

VII. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

2. Kiến nghị, đề xuất

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh (thành phố) ... năm 2025, UBND tỉnh (thành phố)... kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
-
- Lưu:

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
	1	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Cấp huyện 1								
1	Các xã, thị trấn:								
1.1	...								
1.2	...								
2	Các phường:								
2.1	...								
II	Cấp huyện 2								
									

Ghi chú:

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến ngày 31/12/2024.
- Tỷ lệ % về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã, thị trấn được tính theo tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; đối với phường thì tính theo tiêu chuẩn của phường tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

THÔNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	3	4	5	6	7	8	9
I	Cấp huyện 1							
1	Các xã:							
1.1	...							
1.2	...							
2	Các phường:							
2.1	...							
II	Cấp huyện 2							
								

Ghi chú:

- Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến ngày 31/12/2024.
- Tỷ lệ % về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã, phường được tính theo tiêu chuẩn của xã, phường tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

THỐNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2		3	4	5	6	7	8	9
I		Tên cấp huyện 1								
1	Các xã:									
1.1	Tên xã mới	Nhập (hoặc một phần) xã/thị trấn...và xã/phường (hoặc một phần) ...								
1.2		...								
2	Các phường (nếu có):									
2.1	Tên phường mới	Sáp nhập (hoặc một phần) xã/phường...và phường (hoặc một phần) ...								
2.2		...								
II		Tên cấp huyện 1								
										

Ghi chú:

Tỷ lệ % về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã, phường hình thành sau sắp xếp được tính theo quy định của Nghị quyết này.

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH (THÀNH PHỐ) ...*(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)*

ĐVHC cấp xã	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
Xã							
Phường							
Tổng							

TỈNH (THÀNH PHỐ):...

[illegible]

[illegible]

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~74~~ /NQ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính
và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2)

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Hòa Bình



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình
tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp**
(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-CP
ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)

Thực hiện Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025, Kết luận số 130-KL/TW ngày 14 tháng 3 năm 2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 130-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW); căn cứ Kế hoạch của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW tại Công văn số 43-CV/BCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 (Công văn số 43-CV/BCĐ), Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 130-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW và Công văn số 43-CV/BCĐ nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và chính quyền địa phương các cấp; tạo sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân và dư luận xã hội.

b) Xác định rõ lộ trình, các công việc phải thực hiện trong từng thời điểm, bảo đảm phù hợp với thực tiễn nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

c) Phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các bộ, ngành liên quan, tỉnh (thành) ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan có liên quan trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

a) Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương nhằm bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, chất lượng và hiệu quả.

b) Xác định nội dung công việc phải gắn với chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các bộ, ngành, địa phương; tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Các bộ, ngành, địa phương căn cứ Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Kế hoạch của Ban Chỉ đạo và trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; kịp thời hướng dẫn, tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật và văn bản hướng dẫn làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

a) Đối với các bộ, ngành trung ương

- Nhiệm vụ chung:

+ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bộ, ngành trung ương chủ động đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn giải quyết các vấn đề liên quan đến sắp xếp ĐVHC, kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp huyện và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm sau sắp xếp ĐVHC, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động thông suốt, không gián đoạn, không có khoảng trống pháp lý. Đồng thời, hướng dẫn giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện liên quan đến công việc của bộ, ngành trung ương.

+ Rà soát nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền, thủ tục hành chính của chính quyền cấp huyện thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, ngành mình và các nội dung có thể phân cấp từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ xuống chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã. Trên cơ sở đó, chủ động ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất, báo cáo Chính phủ ban hành văn bản đối với các quy định khác luật, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Nhiệm vụ cụ thể:

+ Bộ Nội vụ

. Tham mưu, trình Chính phủ đề trình Quốc hội ban hành Luật mới thay thế Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Luật mới thay thế Luật Cán bộ, Công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

. Tham mưu, trình Chính phủ đề trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

. Tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân các cấp, giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

. Tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

. Tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước; cơ quan đơn vị thuộc quân đội nhân dân, công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

. Tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu; vị trí việc làm gắn với biên chế của từng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu.

. Ban hành Thông tư hướng dẫn về phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu đối với người lao động trong khu vực doanh nghiệp.

. Ban hành Thông tư quy định về việc lập, quản lý hồ sơ địa giới ĐVHC.

. Hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu; việc công nhận vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã đảo, đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng lao động khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã.

. Hướng dẫn việc quản lý công tác văn thư, lưu trữ khi sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh và sắp xếp ĐVHC cấp xã.

. Hướng dẫn về tiêu chuẩn chức danh, ngạch và chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức ở phường, xã, đặc khu khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã.

. Hướng dẫn việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức khi sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh, sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã và tổ chức thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

. Tham mưu Ban Chỉ đạo của Chính phủ để chỉ đạo Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu, có phương án sắp xếp cơ quan thuế, kho bạc nhà nước, hải quan, bảo hiểm xã

hội, thống kê, ngân hàng,... phù hợp với việc sáp nhập các ĐVHC cấp tỉnh và thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ Bộ Tư pháp

. Tham mưu, trình Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước hoặc Nghị quyết mới quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (nếu cần thiết).

. Trình Thủ tướng Chính phủ phân công các bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng, trình Chính phủ ban hành các Nghị định trong lĩnh vực chuyên ngành liên quan đến tổ chức bộ máy, phân định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã và điều chỉnh các quy định có liên quan để thống nhất áp dụng trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh, nghị quyết,...

. Ban hành văn bản hướng dẫn xử lý các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực hộ tịch, đăng ký biện pháp bảo đảm khi thực hiện sắp xếp ĐVHC,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

+ Bộ Công an

Ban hành hướng dẫn thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu, thay đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân và định danh điện tử; việc rà soát, cung cấp số liệu về nhân khẩu thực tế tại ĐVHC các cấp; tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực lý lịch tư pháp,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an.

+ Bộ Quốc phòng

Ban hành hướng dẫn rà soát, xác định ĐVHC thuộc khu vực biên giới, trọng điểm về quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang cấp tỉnh và cấp xã khi thực hiện sắp xếp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

+ Bộ Tài chính

. Ban hành văn bản hướng dẫn việc thực hiện nguồn vốn đầu tư công và việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030; việc xác định ưu đãi đầu tư; thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp thay đổi địa

giới ĐVHC; thay đổi thông tin trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, giấy phép kinh doanh của cá nhân, tổ chức khi thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

. Tham mưu cấp có thẩm quyền hỗ trợ kinh phí cho các địa phương (cấp tỉnh) có khó khăn về nguồn kinh phí khi thực hiện sắp xếp ĐVHC theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

. Ban hành hướng dẫn công tác lập dự toán, định mức chi; quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí; việc miễn phí, lệ phí khi thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ có liên quan của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; xử lý trụ sở, tài sản làm việc tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức ở ĐVHC thực hiện sắp xếp,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

+ Bộ Nông nghiệp và Môi trường

. Ban hành hướng dẫn việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy định liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới và các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của các ĐVHC thực hiện sắp xếp.

. Ban hành hướng dẫn chỉnh lý hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; cơ sở dữ liệu đất đai; cung cấp số liệu diện tích tự nhiên của các ĐVHC thực hiện sắp xếp,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

+ Bộ Xây dựng

. Ban hành hướng dẫn rà soát quy hoạch đô thị và đánh giá chất lượng đô thị của các ĐVHC sau sắp xếp.

. Ban hành hướng dẫn rà soát, đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn bảo đảm khoa học, nhất quán và đồng bộ ở khu vực đô thị, nông thôn, miền núi; đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước, gắn với việc đồng bộ, liên thông dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, hệ thống thông tin, địa chỉ số,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

+ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và xác định ĐVHC có di tích được công nhận, xếp hạng là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản lịch sử quốc gia đặc biệt của các ĐVHC thực hiện sắp xếp,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Bộ Khoa học và Công nghệ

Ban hành hướng dẫn về chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; về xây dựng hệ thống dữ liệu kết nối, liên thông giữa chính quyền địa phương cấp xã, cấp tỉnh, liên thông với cơ quan trung ương,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Bộ Dân tộc và Tôn giáo

. Ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp.

. Hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với ĐVHC cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thủ tục rà soát, xác định xã khu vực III, II, I, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

+ Bộ Y tế

Ban hành hướng dẫn về sắp xếp, tổ chức cơ sở y tế tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo

. Ban hành hướng dẫn bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, đào tạo tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp.

. Hướng dẫn công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đào tạo tại các tỉnh, thành phố khi kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp huyện, sắp xếp ĐVHC cấp xã tại các địa phương,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Các bộ, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để có hiệu lực ngay, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, không tạo khoảng trống pháp lý khi mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động (dự kiến ngày 01 tháng 7 năm 2025).

b) Đối với cấp ủy, chính quyền địa phương cấp tỉnh

- Thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh để tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp do đồng chí Bí thư tỉnh (thành) ủy làm Trưởng ban.

- Căn cứ Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan ban hành Kế hoạch chi tiết để xác định rõ lộ trình, các công việc phải thực hiện, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Chủ động cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, của các ngành, các cấp, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp. Chỉ đạo các cơ quan báo chí chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và các địa phương thường xuyên thông tin về kết quả đạt được trong việc triển khai thực hiện.

- Trên cơ sở các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp. Trong đó, tập trung cho công tác tuyên truyền; tổ chức lấy ý kiến cử tri; tên gọi của ĐVHC cấp xã mới; dự kiến địa điểm đặt trụ sở của ĐVHC cấp xã mới; việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương theo thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp,...

- Tổ chức Hội nghị triển khai các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các văn bản của Ban Chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan tới các cơ quan, đơn vị và địa phương.

- Đối với các tỉnh, thành phố thực hiện sáp nhập: Căn cứ phân công của Chính phủ, tỉnh (thành) ủy được giao chủ trì, chủ động phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan trong việc xây dựng đề án và lập hồ sơ sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh bảo đảm tiến độ, chất lượng theo quy định.

2. Thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp

a) Thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã

- Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tổ chức Hội nghị triển khai ngay sau Hội nghị quán triệt của Bộ Chính trị (tại Hội nghị này, các bộ, ngành có liên quan trình bày hướng dẫn sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo phân công của Ban Chỉ đạo tại Quyết định số 571/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ).

- Căn cứ các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và trình hồ sơ đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã (sau đây gọi tắt là hồ sơ đề án) như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng đề án và tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình ở những ĐVHC cấp xã chịu ảnh hưởng trực tiếp; quyết định hình thức và trình tự, thủ tục, thời hạn lấy ý kiến phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, bảo đảm tiến độ trình Hồ sơ đề án sắp xếp ĐVHC theo yêu cầu tại Kết luận số 137-KL/TW và Nghị quyết này.

+ Sau khi hoàn thành việc lấy ý kiến Nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, ban hành nghị quyết thông qua chủ trương.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có Tờ trình Chính phủ kèm theo hồ sơ đề án của địa phương (mỗi tỉnh, thành phố xây dựng 01 đề án về sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã) gửi Bộ Nội vụ (nội dung hồ sơ đề án theo quy định tại nghị quyết mới của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025).

- Thẩm định và trình hồ sơ đề án

Sau khi nhận được hồ sơ đề án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến, Bộ Nội vụ thẩm định, trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo tiến độ gửi Hồ sơ đề án của từng địa phương.

b) Thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh

- Trên cơ sở phân công của Chính phủ, một địa phương được giao chủ trì (cơ quan chủ trì), phối hợp với tỉnh, thành phố cùng sáp nhập (cơ quan phối hợp) xây dựng đề án và lập hồ sơ đề án sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh như sau (trình tự, thủ tục thực hiện đồng thời với lập hồ sơ đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã):

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình trên địa bàn ĐVHC cấp tỉnh thực hiện sáp nhập; quyết định hình thức và trình tự, thủ tục, thời hạn lấy ý kiến phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, bảo đảm tiến độ trình Hồ sơ đề án sắp xếp ĐVHC theo yêu cầu tại Kết luận số 137-KL/TW và Nghị quyết này.

+ Sau khi hoàn thành việc lấy ý kiến Nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ trì) hoàn thiện hồ sơ đề án gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng sáp nhập (cơ quan phối hợp) để thông qua Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, biểu quyết về chủ trương. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ trì) tổng hợp báo cáo chung trên cơ sở báo cáo kết quả của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng sáp nhập (cơ quan phối hợp).

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ trì) trình Chính phủ kèm theo hồ sơ đề án của địa phương gửi Bộ Nội vụ.

(Nội dung hồ sơ đề án theo quy định tại nghị quyết mới của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025).

- Trình hồ sơ đề án

Sau khi nhận được hồ sơ đề án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến, Bộ Nội vụ phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Đề án của Chính phủ báo cáo Chính phủ xem xét, trình Quốc hội.

3. Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC các cấp

a) Các bộ, ngành liên quan theo phạm vi nhiệm vụ, thẩm quyền được giao có văn bản hướng dẫn địa phương giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo đề nghị của các địa phương.

b) Về sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và giải quyết chế độ, chính sách đối với những trường hợp dôi dư

- Các bộ, ngành liên quan phối hợp với các địa phương tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và giải quyết chế độ, chính sách đối với những trường hợp dôi dư của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn ĐVHC thực hiện sắp xếp.

- Tỉnh (thành) ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tiếp tục duy trì, củng cố các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy, đánh giá, phân loại, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, bảo đảm lựa chọn được những người có phẩm chất, năng lực để đảm nhận những vị trí công việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị mới.

c) Về sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công

- Các bộ, ngành liên quan kịp thời phối hợp với các địa phương tiến hành sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn ĐVHC thực hiện sắp xếp.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương ở ĐVHC thực hiện sắp xếp.

d) Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới và chuyển đổi các loại giấy tờ của cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

- Cơ quan Công an có thẩm quyền phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC thực hiện sắp xếp kể từ ngày nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC thực hiện sắp xếp.

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan rà soát, lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định phân loại ĐVHC; tổ chức thực hiện việc lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp sau sắp xếp.

e) Tổng kết việc sắp xếp ĐVHC các cấp

- Bộ Nội vụ xây dựng kế hoạch, đề cương tổng kết và hướng dẫn địa phương báo cáo kết quả thực hiện sắp xếp ĐVHC.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau sắp xếp chỉ đạo tổng kết, báo cáo kết quả về Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ và cấp có thẩm quyền.

- Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tổng kết công tác sắp xếp ĐVHC các cấp, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

III. VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN

1. Mục đích, yêu cầu

a) Mục đích

- Tuyên truyền sâu rộng trong cả hệ thống chính trị và Nhân dân về chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành trung ương và địa phương nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân về việc thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân về ý nghĩa, mục tiêu, tầm quan trọng và trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ.

b) Yêu cầu

- Làm rõ tầm quan trọng, ý nghĩa và những tác động tích cực của việc thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng địa phương; sự tinh gọn và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị nói chung và chính quyền địa phương 02 cấp nói riêng.

- Công tác tuyên truyền phải đóng góp tích cực vào việc tạo sự thống nhất tư tưởng, hành động và phản ánh trung thực, sinh động, theo sát lộ trình, yêu cầu, nhiệm vụ của việc sắp xếp và việc tổ chức triển khai thực hiện tại từng bộ, ngành, địa phương.

- Bám sát nội dung các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ và hướng

dẫn của các bộ, ngành liên quan để lựa chọn hình thức, nội dung, phương pháp tuyên truyền thích hợp tại cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

2. Nội dung

a) Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương xây dựng kế hoạch, kịp thời chỉ đạo nội dung tuyên truyền về chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương cho phù hợp (trong đó có nội dung sắp xếp ĐVHC và xây dựng, triển khai thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp); đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, các Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 130-KL/TW và Kết luận số 137-KL/TW.

b) Các bộ, ngành trung ương cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân, của các ngành, các cấp, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Chỉ đạo các cơ quan báo chí chủ động phối hợp với Bộ Nội vụ, bộ, ngành trung ương liên quan và các địa phương thường xuyên thông tin về kết quả đạt được; những kinh nghiệm hay, cách làm tốt; những việc chưa làm được, nguyên nhân; giải pháp khắc phục và những bài học kinh nghiệm quý trong việc triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

c) Tỉnh (thành) ủy chỉ đạo Ban Tuyên giáo và Dân vận các tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xây dựng kế hoạch, kịp thời chỉ đạo nội dung tuyên truyền về chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Bộ Chính trị; tăng cường nắm bắt thông tin, định hướng dư luận xã hội về nội dung của các Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 130-KL/TW và Kết luận số 137-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, vận động để tạo sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân đối với cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị nói chung và chủ trương sắp xếp ĐVHC, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp nói riêng.

Tại địa bàn phức tạp, có nhiều ý kiến khác nhau liên quan đến việc sắp xếp như tên gọi và nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC sau sắp xếp thì cấp ủy, chính quyền địa phương phải trực tiếp nắm tình hình, chủ động, kịp thời giải quyết các phát sinh trong quá trình sắp xếp ĐVHC.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Đối với các bộ, ngành trung ương

a) Bộ Tài chính căn cứ quy định của pháp luật và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền để bố trí kinh phí từ ngân sách trung ương thực hiện nhiệm vụ của các bộ, cơ quan trung ương.

b) Kinh phí tổ chức thực hiện ở các bộ, cơ quan trung ương, gồm: Tuyên truyền, vận động; xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quy định, hướng dẫn triển khai thực hiện; tổ chức hội nghị, hội thảo; lập hồ sơ đề án của Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC.

2. Kinh phí bảo đảm thực hiện nhiệm vụ của các địa phương

a) Kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC do ngân sách địa phương bảo đảm. Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sử dụng kinh phí thường xuyên trong nguồn ngân sách nhà nước đã được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách để chi các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện của địa phương.

b) Ngân sách trung ương hỗ trợ một lần cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhận bổ sung cân đối ngân sách theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Bí thư tỉnh (thành) ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc và triển khai thực hiện.

2. Bộ Nội vụ là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo của Chính phủ tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các vấn đề liên quan; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan kịp thời hướng dẫn, giải đáp nhằm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn của các địa phương trong quá trình thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện sắp xếp ĐVHC, sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; giải quyết chế độ, chính sách đối với những trường hợp dôi dư.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung của Kế hoạch này, các bộ, ngành, địa phương liên quan gửi Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.



Phụ lục

**THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH
TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP**

(Kèm theo Kế hoạch tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình hoặc gửi văn bản	Thời gian hoàn thành
I	Hoàn thiện chính sách, pháp luật làm cơ sở cho việc sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp				
1	Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bộ, ngành trung ương chủ động đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn giải quyết các vấn đề liên quan đến sắp xếp ĐVHC, kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp huyện và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm sau sắp xếp ĐVHC, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động thông suốt, không gián đoạn, không có khoảng trống pháp lý	Bộ, cơ quan ngang bộ	Bộ, ngành trung ương liên quan và các địa phương	Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Trước ngày 30/6/2025
2	Rà soát nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền, thủ tục hành chính của chính quyền cấp huyện thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, ngành mình và các nội dung có thể phân cấp từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ xuống chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã. Trên cơ sở đó, chủ động ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất, báo cáo Chính phủ ban hành văn bản đối với các quy định khác luật, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Bộ, cơ quan ngang bộ	Bộ, ngành trung ương liên quan và các địa phương	Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Trước ngày 30/6/2025

3	Trình Quốc hội dự án Luật mới thay thế Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành trung ương và các địa phương	Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội	Trước ngày 30/4/2025
4	Trình Quốc hội dự án Luật mới thay thế Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành trung ương và các địa phương	Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội	Trước ngày 30/4/2025
5	Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự thảo Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành trung ương và các địa phương	Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Trước ngày 08/4/2025
6	Trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành trung ương và các địa phương	Chính phủ	Trước ngày 30/6/2025
7	Trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND, giao quyền Chủ tịch UBND các cấp	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành trung ương và các địa phương	Chính phủ	Trước ngày 30/6/2025
8	Trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, xã, đặc khu; vị trí việc làm gắn với biên chế của từng cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, xã, đặc khu	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành trung ương và các địa phương	Chính phủ	Trước ngày 30/6/2025
9	Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước; cơ quan đơn vị thuộc quân đội nhân dân, công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành trung ương và các địa phương	Chính phủ	Trước ngày 30/6/2025

	độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang				
10	Ban hành Thông tư hướng dẫn về phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu đối với người lao động trong khu vực doanh nghiệp	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành liên quan	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Trước ngày 30/6/2025
11	Ban hành Thông tư quy định về việc lập, quản lý hồ sơ địa giới ĐVHC	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành trung ương và các địa phương	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Trước ngày 01/11/2025
12	- Ban hành hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức và hoạt động của HĐND và UBND phường, xã, đặc khu; việc công nhận vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã đảo, đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng lao động khu thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã - Ban hành hướng dẫn việc quản lý công tác văn thư, lưu trữ khi sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã - Ban hành hướng dẫn về tiêu chuẩn chức danh, ngạch và chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức ở phường, xã, đặc khu khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã - Ban hành hướng dẫn về tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, xã, đặc khu; xây dựng vị trí việc làm gắn với biên chế của từng cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, xã, đặc khu	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn của Bộ Nội vụ	Trước ngày 10/4/2025

	- Hướng dẫn việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức khi sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh, tổ chức lại ĐVHC cấp xã và tổ chức thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp				
13	Tham mưu Ban Chỉ đạo của Chính phủ để chỉ đạo Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu, có phương án sắp xếp cơ quan thuế, kho bạc nhà nước, hải quan, bảo hiểm xã hội, thống kê, ngân hàng,... phù hợp với việc sáp nhập các ĐVHC cấp tỉnh và thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành liên quan	Cấp có thẩm quyền	Hoàn thành trước 10/4/2025
14	Trình Quốc hội dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi)	Bộ Tư pháp	Bộ, ngành trung ương và các địa phương	Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội	Trước ngày 15/5/2025
15	Trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước hoặc Nghị quyết mới quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (nếu cần thiết)	Bộ Tư pháp	Bộ, ngành liên quan	Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội	Trước ngày 15/5/2025
16	Trình Thủ tướng Chính phủ phân công các bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng, trình Chính phủ ban hành các Nghị định trong lĩnh vực chuyên ngành liên quan đến tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã	Bộ Tư pháp	Bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Trước ngày 10/4/2025

17	Ban hành hướng dẫn xử lý vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực hộ tịch, đăng ký biện pháp bảo đảm khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp	Bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn của Bộ Tư pháp	Trước ngày 10/4/2025
18	- Ban hành hướng dẫn việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh các vấn đề liên quan đến xây dựng nông thôn mới và các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, các dự án, tiêu dự án, hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại - Ban hành hướng dẫn chỉnh lý hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; cơ sở dữ liệu đất đai; cung cấp số liệu diện tích tự nhiên của các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trước ngày 10/4/2025
19	Ban hành hướng dẫn thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu, thay đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân và định danh điện tử; tháo gỡ vướng mắc về lý lịch tư pháp; việc rà soát, cung cấp số liệu về nhân khẩu thực tế tại ĐVHC các cấp,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an	Bộ Công an	Bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn của Bộ Công an	Trước ngày 10/4/2025
20	Ban hành hướng dẫn rà soát, xác định ĐVHC thuộc khu vực biên giới, trọng điểm về quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương 02	Bộ Quốc phòng	Bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn của Bộ Quốc phòng	Trước ngày 10/4/2025

	cấp; tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng				
21	- Ban hành văn bản hướng dẫn việc thực hiện nguồn vốn đầu tư công và việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030; việc xác định ưu đãi đầu tư; thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp thay đổi địa giới ĐVHC; thay đổi thông tin trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, giấy phép kinh doanh của cá nhân, tổ chức khi thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp - Tham mưu cấp có thẩm quyền hỗ trợ kinh phí cho các địa phương (cấp tỉnh) có khó khăn về nguồn kinh phí khi thực hiện sắp xếp ĐVHC theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền - Ban hành hướng dẫn công tác lập dự toán, định mức chi; quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí; việc miễn phí, lệ phí khi thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ có liên quan của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; xử lý trụ sở, tài sản làm việc tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức ở ĐVHC thực hiện sắp xếp,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn của Bộ Tài chính	Trước ngày 10/4/2025
22	- Ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp - Ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với ĐVHC cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thủ tục rà soát, xác định xã khu vực III, II, I, thôn đặc	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Trước ngày 10/4/2025

	biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo				
23	Ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và xác định ĐVHC có di tích được công nhận, xếp hạng là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản lịch sử quốc gia đặc biệt của các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Trước ngày 10/4/2025
24	- Ban hành hướng dẫn rà soát quy hoạch đô thị và đánh giá chất lượng đô thị của các ĐVHC sau sắp xếp - Ban hành hướng dẫn rà soát, đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn bảo đảm khoa học, nhất quán và đồng bộ ở khu vực đô thị, nông thôn, miền núi; đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước, gắn với việc đồng bộ, liên thông dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, hệ thống thông tin, địa chỉ số,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng	Bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn của Bộ Xây dựng	Trước ngày 10/4/2025
25	Ban hành hướng dẫn về chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; về xây dựng hệ thống dữ liệu kết nối, liên thông giữa chính quyền địa phương cấp xã, cấp tỉnh, liên thông với cơ quan trung ương,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ	Trước ngày 10/4/2025

26	Ban hành hướng dẫn về sắp xếp, tổ chức cơ sở y tế tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế	Bộ Y tế	Bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn của Bộ Y tế	Trước ngày 10/4/2025
27	- Ban hành hướng dẫn bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, đào tạo tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại - Hướng dẫn công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đào tạo tại các tỉnh, thành phố khi kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp huyện, tổ chức lại ĐVHC cấp cơ sở tại các địa phương,... và các vấn đề khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trước ngày 10/4/2025
II	Thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp				
1	Tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai đến các bộ, ngành trung ương và các địa phương ngay sau Hội nghị quán triệt của Bộ Chính trị	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành liên quan	Hội nghị của Chính phủ	Trước ngày 18/4/2025
2	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã				
a	UBND cấp tỉnh lập hồ sơ đề án	UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành liên quan	Chính phủ, Bộ Nội vụ	Trước ngày 01/5/2025
b	Bộ Nội vụ thẩm định, lập hồ sơ đề án của Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành liên quan	Chính phủ	Trước ngày 30/5/2025
3	Thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh				
a	UBND cấp tỉnh lập hồ sơ đề án	UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành, địa phương liên quan	Chính phủ, Bộ Nội vụ	Trước ngày 01/5/2025

b	Lập hồ sơ đề án của Chính phủ đề trình Quốc hội	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành, địa phương liên quan	Chính phủ, Quốc hội	Trước ngày 30/5/2025
c	Ủy ban Pháp luật và Tư pháp thẩm tra, Quốc hội xem xét, thông qua	Bộ Nội vụ, Ủy ban Pháp luật và Tư pháp	Bộ, ngành, địa phương liên quan	Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Trước ngày 20/6/2025
4	Tổng kết việc sắp xếp ĐVHC các cấp	Bộ Nội vụ	UBND cấp tỉnh	Các cấp có thẩm quyền	Trước ngày 20/9/2025

Số: 753 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp” (kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí Thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b). 36

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Hoà Bình



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2025

ĐỀ ÁN

**Sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp
và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 759 /QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025
của Thủ tướng Chính phủ)*

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự phân chia đơn vị hành chính (ĐVHC) lãnh thổ ở các quốc gia đều dựa trên những tiêu chí, những đặc trưng nhất định về địa lý tự nhiên, các điều kiện kinh tế - xã hội, yếu tố dân cư, lịch sử, văn hóa. Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN), xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và hội nhập quốc tế sâu rộng cần thiết phải mở rộng và đảm bảo tính thống nhất về không gian địa lý, sự liên thông các nguồn lực, bố trí và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực phát triển của đất nước. Việc xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả với sự tham gia của nhiều chủ thể dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi vai trò quản lý của các cấp chính quyền địa phương. Hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin ngày càng phát triển, tạo khả năng kết nối hiệu quả giữa chính quyền và người dân, cộng đồng doanh nghiệp, khoảng cách không gian giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp không còn nhiều ý nghĩa về địa lý và ranh giới địa giới giữa các ĐVHC. Vì vậy, tổ chức hợp lý, hướng đến ổn định lâu dài của ĐVHC các cấp có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương, phát huy được những tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương, vùng nói riêng và của cả nước nói chung.

2. Chính quyền địa phương nước ta có quá trình hình thành, phát triển gắn với quá trình tổ chức ĐVHC 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) ổn định xuyên suốt từ thời kỳ đầu thành lập nước đến nay cơ bản bảo đảm sự kế thừa, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, lịch sử, văn hoá của mỗi ĐVHC. Đặc biệt, trong bối cảnh đất nước bắt đầu công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, tình hình chính trị

quốc tế có nhiều biến động, điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, hạ tầng kỹ thuật còn thiếu thốn thì việc tổ chức chính quyền địa phương theo 03 cấp ĐVHC và xu hướng chia tách ĐVHC để thuận lợi cho công tác quản lý dân cư, quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn từng ĐVHC, tạo điều kiện cho vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa được ưu tiên bố trí nguồn lực cho phát triển, đồng thời bảo đảm khả năng kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên đối với cơ quan nhà nước cấp dưới.

3. Tuy nhiên, việc chia nhỏ ĐVHC và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 03 cấp đã phát sinh nhiều bất cập, làm phân tán các nguồn lực, không phát huy được hết lợi thế, tiềm năng phát triển của các địa phương; làm tăng số lượng ĐVHC các cấp, theo đó tăng số lượng các cơ quan, tổ chức của đảng, đoàn thể, chính quyền, tăng số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị ở địa phương, dẫn đến tổ chức bộ máy chính quyền địa phương nói riêng, hệ thống chính trị các cấp nói chung chồng chéo, tầng nấc, lãng phí ngân sách nhà nước và nguồn lực cho đầu tư phát triển. Nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương có sự chồng lấn, trùng lặp giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã (có nhiệm vụ 03 cấp đều thực hiện, có nhiệm vụ cấp tỉnh và cấp huyện; cấp huyện và cấp xã cùng thực hiện). Chính quyền địa phương ở cấp huyện chủ yếu giữ vai trò trung gian trong thực thi chính sách, pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện từ cấp tỉnh xuống cấp xã.

4. Trong bối cảnh bộ máy nhà nước đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hoá và triển khai thực hiện trên môi trường mạng. Chuyển đổi số gắn với chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục thực hiện công việc của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tăng năng suất và hiệu quả công việc. Nhiều công việc quản lý trung gian được thay thế bằng hệ thống phần mềm điện tử, giúp vận hành hiệu quả hơn mà không cần nhiều tổ chức hành chính và biên chế.

5. Trên cơ sở thực tiễn tổ chức ĐVHC các cấp thời gian qua và kết quả tích cực của công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 và giai đoạn 2023 - 2025, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 và Kết luận số 127-PKL/TW ngày 28/02/2025 trong đó đã yêu cầu “Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số ĐVHC cấp tỉnh,

không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số ĐVHC cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể), bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”.

Từ các căn cứ nêu trên, để tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kết luận số 126-KL/TW và Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương trong kỷ nguyên mới của đất nước, của dân tộc, phù hợp với xu thế chung của thế giới thì việc xây dựng “*Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp*” là cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị

1.1. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: “*Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và nghiên cứu triển khai thực hiện ở cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp¹*”.

1.2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII đã xác định: “*Từ năm 2021 đến năm 2030, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định²*”.

1.3. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định: “*Tiếp tục sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã; nghiên cứu thí điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể các đơn vị hành chính của quốc gia và từng địa phương*”.

1.4. Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã đề ra mục tiêu: “*Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt tối thiểu 45%, đến năm 2030 đạt trên 50%*”; “*Nghiên cứu, sắp xếp, sáp nhập, thành lập mới đơn vị hành chính đô thị bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch và yêu cầu phát triển*”.

1.5. Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã chỉ đạo: “*Nghiên cứu định hướng tiếp tục*

¹ Điểm 2.4 khoản 2 mục III Phần thứ nhất Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng đã được Đại hội XIII của Đảng ban hành Nghị quyết thông qua.

² Khoản 2 mục II của Nghị quyết số 18-NQ/TW.

sắp xếp bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã, định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh; đề xuất chủ trương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, quy định của Đảng có liên quan, báo cáo Bộ Chính trị trong quý III/2025”.

1.6. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị “*Giao Đảng uỷ Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương và các cơ quan liên quan chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng đề án, tờ trình Bộ Chính trị về sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã.*”.

2. Căn cứ pháp lý

2.1. Hiến pháp năm 2013 quy định về tổ chức ĐVHC (Điều 110) và chính quyền địa phương tại các ĐVHC (Điều 111).

2.2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã cụ thể hoá quy định về tổ chức ĐVHC 03 cấp: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; về nguyên tắc tổ chức ĐVHC, nguyên tắc, điều kiện thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC, về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương tại các ĐVHC.

2.3. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022) quy định về tiêu chuẩn của từng ĐVHC theo các tiêu chí diện tích tự nhiên, quy mô dân số, số ĐVHC trực thuộc, cơ cấu, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và các tiêu chí đặc thù (miền núi, vùng cao, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới, đô thị,...).

2.4. Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó quy định tổ chức không gian phát triển đất nước thành 06 vùng kinh tế - xã hội; xây dựng mô hình tổ chức, cơ chế điều phối vùng để thực hiện liên kết nội vùng và thúc đẩy liên kết giữa các vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2.5. Quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, nông thôn và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Căn cứ thực tiễn

3.1. Quá trình hình thành, phát triển ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương Việt Nam qua các thời kỳ.

3.2. Kết quả và bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 và giai đoạn 2023 - 2025.

3.3. Kết quả rà soát số lượng ĐVHC các cấp, số liệu diện tích tự nhiên, quy mô dân số, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo niên giám thống kê năm 2024, kết quả phân loại ĐVHC và phân loại đô thị của các ĐVHC, các yếu tố đặc thù về lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý - tự nhiên, cộng đồng dân cư, quy mô, trình độ phát triển kinh tế và yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội của từng địa phương.

3.4. Kết quả sơ kết 03 năm thực hiện mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng (các Báo cáo số 591/BC-CP, 592/BC-CP và 593/BC-CP ngày 22/10/2023 của Chính phủ).

3.5. Năng lực, điều kiện thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong bộ máy chính quyền địa phương và mức độ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử của các địa phương trong thời gian qua.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Thành lập Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW (nội dung về sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương).

2. Xây dựng hồ sơ Đề án trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến.

3. Tiếp thu ý kiến chỉ đạo, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hoàn thiện hồ sơ Đề án, gửi lấy ý kiến các Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương và các Ban Đảng, Bộ, ngành Trung ương.

4. Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến các Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương và các Ban Đảng, Bộ, ngành Trung ương, hoàn thiện hồ sơ Đề án báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

5. Tiếp thu ý kiến chỉ đạo, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hoàn thiện hồ sơ Đề án trình Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương thống nhất chủ trương thực hiện.

6. Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, hoàn thiện Đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ THẾ GIỚI

1. Bối cảnh thế giới

1.1. Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp và khó dự báo. Toàn cầu hóa đang làm thay đổi đến việc xác định vai trò quản lý của Nhà nước và bộ máy hành chính các cấp. Một số xu hướng mà nhiều quốc gia trên thế giới đang hướng tới và nghiên cứu áp dụng như mô hình “Nhà nước kiến tạo phát triển”, mở rộng thực hiện tự quản địa phương, xây dựng bộ máy hành chính nhà nước chuyên nghiệp, hiệu quả, đủ năng lực và thẩm quyền; thích ứng nhanh trước các biến động trong khu vực và thế giới. Xu hướng quản trị quốc gia, quản trị địa phương chú trọng tới kết quả, hiệu quả hoạt động quản lý; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; vận dụng các yếu tố của cơ chế thị trường và phương pháp quản trị doanh nghiệp để xã hội hóa một số hoạt động của nhà nước có tính chất cung cấp dịch vụ công; chú trọng quan hệ mạng lưới và đối tác, đề cao sự đồng thuận và lợi ích của các chủ thể (nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế); thực hiện trách nhiệm báo cáo, giải trình trong các quan hệ hành chính.

1.2. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghiệp công nghệ số phát triển mạnh mẽ, khoa học công nghệ và tri thức được kết nối toàn cầu tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc đã và đang tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội, đòi hỏi phải chuyển đổi từ phương thức quản lý truyền thống sang xây dựng Chính phủ và chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để quản lý nhà nước, phục vụ người dân ngày càng tốt hơn, đồng thời cũng phải thay đổi từ đối thoại, tiếp xúc giải quyết công việc trực tiếp sang cách tiếp cận mới là sử dụng công nghệ trong kết nối, quản lý nhà nước. Công nghệ thông tin cho phép người dân tiếp cận gần hơn với hoạt động của chính quyền, giám sát hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương.

2. Tình hình trong nước

2.1. Sau gần 40 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của Nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên, tính tự chủ của nền kinh tế được cải thiện. Chính trị, xã hội ổn định, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được quan tâm và có nhiều chuyển biến tích cực. Tổ chức và

hoạt động của chính quyền địa phương các cấp có nhiều cải cách, đổi mới quan trọng đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra đối với đất nước và của từng địa phương. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế đã dẫn đến sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương, tạo sức ép lớn về nhu cầu phát triển hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết việc làm, các vấn đề xã hội, nhất là xử lý ô nhiễm môi trường,...

2.2. Phân cấp, phân quyền là xu hướng tất yếu trong quản trị nhà nước; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền là một chủ trương xuyên suốt của Đảng, đã được Hiến pháp quy định, cụ thể hóa thành luật và các văn bản dưới luật. Qua đó, các địa phương đã từng bước nâng cao tính chủ động trong quản lý, sử dụng các nguồn lực ở địa phương; có cơ chế điều hành sát hơn với đặc điểm kinh tế - xã hội địa phương. Tuy nhiên, việc phân cấp, phân quyền hiện nay chưa triệt để, thủ tục hành chính còn rườm rà, trách nhiệm chưa rõ ràng, chưa gắn với việc thay đổi đồng bộ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và các hoạt động của các cấp chính quyền, gây ách tắc trong công việc, làm giảm hiệu quả điều hành, quản lý.

2.3. Quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng lãnh đạo đòi hỏi sự tham gia của người dân vào hoạt động quản lý nhà nước ngày càng tăng, thực tế sự tham gia của người dân vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế mà nguyên nhân xuất phát từ nhận thức của xã hội và của những người quản lý chưa thực sự đầy đủ và toàn diện; những quy định pháp lý chưa đủ mạnh và chưa đủ rõ để các cơ quan nhà nước, nhất là các cơ quan đại biểu dân cử (HĐND) phải thực hiện các nhiệm vụ mà Nhân dân ủy quyền và chưa có cơ chế hữu hiệu để Nhân dân kiểm soát sự ủy quyền của mình; chưa có những hình thức, phương thức và tổ chức phù hợp và hữu hiệu để sự tham gia của người dân đi vào thực chất.

2.4. Quá trình chuyển đổi số và xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, chính quyền địa phương, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, rộng khắp là ưu tiên trong chính sách phát triển của nước ta đã và đang tác động trực tiếp đến tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước từ trung ương đến các cấp chính quyền địa phương.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quán triệt quan điểm của Đảng về đổi mới, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, xây dựng hệ thống chính trị Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả; thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

2. Việc sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp lại ĐVHC cấp xã phải bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, thống nhất trong hệ thống chính trị; quá trình thực hiện phải thận trọng, kỹ lưỡng, khoa học, có cách làm phù hợp, chặt chẽ, hiệu quả, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

3. Kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; có tầm nhìn dài hạn, bảo đảm ổn định lâu dài; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của các địa phương, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới; làm cơ sở đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; bảo đảm chính quyền cấp xã gần dân, sát dân và phục vụ người dân tốt nhất.

4. Bảo đảm sự thống nhất nhận thức trong toàn hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân.

III. NGUYÊN TẮC

1. Việc sắp xếp ĐVHC các cấp ngoài các tiêu chí về diện tích tự nhiên, quy mô dân số theo quy định của pháp luật, cần cân nhắc thấu đáo các tiêu chí về lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc; vị trí, điều kiện địa lý; quy mô, trình độ phát triển kinh tế - xã hội; hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin; yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia và hội nhập quốc tế.

2. Đặt mục tiêu cao nhất là phát triển đất nước, mở rộng không gian phát triển cho ĐVHC mới, phát huy vai trò dẫn dắt của các vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng; ưu tiên sắp xếp các ĐVHC miền núi, đồng bằng với các ĐVHC có biển; kết hợp hài hòa, hợp lý các ĐVHC có vị trí liên kề gắn với yêu cầu định hướng phát triển để hỗ trợ lẫn nhau, cùng thúc đẩy phát triển kinh tế của ĐVHC sau sắp xếp và yêu cầu, định hướng phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong giai đoạn mới. Ưu tiên bố trí các khu thương mại tự do, khu, cụm công nghiệp, đô thị, cảng biển, logistics, hồ chứa nước, đập thủy điện,... trong phạm vi 01 ĐVHC cấp xã để thuận lợi trong quản lý nhà nước.

3. Kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp huyện và sắp xếp, tổ chức lại các ĐVHC cấp xã thành các ĐVHC cấp xã mới, bảo đảm tinh gọn, giảm cấp trung gian; xây dựng và củng cố chính quyền địa phương cấp xã vững mạnh, gần dân, thiết thực nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP

1. Nguyên tắc xác định tên gọi

1.1. Việc đặt tên cho ĐVHC sau sắp xếp phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, thấu đáo, cân nhắc thận trọng các yếu tố truyền thống, lịch sử, văn hoá.

1.2. Ưu tiên sử dụng một trong các tên gọi của các ĐVHC trước khi sáp nhập để đặt tên cho ĐVHC hình thành mới, hạn chế tối đa tác động ảnh hưởng tới người dân, doanh nghiệp do phải chuyển đổi giấy tờ, chỉ dẫn địa lý liên quan đến ĐVHC cấp tỉnh.

1.3. Tên gọi của ĐVHC mới cần dễ nhận diện, ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ, bảo đảm tính hệ thống, khoa học và phát huy được lợi thế so sánh của địa phương, phù hợp với xu thế hội nhập.

1.4. Cấp uỷ, chính quyền địa phương thống nhất nhận thức, có trách nhiệm tạo sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân địa phương; góp phần giữ gìn, phát huy được giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa và tinh thần đoàn kết của Nhân dân đối với ĐVHC mới sau sắp xếp.

1.5. Nghiên cứu đặt tên của xã, phường theo số thứ tự hoặc theo tên của ĐVHC cấp huyện (trước sắp xếp) có gắn với số thứ tự để thuận lợi cho việc số hoá, cập nhật dữ liệu thông tin.

Tên của xã, phường mới sau sắp xếp không được trùng với tên của ĐVHC cùng cấp hiện có trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc phạm vi tỉnh, thành phố dự kiến thành lập theo định hướng sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nguyên tắc xác định trung tâm hành chính - chính trị

2.1. Lựa chọn trung tâm hành chính - chính trị của 01 trong số các ĐVHC hiện nay là trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC mới để bảo đảm chính quyền địa phương nhanh chóng đi vào hoạt động ổn định.

2.2. Trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC mới có vị trí địa lý thuận lợi, hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông phát triển (sân bay, đường bộ, cảng,...), dễ dàng kết nối với các khu vực trong nội tỉnh, thành phố và các đô thị lớn, trung tâm kinh tế của cả nước hoặc với hệ thống không gian biển.

2.3. Trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC mới cần có không gian phát triển trong tương lai; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của ĐVHC mới, bảo đảm hài hòa, hợp lý, tránh sự mất cân đối giữa các địa phương khi sáp nhập và giữ vững quốc phòng an ninh.

Sau khi ĐVHC mới đi vào hoạt động ổn định, có thể nghiên cứu quy hoạch, xây dựng các trung tâm hành chính - chính trị mới hợp lý, phù hợp với xu thế phát triển chung của địa phương và tạo ra không gian phát triển mới.

2.4. Cấp uỷ, chính quyền địa phương thống nhất nhận thức, có trách nhiệm tạo sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân địa phương.

3. Tiêu chí và Phương án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh

3.1. Tiêu chí

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành, phát triển, quá trình sắp xếp ĐVHC các cấp ở Việt Nam, cơ sở khoa học về các yếu tố cấu thành ĐVHC hành chính cấp tỉnh và kinh nghiệm quốc tế, đề xuất 06 tiêu chí sau:

3.1.1. Diện tích tự nhiên

Thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC có diện tích tự nhiên không đạt 100% tiêu chuẩn của ĐVHC cấp tỉnh quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15), cụ thể:

- a) Tỉnh thuộc khu vực miền núi, vùng cao: diện tích tự nhiên dưới **8.000 km²**
- b) Tỉnh thuộc khu vực đồng bằng: diện tích tự nhiên dưới **5.000 km²**.

Tiêu chuẩn khi được áp dụng yếu tố đặc thù (ĐVHC nông thôn ở vùng Đồng bằng sông Hồng thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn diện tích tự nhiên bằng 70% mức quy định đối với ĐVHC nông thôn tương ứng): diện tích tự nhiên dưới **3.500 km²**.

- c) Thành phố trực thuộc trung ương: diện tích tự nhiên dưới **1.500 km²**.

3.1.2. Quy mô dân số

Thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC có quy mô dân số không đạt 100% tiêu chuẩn của ĐVHC cấp tỉnh quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15), cụ thể:

- a) Tỉnh thuộc khu vực miền núi, vùng cao: quy mô dân số dưới **900.000** người;

Tiêu chuẩn khi được áp dụng yếu tố đặc thù: Tỉnh miền núi, vùng cao có 30% trở lên dân số là người dân tộc thiểu số thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định): quy mô dân số dưới **450.000** người.

- b) Tỉnh thuộc khu vực đồng bằng: quy mô dân số dưới **1.400.000** người;

Tiêu chuẩn khi được áp dụng yếu tố đặc thù: Tỉnh đồng bằng có biên giới quốc gia trên đất liền và có 30% trở lên dân số là người dân tộc thiểu số thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định): quy mô dân số dưới **700.000** người.

- c) Thành phố trực thuộc trung ương: quy mô dân số dưới **1.000.000** người.

Tiêu chuẩn khi được áp dụng đặc thù khi có đồng thời 02 yếu tố: (1) Có di sản văn hóa vật thể được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp quốc (UNESCO) công nhận; (2) Được xác định là trung tâm du lịch quốc tế

trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định: dưới **500.000** người.

3.1.3. Tiêu chí về lịch sử, truyền thống, văn hoá, dân tộc: Đơn vị hành chính cấp tỉnh có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hoá, dân tộc tương đồng, bảo đảm khối đoàn kết gắn bó của cộng đồng dân cư; giữ gìn và phát huy văn hóa, lịch sử, dân tộc của mỗi địa phương.

3.1.4. Tiêu chí về địa kinh tế: Đơn vị hành chính cấp tỉnh có vị trí địa lý liên kết, điều kiện tự nhiên, hạ tầng giao thông, sự phân bố và tổ chức các không gian kinh tế, quy mô và trình độ phát triển kinh tế phù hợp nhằm bảo đảm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế của mỗi địa phương, hỗ trợ lẫn nhau để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của ĐVHC sau sắp xếp.

3.1.5. Tiêu chí về địa chính trị: Cân nhắc kỹ các yếu tố về trình độ, năng lực quản lý của cấp ủy, chính quyền địa phương, mức độ chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ thông tin của chính quyền địa phương và người dân.

3.1.6. Tiêu chí về quốc phòng, an ninh: Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, đặc biệt xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc tại các địa bàn trọng yếu, khu vực đảo, quần đảo và vùng biên giới.

Trường hợp việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh đã phù hợp với định hướng của cấp có thẩm quyền và bảo đảm các tiêu chí của ĐVHC cấp tỉnh nêu trên thì không xem xét điều kiện và không đánh giá tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

3.2. Phương án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh

Căn cứ vào 06 tiêu chí nêu trên và định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 và Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025, Chính phủ đã nghiên cứu kỹ lưỡng, đa chiều với tư duy đổi mới và tầm nhìn chiến lược xây dựng phương án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh trình Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương thông qua với định hướng cụ thể như sau:

3.2.1. Số ĐVHC cấp tỉnh thực hiện sắp xếp

a) Có tổng số 52 ĐVHC cấp tỉnh thực hiện sắp xếp, gồm: 04 thành phố: Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ và 48 tỉnh: Hà Nam, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Ninh Thuận, Quảng Trị, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Đắk Nông, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Thuận, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Hậu Giang, Trà Vinh, Tiền

Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, An Giang, Long An, Cà Mau, Quảng Nam, Bình Định, Đắk Lắk, Đồng Nai, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng và Kiên Giang.

b) Riêng đối với tỉnh *Cao Bằng* có diện tích tự nhiên chưa đạt theo quy định (6.700,4 km² chỉ đạt 83,8% tiêu chuẩn) nhưng không thực hiện sắp xếp vì các lý do: (1) Tỉnh có đường biên giới quốc gia rất dài giáp với nước Trung Quốc, địa hình đồi núi cao chia cắt phức tạp, hiểm trở, có gần 95% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số; (2) Các tỉnh giáp ranh đều không phù hợp để sắp xếp, sáp nhập: Phía Tây giáp ranh tỉnh Hà Giang đã dự kiến sáp nhập với tỉnh Tuyên Quang thành một tỉnh mới có diện tích tự nhiên lớn. Phía Nam giáp ranh với tỉnh Bắc Kạn nhưng đã dự kiến sáp nhập với tỉnh Thái Nguyên. Phía Đông giáp ranh với tỉnh Lạng Sơn có diện tích lớn và đã bảo đảm đạt 100% cả 02 tiêu chuẩn về diện tích và quy mô dân số, nếu sáp nhập tỉnh Cao Bằng và tỉnh Lạng Sơn sẽ thành một tỉnh mới có chiều dài đường biên giới lớn, khó khăn trong công tác bảo đảm quốc phòng an ninh.

3.2.2. Phương án sắp xếp cụ thể đối với 52 ĐVHC cấp tỉnh

(1) Sáp nhập tỉnh **Hà Giang** và tỉnh **Tuyên Quang** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Tuyên Quang**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Tuyên Quang**, tỉnh **Tuyên Quang** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 13.795,6 km² và quy mô dân số 1.731.600 người.

(2) Sáp nhập tỉnh **Lào Cai** và tỉnh **Yên Bái** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Lào Cai**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Yên Bái**, tỉnh **Yên Bái** hiện nay (giảm 1 tỉnh) có diện tích tự nhiên 13.257 km² và quy mô dân số 1.656.500 người.

(3) Sáp nhập tỉnh **Bắc Kạn** và tỉnh **Thái Nguyên** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Thái Nguyên**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Thái Nguyên**, tỉnh **Thái Nguyên** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 8.375,3 km² và quy mô dân số 1.694.500 người.

(4) Sáp nhập tỉnh **Hòa Bình**, tỉnh **Vĩnh Phúc** và tỉnh **Phú Thọ** để thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Phú Thọ**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Việt Trì**, tỉnh **Phú Thọ** hiện nay (giảm 02 tỉnh) có diện tích tự nhiên 9.361,4 km² và quy mô dân số 3.663.600 người.

(5) Sáp nhập tỉnh **Bắc Giang** và tỉnh **Bắc Ninh** (đã được quy hoạch đến năm 2030 trở thành thành phố trực thuộc trung ương) thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Bắc Ninh**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Bắc Giang**, tỉnh **Bắc Giang** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 4.718,6 km² và quy mô dân số 3.509.100 người.

(6) Sáp nhập tỉnh **Thái Bình** và tỉnh **Hưng Yên** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Hưng Yên**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố**

Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 2.514,8 km² và quy mô dân số 3.208.400 người.

(7) Sáp nhập tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng thành 01 thành phố trực thuộc trung ương có tên gọi là thành phố Hải Phòng, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 3.194,7 km² và quy mô dân số 4.102.700 người.

(8) Sáp nhập tỉnh Hà Nam, tỉnh Nam Định và tỉnh Ninh Bình (đã được quy hoạch đến năm 2030, cơ bản đạt tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương) thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Ninh Bình, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình hiện nay (giảm 02 tỉnh) có diện tích tự nhiên 3.942,6 km² và quy mô dân số 3.818.700 người.

(9) Sáp nhập tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Quảng Trị, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 12.700 km² và quy mô dân số 1.584.000 người.

(10) Sáp nhập tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng thành 01 thành phố trực thuộc trung ương có tên gọi là thành phố Đà Nẵng, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 11.859,6 km² và quy mô dân số 2.819.900 người.

(11) Sáp nhập tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Quảng Ngãi, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 14.832,6 km² và quy mô dân số 1.861.700 người.

(12) Sáp nhập tỉnh Gia Lai và tỉnh Bình Định thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 21.576,5 km² và quy mô dân số 3.153.300 người.

(13) Sáp nhập tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa (đã được quy hoạch đến năm 2030 trở thành thành phố trực thuộc trung ương) thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Khánh Hòa, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 8.555,9 km² và quy mô dân số 1.882.000 người.

(14) Sáp nhập tỉnh Đắk Nông, tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Lâm Đồng, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng hiện nay (giảm 02 tỉnh) có diện tích tự nhiên 24.233,1 km² và quy mô dân số 3.324.400 người.

(15) Sáp nhập tỉnh **Phú Yên** và tỉnh **Đắk Lắk** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Đắk Lắk**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Buôn Ma Thuột**, tỉnh **Đắk Lắk** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 18.096,4 km² và quy mô dân số 2.831.300 người.

(16) Sáp nhập tỉnh **Bà Rịa - Vũng Tàu**, tỉnh **Bình Dương** và **Thành phố Hồ Chí Minh** thành 01 thành phố trực thuộc trung ương có tên gọi là **thành phố Hồ Chí Minh**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **Quận 1**, **thành phố Hồ Chí Minh** hiện nay (giảm 02 tỉnh), có diện tích tự nhiên 6.772,6 km² và quy mô dân số 13.608.800 người.

(17) Sáp nhập tỉnh **Bình Phước** và tỉnh **Đồng Nai** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Đồng Nai**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Biên Hoà**, tỉnh **Đồng Nai** hiện nay (giảm 1 tỉnh) có diện tích tự nhiên 12.737,2 km² và quy mô dân số 4.427.700 người.

(18) Sáp nhập tỉnh **Tây Ninh** và tỉnh **Long An** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Tây Ninh**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Tân An**, tỉnh **Long An** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 8.536,5 km² và quy mô dân số 2.959.000 người.

(19) Sáp nhập tỉnh **Sóc Trăng**, tỉnh **Hậu Giang** và **thành phố Cần Thơ** thành 01 thành phố trực thuộc trung ương mới có tên gọi là **thành phố Cần Thơ**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **quận Ninh Kiều**, **thành phố Cần Thơ** hiện nay (giảm 02 tỉnh), có diện tích tự nhiên 6.360,8 km² và quy mô dân số 3.207.000 người.

(20) Sáp nhập tỉnh **Bến Tre**, tỉnh **Vĩnh Long** và tỉnh **Trà Vinh** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Vĩnh Long**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Vĩnh Long**, tỉnh **Vĩnh Long** hiện nay (giảm 2 tỉnh) có diện tích tự nhiên 6.296,2 km² và quy mô dân số 3.367.400 người.

(21) Sáp nhập tỉnh **Tiền Giang** và tỉnh **Đồng Tháp** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Đồng Tháp**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Mỹ Tho**, tỉnh **Tiền Giang** (giảm 1 tỉnh) có diện tích tự nhiên 5.938,7 km² và quy mô dân số 3.397.200 người.

(22) Sáp nhập tỉnh **Bạc Liêu** và tỉnh **Cà Mau** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Cà Mau**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Cà Mau**, tỉnh **Cà Mau** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 7.942,4 km² và quy mô dân số 2.140.600 người.

(23) Sáp nhập tỉnh **Kiên Giang** và tỉnh **An Giang** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh An Giang**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Rạch Giá**, tỉnh **Kiên Giang** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 9.888,9 km² và quy mô dân số 3.679.200 người.

4. Tiêu chí và phương án tổ chức lại ĐVHC cấp xã

4.1. Nguyên tắc tổ chức sắp xếp lại ĐVHC cấp xã

Trên cơ sở định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 và Nghị quyết số 60-NQ/TW Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Chính phủ đã nghiên cứu, hoàn thiện kỹ lưỡng, đa chiều với tư duy đổi mới, từ đó đề xuất các nguyên tắc tổ chức sắp xếp, tổ chức lại các ĐVHC cấp xã hiện nay thành các ĐVHC cấp xã mới, như sau:

(1) Sắp xếp, tổ chức lại các ĐVHC cấp xã hiện nay theo hướng bỏ cấp trung gian (cấp huyện), hình thành các ĐVHC cấp xã mới, gồm xã, phường và đặc khu (không còn loại hình ĐVHC thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã, quận, huyện, thị trấn).

(2) ĐVHC cấp xã sau sắp xếp phải đảm bảo chính quyền địa phương cấp xã quản lý hiệu quả địa bàn, nắm chắc tình hình, gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt nhất.

(3) Trường hợp sắp xếp phường với các ĐVHC cùng cấp thì ĐVHC sau sắp xếp là phường; trường hợp sắp xếp xã, thị trấn thì ĐVHC mới sau sắp xếp là xã.

(4) Chuyển các huyện đảo, thành phố đảo hiện nay thành ĐVHC cấp xã có tên gọi là đặc khu. Theo đó, hình thành **11** đặc khu thuộc tỉnh từ **1** huyện đảo, (**11** huyện đảo, gồm: Vân Đồn, Cô Tô, Cát Hải, Trường Sa, Hoàng Sa, Phú Quý, Kiên Hải, Bạch Long Vĩ, Côn Cỏ, Lý Sơn, Côn Đảo). Riêng đối với **thành phố Phú Quốc** tỉnh Kiên Giang, cấp có thẩm quyền đã đồng ý chủ trương tách xã Thổ Châu thuộc thành phố Phú Quốc để thành lập **01** huyện riêng, theo đó nghiên cứu thành lập **02** đặc khu: Phú Quốc và Thổ Châu.

(5) Trường hợp thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã làm thay đổi địa giới ĐVHC cấp huyện thì không phải xem xét điều kiện, tiêu chuẩn và không phải thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh địa giới của ĐVHC cấp huyện mà ĐVHC cấp xã đó trực thuộc.

(6) Không bắt buộc sắp xếp đối với các ĐVHC cấp xã có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối với các ĐVHC liền kề hoặc có vị trí đặc biệt quan trọng ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh và việc bảo vệ chủ quyền quốc gia.

(7) Tổng số lượng ĐVHC xã, phường sau sắp xếp giảm còn khoảng 60 - 70% so với số lượng ĐVHC cấp xã hiện nay trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đồng thời phải bảo đảm tương quan hợp lý, tránh tạo sự giãn

cách, chênh lệch lớn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số giữa các xã, phường mới sau sắp xếp.

4.2. Về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành, phát triển, quá trình sắp xếp ĐVHC các cấp ở nước ta, căn cứ cơ sở khoa học về các yếu tố cấu thành ĐVHC cấp tỉnh, kinh nghiệm quốc tế và mô hình chính quyền địa phương cấp xã theo định hướng mới, đề xuất tiêu chí, tiêu chuẩn ĐVHC cấp xã như sau:

4.2.1. Căn cứ vào nguyên tắc sắp xếp ĐVHC quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, lựa chọn phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã, bảo đảm cả nước giảm khoảng 60% đến 70% số lượng ĐVHC cấp xã so với hiện nay, phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, miền núi, vùng cao, biên giới, vùng đồng bằng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đáp ứng các định hướng sau đây:

(1) Xã miền núi, vùng cao hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên đạt từ 200% trở lên và quy mô dân số đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

(2) Xã hình thành sau sắp xếp không thuộc trường hợp nêu trên có quy mô dân số đạt từ 200% trở lên và diện tích tự nhiên đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

(3) Phường hình thành sau sắp xếp thuộc thành phố trực thuộc trung ương có quy mô dân số từ 45.000 người trở lên; phường thuộc tỉnh hình thành sau sắp xếp ở khu vực miền núi, vùng cao, biên giới có quy mô dân số từ 15.000 người trở lên; các phường còn lại có quy mô dân số từ 21.000 người trở lên; diện tích tự nhiên đạt từ 5,5 km² trở lên.

(4) Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc ĐVHC cấp huyện ở hải đảo phải bảo đảm quốc phòng, an ninh theo định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2.2. Trường hợp sắp xếp từ 03 ĐVHC cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải xem xét, đánh giá tiêu chuẩn.

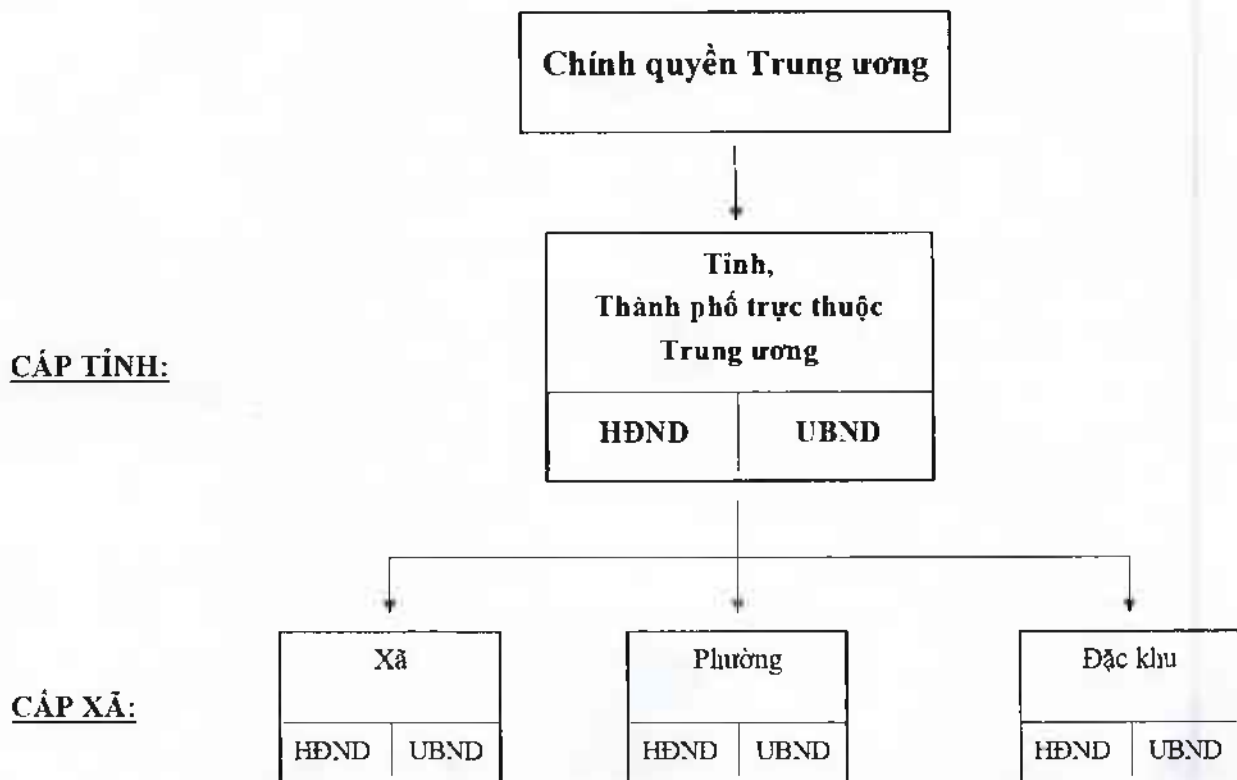
4.2.3. Trường hợp ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp không thể đáp ứng các định hướng về tiêu chuẩn quy định mà không thuộc trường hợp quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025 thì Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW và tiêu chí nêu trên, giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, xây dựng phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu định hướng của Trung ương; chính quyền địa phương cấp xã gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt nhất.

V. TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

1. Phương án tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp như sau:
(1) Cấp tỉnh gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (2) Cấp xã gồm xã, phường (trong đất liền) và đặc khu (ở hải đảo). Theo đó, bỏ ĐVHC cấp huyện và thị trấn.

Chính quyền địa phương	Cấp	Tên đơn vị hành chính
	Tỉnh	Tỉnh
		Thành phố trực thuộc Trung ương
	Xã	Xã
		Phường
		Đặc khu



1.1. Tổ chức chính quyền địa phương cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

1.1.1. Cơ cấu tổ chức: Cơ bản giữ nguyên như mô hình tổ chức chính quyền địa phương cấp tỉnh như hiện nay, cụ thể như sau:

a) Chính quyền địa phương cấp tỉnh gồm có Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND);

b) HĐND tỉnh thành lập 03 Ban là Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội (đối với tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số ***có thể*** thành lập thêm Ban Dân tộc). HĐND thành phố trực thuộc trung ương thành lập 04 Ban (Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Đô thị) theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

c) Việc tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ.

d) Nhập nguyên trạng các cơ quan thuộc HĐND, cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND ở ĐVHC cấp tỉnh mới hình thành sau sắp xếp. Đối với các cơ quan chuyên môn đặc thù thuộc HĐND, UBND cấp tỉnh thì việc tổ chức các cơ quan này do chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của Chính phủ.

1.1.2. Biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của cấp tỉnh sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức (số có mặt) của cấp tỉnh trước sắp xếp và thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản bố trí theo đúng quy định. Sau khi chính quyền địa phương cấp tỉnh sau sắp xếp đi vào hoạt động, đề nghị Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan liên quan căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh để xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền giao biên chế cho các địa phương.

1.1.3. Phương án bố trí đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh

a) Đề nghị Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương tham mưu, hướng dẫn bố trí, sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh (Đảng, đoàn thể, HĐND, UBND cấp tỉnh và các Ban chuyên môn của cơ quan Đảng, đoàn thể) của các địa phương sau sáp nhập, đặc biệt là nhân sự bố trí đối với cấp trưởng và định hướng giải quyết đối với số lượng cấp phó dồi dư sau sáp nhập các tỉnh, thành phố.

b) Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ hướng dẫn việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập. Trước mắt, giữ nguyên số lượng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị; sau khi các cơ quan này đi vào hoạt động ổn định, giao Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm, xác định biên chế các địa phương trình cấp có thẩm quyền giao biên chế của cả hệ thống chính trị ở các địa phương.

1.1.4. Chế độ, chính sách

Bảo lưu chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ hiện hưởng (nếu có) của cán bộ, công chức, viên chức được bố trí làm việc tại ĐVHC cấp tỉnh mới sau sắp xếp trong thời gian 06 tháng. Sau thời gian này sẽ thực hiện chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ phù hợp với quy định mới của pháp luật.

1.2. Tổ chức chính quyền địa phương cấp xã (xã, phường, đặc khu)

1.2.1. Cơ cấu tổ chức

a) Chính quyền địa phương cấp xã gồm có HĐND và UBND.

b) HĐND cấp xã thành lập 02 Ban là Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội.

c) Về tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã: Do bỏ toàn bộ ĐVHC cấp huyện, tổ chức sắp xếp lại các ĐVHC cấp xã để hình thành các ĐVHC cấp xã có quy mô lớn hơn so với cấp xã hiện nay; đồng thời chuyển toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện hiện nay về cho xã, phường, đặc khu thực hiện. Theo đó, Chính phủ dự kiến **UBND cấp xã tổ chức tối đa 04 Phòng chuyên môn và tương đương phù hợp với đặc điểm đô thị, nông thôn, hải đảo (đặc khu).**

- Đối với ĐVHC cấp xã giữ nguyên trạng (không sắp xếp) thì có thể không tổ chức Phòng chuyên môn. Chính phủ dự kiến bố trí tăng thêm 01 Phó Chủ tịch UBND và một số công chức cho UBND cấp xã nơi không tổ chức Phòng chuyên môn và giao chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với từng ĐVHC cấp xã trên địa bàn.

- Đối với trường hợp sắp xếp từ 02 ĐVHC cấp xã trở lên thành 01 ĐVHC cấp xã mới, định hướng tổ chức tối đa 04 Phòng chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp xã. Giao UBND cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, quy mô diện tích tự nhiên, dân số, đặc thù quản lý của từng ĐVHC cấp xã để quyết định số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND của từng cấp xã cho

phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo hướng dẫn của Chính phủ.

d) Định hướng tổ chức 04 Phòng và tương đương với các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

(1) Văn phòng HĐND và UBND *(tham mưu thực hiện nhiệm vụ chung của HĐND và UBND cấp xã)*

- Tham mưu, giúp HĐND, UBND cấp xã về: Chương trình, kế hoạch công tác của HĐND, Thường trực HĐND, UBND và cơ quan chuyên môn thuộc UBND; tham mưu hoạt động của Thường trực HĐND; công tác chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch UBND; cung cấp thông tin, bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của HĐND, UBND và các cơ quan nhà nước ở cấp xã; thực hiện công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các công tác tư pháp khác; công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác ngoại vụ, biên giới *(Đối với ĐVHC cấp xã có đường biên giới lãnh thổ quốc gia trên đất liền, trên biển và hải đảo)*.

(2) Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường và đặc khu Phú Quốc)

- **Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu):** Tham mưu, giúp UBND thực hiện các nhiệm vụ trong các lĩnh vực về: Phát triển kinh tế, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; quy hoạch, phát triển đô thị, hạ tầng đô thị; tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, kinh tế hợp tác; công tác giảm nghèo; đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường; xây dựng, giao thông; nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối, phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn; biển và hải đảo *(đối với ĐVHC cấp xã có biển, đảo)*; phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

- **Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường và đặc khu Phú Quốc):** Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ trong các lĩnh vực về: Phát triển kinh tế, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; quy hoạch, phát triển đô thị, quy hoạch xây dựng, kiến

trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; hạ tầng kỹ thuật đô thị (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị, chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch; công tác giảm nghèo; đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường; xây dựng, giao thông; biển và hải đảo (đối với ĐVHC cấp xã có biển, đảo); phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

(3) Phòng Văn hóa - Xã hội

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới; công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo;

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông (giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở); giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; quảng cáo; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); phát thanh truyền hình; báo chí; xuất bản; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin; khoa học và công nghệ; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

(4) Trung tâm phục vụ hành chính công

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục hành chính và cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan nhà nước ở Trung ương tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn để tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

Lưu ý: Đối với chính quyền địa phương đặc khu (hải đảo), chức năng, nhiệm vụ của các phòng và các dịch vụ công phục vụ người dân tại Trung tâm phục vụ hành chính công sẽ được điều chỉnh phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương đặc khu.

1.2.2. Tiêu chuẩn cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã

Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV ban hành Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) bảo đảm liên thông đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã với cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương. Trước mắt, Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã.

1.2.3. Biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp xã

Do quy mô ĐVHC cấp xã lớn hơn so với hiện nay và nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã tăng lên (*thực hiện toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện và cấp xã hiện nay*). Theo đó, Chính phủ dự kiến biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp xã theo định hướng như sau:

(1) Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện và cán bộ, công chức của cấp xã hiện có trước sắp xếp để bố trí cho các ĐVHC cấp xã mới (sau sắp xếp). Thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định. Giao Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã làm cơ sở xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp xã cho các địa phương.

(2) Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; giao chính quyền địa phương xem xét, ***có thể*** sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố; thực hiện chính sách nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà không bố trí công tác theo quy định.

(3) Căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các ĐVHC cấp xã, Chính phủ định hướng giao tổng biên chế chính quyền địa phương cấp xã cho các địa phương (dự kiến bình quân khoảng 32 biên chế/01 cấp xã). Trên cơ sở đó, giao chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định số lượng biên chế đối với chính quyền địa phương từng ĐVHC cấp xã trên địa bàn cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

1.2.4. Chế độ, chính sách

Bảo lưu chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ hiện hưởng (nếu có) của cán bộ, công chức được bố trí làm việc tại ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp trong thời gian 06 tháng. Sau thời gian này sẽ thực hiện chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ phù hợp với quy định mới của pháp luật.

1.3. Đối với thôn, tổ dân phố của cấp xã

Tiếp tục xác định thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính; trước mắt giữ nguyên thôn, tổ dân phố hiện có. Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ nghiên cứu và xác định lộ trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo hướng tinh gọn, phục vụ trực tiếp đời sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã.

1.4. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

1.4.1. Giữ nguyên các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế và thực hiện chuyển giao cho chính quyền cấp xã quản lý các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, trạm y tế của đơn vị cấp xã mới để bảo đảm công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân ngay tại cơ sở và bảo đảm đủ trường, lớp cho học tập của học sinh trên địa bàn cấp xã.

1.4.2. Đối với các đơn vị sự nghiệp khác, Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tinh gọn đầu mối, bảo đảm cung ứng nhiều dịch vụ công cơ bản, thiết yếu trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã, liên xã, phường.

1.5. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã

Đối với cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Là cấp cao nhất trong hệ thống tổ chức chính quyền địa phương, là nơi chịu sự chỉ đạo trực tiếp của chính quyền Trung ương. Cấp tỉnh có địa vị pháp lý rất quan trọng, có các chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền bao quát một địa bàn dân cư rộng lớn (*tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*) với các đặc điểm, đặc thù, tính chất và yêu cầu quản lý rất đa dạng. Vì vậy, đòi hỏi phải có một mô hình tổ chức thích hợp với đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và khả năng quản lý, điều hành, nhằm giúp Trung ương quản lý theo địa bàn lãnh thổ tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội tại mỗi tỉnh, thành phố, đảm bảo thực hiện hiệu quả các thể chế, chính sách, pháp luật thống nhất từ trung ương đến địa phương trên phạm vi cả nước. Theo đó, **cấp tỉnh vừa là cấp thực hiện chính sách (từ Trung ương), vừa là cấp ban hành chính sách trên địa bàn tỉnh, thành phố.**

Đối với cấp xã (xã, phường, đặc khu): Là cấp chính quyền sát dân nhất, gần bó mật thiết với Nhân dân, đại diện trực tiếp cho ý chí, nguyện vọng, quyền và lợi ích của Nhân dân, đồng thời là nơi trực tiếp tổ chức các hoạt động quản lý, điều

hành các công việc hành chính và trực tiếp tổ chức thực hiện các thể chế, chính sách, pháp luật của Trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh tại địa bàn cấp xã. Theo đó, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của chính quyền địa phương cấp xã cần được xây dựng và quy định phù hợp theo hướng **chủ yếu là Cấp thực hiện chính sách (từ trung ương và cấp tỉnh), được ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành pháp luật và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của cấp xã trên địa bàn.**

Từ định hướng xác định vị trí, vai trò, chức năng của từng cấp chính quyền địa phương (cấp tỉnh và cấp xã) nêu trên, làm căn cứ đề xuất xác định và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cấp tỉnh và cấp xã như sau:

1.5.1. Đối với chính quyền địa phương cấp tỉnh

Ngoài các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh theo quy định hiện hành, Chính phủ sẽ tập trung chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát, đề xuất sửa đổi Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật chuyên ngành để **đẩy mạnh phân cấp, phân quyền** cho chính quyền địa phương cấp tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn hiện nay đang quy định cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, bảo đảm phù hợp với thực tiễn, đặc điểm, đặc thù của từng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tạo sự chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh theo phương châm **“địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”**. Theo đó, **chính quyền địa phương cấp tỉnh có 10 Nhóm nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản sau đây:**

(1) Tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật ở địa phương bảo đảm tính thống nhất trong thực hiện thể chế, chính sách, pháp luật từ Trung ương đến địa phương, tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính quốc gia.

(2) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực của địa phương theo quy định của pháp luật; những vấn đề liên quan đến 02 ĐVHC cấp xã trở lên.

(3) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các nội dung liên quan đến phí, lệ phí, việc vay các nguồn vốn theo quy định của pháp luật.

(4) Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển các lĩnh vực tài chính, đầu tư, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đất đai, tài nguyên, môi trường, thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp,

xây dựng, giao thông vận tải, giáo dục, y tế, hành chính tư pháp, nội vụ, lao động, xã hội, văn hóa, thông tin, du lịch, thể dục thể thao của địa phương theo quy định của pháp luật.

(5) Quyết định biện pháp để thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo; biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, bảo đảm quyền con người, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác ở địa phương theo quy định của pháp luật;

(6) Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn sau khi đã báo cáo và được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện.

(7) Quyết định về các vấn đề về nhân sự của cấp mình và cấp xã theo phân cấp quản lý cán bộ của cơ quan có thẩm quyền; ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy định về phương thức tổ chức, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của cấp mình;

(8) Quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương các cấp theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao; quyết định tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; quyết định tổng số lượng và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách; quyết định chính sách trọng dụng nhân tài, chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương.

(9) Ban hành các chính sách, pháp luật về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung các thể chế, chính sách do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

(10) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được các cơ quan nhà nước ở Trung ương phân cấp, ủy quyền; các nhiệm vụ, quyền hạn chuyển giao từ chính quyền địa phương cấp huyện hiện nay đang thực hiện mà các nhiệm vụ, quyền hạn đó vượt quá khả năng thực hiện của cấp xã.

Đối với chính quyền địa phương thành phố trực thuộc Trung ương: Ngoài 10 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản nêu trên, còn có các nhiệm vụ, quyền hạn về quyết định chiến lược, cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị, các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; Quyết định biện pháp để phát huy vai trò trung tâm kinh tế - xã hội của đô thị lớn

trong mối liên hệ với các địa phương trong vùng, khu vực và cả nước; Quyết định biện pháp quản lý dân cư ở thành phố và tổ chức đời sống dân cư đô thị theo quy định của pháp luật.

1.5.2. Về chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp xã (xã, phường, đặc khu)

Chính quyền địa phương cấp xã (xã, phường, đặc khu) thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan trực tiếp đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn hiện đang được quy định cho chính quyền địa phương cấp xã và chính quyền địa phương cấp huyện. Theo đó, các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện hiện nay được chuyển toàn bộ về cho chính quyền địa phương cấp xã thực hiện. Căn cứ quy mô, điều kiện, đặc điểm của từng cấp xã và năng lực quản lý mà chính quyền địa phương cấp xã **được phân cấp, phân quyền nhiều hơn từ Trung ương và cấp tỉnh theo năng lực và yêu cầu quản lý (nhất là đối với các phường thuộc đô thị lớn, đặc khu Phú Quốc và các xã có quy mô lớn)**. Theo đó, **chính quyền địa phương cấp xã có 07 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản sau đây:**

(1) Tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và văn bản của cơ quan cấp trên ở địa bàn.

(2) Quyết định về tài chính, ngân sách của cấp mình trên địa bàn cấp xã (trừ các nội dung thuộc thẩm quyền cấp tỉnh); được ban hành văn bản quy phạm pháp luật; được hỗ trợ nguồn tài chính, ngân sách từ Trung ương và cấp tỉnh để bảo đảm cho các hoạt động công ích.

(3) Thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp, phát triển cộng đồng, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ, thúc đẩy ngành du lịch, dịch vụ.

(4) Quản lý tài sản, cơ sở hạ tầng phục vụ người dân trên địa bàn; quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ trẻ em, phúc lợi xã hội; duy trì truyền thống văn hóa ở địa phương, quản lý các cơ sở văn hóa, thể thao và giải trí.

(5) Cung ứng các dịch vụ công thiết yếu phục vụ người dân như cấp nước, xử lý nước thải, rác thải, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trên địa bàn.

(6) Giải quyết các thủ tục hành chính và cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân trên địa bàn.

(7) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được chính quyền địa phương cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền.

Đối với chính quyền địa phương ở phường (đô thị) thì ngoài việc thực hiện 07 nhóm nhiệm vụ chung của chính quyền địa phương cấp xã nêu trên, còn thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn riêng có của chính quyền đô thị. Đối với

chính quyền địa phương ở đặc khu (hải đảo) thì ngoài việc thực hiện 07 nhóm nhiệm vụ chung của chính quyền địa phương cấp xã, còn thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn riêng có của chính quyền địa phương đặc khu phù hợp với đặc thù của hải đảo.

3. Mối quan hệ công tác giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã; mối quan hệ công tác theo ngành dọc từ trung ương đến cấp tỉnh và cấp xã

3.1. Mối quan hệ công tác giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã

Mối quan hệ công tác giữa cấp tỉnh và cấp xã trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp là mối quan hệ chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ, phối hợp và cơ chế thông tin, báo cáo để đảm bảo sự thống nhất, hiệu quả trong quản lý nhà nước ở địa phương, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của cấp xã trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, cụ thể như sau:

a) Quan hệ chỉ đạo, điều hành theo chiều dọc và tính độc lập tương đối của chính quyền địa phương cấp xã

- Theo quy định của Hiến pháp, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước tuân thủ nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nguyên tắc tập trung dân chủ, hình thức tổ chức nhà nước là nhà nước đơn nhất, lãnh thổ được chia thành các ĐVHC. Do vậy, chính quyền cấp tỉnh có chức năng, nhiệm vụ quản lý, điều hành tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng,... trên địa bàn tỉnh, thành phố (bao gồm cả cấp xã).

- Trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, cấp tỉnh đóng vai trò là cấp trực tiếp chỉ đạo và quản lý, điều hành các hoạt động của cấp xã trên địa bàn cấp tỉnh, thông qua việc cấp tỉnh có thẩm quyền ban hành các nghị quyết, quyết định, chỉ thị để chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành và kiểm tra việc thực hiện đối với cấp xã, đảm bảo các hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã phải thống nhất với các chủ trương, chính sách của chính quyền Trung ương và các nghị quyết, quyết định của HĐND và UBND cấp tỉnh.

- Chính quyền địa phương cấp tỉnh kiểm tra, giám sát đối với chính quyền địa phương cấp xã thông qua việc HĐND cấp tỉnh thực hiện quyền giám sát việc thi hành Hiến pháp, pháp luật tại địa phương, giám sát hoạt động của UBND cùng cấp và cấp xã theo quy định của pháp luật,... UBND cấp tỉnh thực hiện quyền kiểm tra, thanh tra hành chính đối với chính quyền địa phương cấp xã, đảm bảo hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong hệ thống hành chính. Việc kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực của chính quyền địa phương cấp tỉnh còn được thực hiện thông qua công tác nhân sự. Theo đó, Thường trực HĐND cấp tỉnh thực hiện việc phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã; Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê

chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định điều động, cách thức Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã. Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực của chính quyền cấp tỉnh đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách và các nhiệm vụ được giao của chính quyền cấp xã sẽ đảm bảo hoạt động của cấp xã đi đúng hướng và hiệu quả.

- Chính quyền cấp tỉnh thực hiện việc phân cấp, ủy quyền các nhiệm vụ quản lý nhà nước cho chính quyền cấp xã nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp xã trong quản lý, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã có một chương riêng về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền của chính quyền địa phương các cấp phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

- Chính quyền địa phương cấp xã ***là cấp thực hiện chính sách*** có sự độc lập tương đối trong việc quyết định các vấn đề của địa phương phù hợp với chính sách, thể chế của Trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh; thực hiện quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội ở địa phương theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương cấp tỉnh. Chính quyền địa phương cấp xã phải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Hiến pháp, luật và các văn bản của cơ quan nhà nước ở trung ương và các văn bản của chính quyền địa phương cấp tỉnh; chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương cấp tỉnh về kết quả hoạt động của mình, chịu sự giám sát, kiểm tra của chính quyền địa phương cấp tỉnh và có thể bị áp dụng các chế tài như đình chỉ, bãi bỏ văn bản trái pháp luật, bị giải tán nếu vi phạm pháp luật, làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân.

b) Quan hệ hướng dẫn và hỗ trợ

- Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ: Chính quyền địa phương cấp tỉnh (thông qua các cơ quan chuyên môn trực thuộc) có trách nhiệm hướng dẫn chính quyền địa phương cấp xã về chuyên môn, nghiệp vụ trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương như đất đai, tài chính, ngân sách, xây dựng, văn hóa, xã hội,... thông qua hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

- Hỗ trợ về nguồn lực: Chính quyền địa phương cấp tỉnh hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã về nguồn lực tài chính, nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do chính quyền địa phương cấp tỉnh triển khai có sự tham gia và thụ hưởng của chính quyền địa phương cấp xã.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực: Chính quyền địa phương cấp tỉnh tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc tại địa bàn.

c) Quan hệ phối hợp

- Phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ: Chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các nhiệm vụ chung, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc có tính chất liên xã, liên phường, như: phòng chống thiên tai, dịch bệnh, xây dựng hạ tầng giao thông, phát triển kinh tế - xã hội,...

- Trong quá trình xây dựng và ban hành các quyết định, chính sách có liên quan đến cấp xã, chính quyền địa phương cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến của chính quyền địa phương cấp xã, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện, đặc điểm của cấp xã.

d) Chế độ thông tin, báo cáo

- Báo cáo định kỳ và đột xuất: Chính quyền địa phương cấp xã có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và các vấn đề khác ở địa phương cho chính quyền địa phương cấp tỉnh.

- Thông tin hai chiều: Chính quyền địa phương cấp tỉnh thực hiện thông tin kịp thời, đầy đủ cho chính quyền địa phương cấp xã về các chủ trương, chính sách mới, các chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên cũng như các thông tin liên quan đến tình hình phát triển của tỉnh, thành phố và của đất nước. Đồng thời, chính quyền địa phương cấp tỉnh thực hiện tiếp nhận thông tin phản hồi từ chính quyền địa phương cấp xã để nắm bắt tình hình thực tế và điều chỉnh chính sách trên địa bàn cho phù hợp.

Như vậy, mối quan hệ công tác giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là một mối quan hệ đa dạng, hai chiều nhưng mang tính hệ thống và hữu cơ. Đây không chỉ là quan hệ chỉ đạo - phục tùng đơn thuần mà còn bao gồm các yếu tố hướng dẫn, hỗ trợ, phối hợp và thông tin. Mục tiêu của mối quan hệ này là đảm bảo sự thống nhất, hiệu quả, đồng bộ trong quản lý nhà nước ở địa phương, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của cả hai cấp, phục vụ tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3.2. Mối quan hệ công tác theo ngành dọc từ trung ương đến cấp xã (giữa bộ, ngành trung ương, các Sở, ngành chuyên môn cấp tỉnh và phòng, ban chuyên môn cấp xã)

Khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương theo 2 cấp, việc đảm bảo vận hành thuận lợi, đồng bộ, liên thông, thống nhất, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả mỗi

quan hệ công tác theo ngành dọc từ trung ương đến các cấp chính quyền địa phương là rất quan trọng. Điều này đòi hỏi mô hình mới (02 cấp) không chỉ tinh gọn bộ máy theo chiều ngang (giảm cấp trung gian) mà còn tối ưu hóa quy trình thực hiện công việc và trách nhiệm theo chiều dọc (từ trung ương xuống địa phương). Trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo 2 cấp, vai trò của trung ương là cần phải đảm bảo sự thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của toàn bộ hệ thống chính quyền nhà nước từ trung ương đến địa phương. Trung ương (các bộ, ngành) sẽ đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, hỗ trợ và kiểm soát đối với chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã (thông qua các Sở chuyên ngành theo lĩnh vực) nhưng cách thức và mức độ can thiệp sẽ khác nhau đối với từng cấp. Trung ương duy trì mối quan hệ chỉ đạo, kiểm soát và hỗ trợ chiến lược đối với cấp tỉnh, đảm bảo cấp tỉnh hoạt động theo đúng quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đối với cấp xã, vai trò của Trung ương có sự điều chỉnh, tập trung vào việc tạo khung pháp lý, chính sách và hỗ trợ gián tiếp thông qua cấp tỉnh. Trung ương không trực tiếp can thiệp sâu vào hoạt động thường xuyên của cấp xã mà chủ yếu thông qua hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm soát của cấp tỉnh.

Trên cơ sở đó, trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, *mối quan hệ công tác theo ngành dọc từ trung ương đến cấp xã như sau:*

a) Các bộ, ngành trung ương

Bộ, ngành trung ương đóng vai trò là cơ quan quản lý nhà nước cao nhất theo từng ngành, lĩnh vực trên phạm vi cả nước. Đối với hệ thống ngành dọc xuống đến cấp xã, vai trò của bộ, ngành trung ương là:

- Đề xuất cấp có thẩm quyền thiết lập khuôn khổ pháp lý và chính sách: Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trên toàn quốc, là nền tảng pháp lý và chính sách để các cấp chính quyền địa phương triển khai thực hiện.

- Định hướng chuyên môn và nghiệp vụ: Ban hành các hướng dẫn, quy trình, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ cho toàn ngành, đảm bảo tính thống nhất quản lý ngành, lĩnh vực từ trung ương xuống đến cấp xã.

- Giám sát và đánh giá: Thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách và các quy định của ngành tại các cấp địa phương, bao gồm cả chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã. Đồng thời, tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động của ngành trên phạm vi cả nước.

- Hỗ trợ về nguồn lực và năng lực: Cung cấp hỗ trợ về tài chính (qua các chương trình, dự án), đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thuộc hệ thống ngành dọc ở địa phương.

b) Các sở chuyên ngành, cơ quan, tổ chức khác thuộc chính quyền địa phương cấp tỉnh

Sở chuyên ngành, cơ quan, tổ chức khác thuộc chính quyền địa phương cấp tỉnh đóng vai trò là cơ quan trung gian, điều phối, là cầu nối giữa bộ, ngành trung ương, chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã trong hệ thống ngành dọc. Sở, ngành chuyên môn chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và sự chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Vai trò của các sở chuyên ngành, cơ quan, tổ chức khác thuộc chính quyền địa phương cấp tỉnh như sau:

- Cụ thể hóa và triển khai chính sách của trung ương cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cấp tỉnh để triển khai các chính sách đó.

- Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho cấp xã, cho cán bộ, công chức phụ trách lĩnh vực tương ứng.

- Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ cấp xã trong việc thực hiện các quy định, chính sách của ngành đồng thời hỗ trợ cấp xã giải quyết các khó khăn, vướng mắc về chuyên môn nghiệp vụ.

- Tổng hợp thông tin, báo cáo từ cấp xã về tình hình hoạt động của ngành trên địa bàn tỉnh, tổng hợp và báo cáo lên Bộ, ngành trung ương và UBND tỉnh.

c) Mối quan hệ công tác ngành dọc từ trung ương, cấp tỉnh đến cơ quan chuyên môn của cấp xã

- Quan hệ chỉ đạo - phục tùng về chuyên môn, nghiệp vụ: Cấp dưới (sở chuyên ngành và cơ quan, tổ chức khác thuộc chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã) phục tùng sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của cấp trên (Bộ, ngành trung ương).

- Quan hệ hướng dẫn, kiểm tra: Cấp trên hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của cấp dưới để đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả hoạt động của ngành, lĩnh vực.

- Quan hệ thông tin hai chiều: Thông tin được truyền từ trên xuống (chính sách, chỉ thị, hướng dẫn,...) và từ dưới lên (báo cáo, phản hồi, đề xuất...).

- Quan hệ phối hợp: Các cấp thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ với nhau để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chung của ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo tập trung, thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với nền hành chính nhà nước.

Tóm lại, trong mô tổ chức hình chính quyền địa phương 2 cấp, vai trò của trung ương đóng vai trò quyết định đối với việc kiến tạo khuôn khổ pháp lý, định hướng phát triển, thực hiện đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và điều phối quyền

lực, hỗ trợ nguồn lực và kiểm soát hoạt động của chính quyền địa phương (cấp tỉnh, cấp xã). Tuy nhiên, đối với cấp tỉnh, trung ương duy trì mối quan hệ chỉ đạo, điều hành và kiểm soát trực tiếp, toàn diện. Đối với cấp xã, vai trò của trung ương mang tính gián tiếp, chủ yếu thông qua cấp tỉnh, tập trung vào việc tạo lập khung pháp lý, chính sách chung và hỗ trợ gián tiếp nhằm tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, đồng thời vẫn đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất, thông suốt của trung ương và sự vận hành hiệu quả, đồng bộ của toàn bộ hệ thống chính quyền nhà nước.

Phần thứ ba

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Thực hiện đúng các nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ việc sắp xếp hệ thống chính trị thống nhất, kịp thời, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy các cơ quan Trung ương, địa phương, trong đó đặc biệt vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, nhất là người đứng đầu phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

3. Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, công tác tư tưởng cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người dân nhận thức rõ nhiệm vụ chính trị, lợi ích của việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp để tạo được sự đồng thuận cao trong quá trình thực hiện. Cấp ủy, chính quyền địa phương cần lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người dân, của cán bộ, công chức, viên chức để tạo được sự đồng thuận; các cơ quan Trung ương cần sát sao hơn để cùng địa phương nắm tình hình và chỉ đạo giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

4. Khẩn trương nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật bảo đảm đơn giản hóa quy trình, thủ tục, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện; đặc biệt quan tâm chú trọng hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động ảnh hưởng của việc triển khai thực hiện Đề án sau khi đã được Ban Chấp hành Trung ương thông qua.

5. Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp phải gắn với việc đổi mới căn bản, toàn diện phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng, hệ thống chính trị ở địa phương, phương thức tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương các cấp; xác định và phân định rõ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã; thực hiện hiệu quả việc phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp xã nhằm đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; bảo đảm các điều kiện cần thiết về tài chính, nguồn nhân lực, hạ tầng giao thông đồng bộ, thông suốt, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số, công dân số nhằm thích ứng nhanh yêu cầu tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp.

6. Việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp ngoài việc căn cứ vào các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, còn phải tính đến mục tiêu, quan trọng là mở rộng không gian phát triển mới, tạo động lực của các ĐVHC trong mỗi liên hệ với nội vùng và liên kết vùng; đồng thời phải nghiên cứu kỹ lưỡng các yếu tố đặc thù về lịch sử truyền thống, văn hóa, điều kiện kết nối hạ tầng giao thông và sự tương đồng giữa các ĐVHC cùng cấp, bảo đảm sự phát triển kinh tế - xã hội trong chiến lược dài hạn, tạo thuận lợi tối đa cho cuộc sống, sinh hoạt và giao dịch hành chính của người dân.

7. Quá trình rà soát, đánh giá hiện trạng ĐVHC, lập phương án sắp xếp ĐVHC các cấp và dự kiến bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp phải được tiến hành khoa học, khách quan, công khai, minh bạch nhằm bảo đảm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn, kỹ năng thực hiện công việc nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đồng thời, quan tâm việc bố trí và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là những người trực tiếp chịu tác động ảnh hưởng khi sắp xếp tổ chức và tinh giản biên chế phải kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng và của pháp luật; chú trọng chăm lo đời sống của Nhân dân, gắn sắp xếp tổ chức bộ máy với thiết thực nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

8. Tập trung hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, nắm bắt tình hình thực hiện thường xuyên, liên tục ở các cấp, bảo đảm kịp thời tháo gỡ, giải quyết ngay các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện; đồng thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có hướng dẫn phù hợp trong trường hợp vượt quá thẩm quyền. Ở giai đoạn ngay sau khi sắp xếp, cần quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư cần thiết để các ĐVHC cấp tỉnh và cấp xã mới sớm ổn định về tổ chức và hoạt động, có nền tảng ban đầu để thực hiện yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, để người dân thấy được ngay tác dụng, hiệu quả tích cực của việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và thiết lập tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các cơ quan Trung ương

1.1. Đề nghị Bộ Chính trị chủ trì Hội nghị toàn quốc quán triệt triển khai thực hiện đến các tỉnh ủy, thành ủy, các Ban Đảng, cấp ủy các Bộ, ngành trung ương về việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương.

1.2. Đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

a) Kịp thời xem xét, ban hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025 theo đề nghị của Chính phủ, bảo đảm đơn giản hoá quy trình thủ tục, đề cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, hoàn thành trước ngày **15/4/2025**;

b) Chỉ đạo khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội (Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp ĐVHC và các Luật chuyên ngành có liên quan,...); ban hành các nghị quyết về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh và cấp xã, hoàn thành trước ngày **30/6/2025**.

1.3. Chính phủ:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, hiệu quả việc sắp xếp, hợp nhất các ĐVHC cấp tỉnh, sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã (bỏ cấp huyện) và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng chủ trương của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

b) Chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về xây dựng, thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; ban hành Nghị quyết của Chính phủ về Kế hoạch thực hiện; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phân công các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch, tiến độ được giao.

c) Chỉ đạo Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trung ương liên quan hướng dẫn UBND cấp tỉnh xây dựng Đề án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã ở địa phương trình Chính phủ để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền, hoàn thành trước ngày **15/6/2025**.

d) Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Cán bộ, công chức; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các Luật chuyên ngành và các Nghị định, thông tư quy định về cơ cấu

tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn và các vấn đề liên quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã) khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thuộc thẩm quyền đề xuất hoặc ban hành của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, bảo đảm thực hiện đồng bộ với thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013, không tạo ra khoảng trống pháp lý để chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã sau sắp xếp hoạt động liên tục, thông suốt, kịp thời phục vụ người dân và doanh nghiệp, hoàn thành *trước ngày 30/6/2025*.

d) Chỉ đạo bố trí ngân sách hỗ trợ cho các tỉnh, thành phố nhận bổ sung cân đối ngân sách trung ương bảo đảm điều kiện cho việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã với mức **100 tỷ đồng** cho 01 ĐVHC cấp tỉnh giảm, **500 triệu đồng** cho 01 ĐVHC cấp xã giảm.

e) Chỉ đạo Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Chính phủ để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, HĐND và UBND cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Nghị quyết về việc sắp xếp ĐVHC các cấp sau khi được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành. Kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong quá trình thực hiện.

Thời gian hoàn thành: *30/6/2025*.

2. Đối với tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

2.1. Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai xây dựng Đề án sắp xếp, hợp nhất các ĐVHC cấp tỉnh (đối với các tỉnh, thành phố thực hiện sáp nhập) và tổ chức lại ĐVHC cấp xã theo đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn, định hướng của Trung ương, bảo đảm chính quyền địa phương cấp xã gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt nhất.

2.2. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động trong quá trình thực hiện.

2.3. Chỉ đạo UBND cấp tỉnh chủ động, khẩn trương xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã bảo đảm đúng chỉ đạo, định hướng của Trung ương trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. UBND cấp tỉnh quyết định nội dung, hình thức, thời hạn tổ chức lấy ý kiến Nhân dân là cử tri

đại diện hộ gia đình trên địa bàn cho phù hợp với thực tiễn địa phương, thông qua HĐND các cấp trước khi trình Chính phủ theo quy định.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày **01/5/2025**.

2.4. Theo phân công của Chính phủ, tỉnh uỷ, thành uỷ nơi được xác định là trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC cấp tỉnh mới chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các địa phương liên quan xây dựng Đề án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh theo phương án và lộ trình đã được cấp có thẩm quyền thông qua để trình Chính phủ.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày **01/5/2025**.

2.5. Chủ động chỉ đạo, tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gắn chặt chẽ với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ tại các ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm chính quyền địa phương các cấp sau sắp xếp, tổ chức lại ổn định, đi vào hoạt động thông suốt, không để khoảng trống pháp lý, gián đoạn công việc của từng cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính quyền địa phương các cấp. Đối với các tỉnh, thành phố sắp xếp, sáp nhập chủ động có giải pháp bố trí trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, phương tiện đi lại cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, thành phố mới sau sáp nhập./.

**TÓM TẮT DỰ THẢO ĐỀ ÁN
HỢP NHẤT TỈNH AN GIANG VÀ TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị 11 Ban Chấp hành trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/03/2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, sau khi phối hợp với tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trình Chính phủ Đề án hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP, SÁP NHẬP ĐVHC CẤP TỈNH**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 130-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư ngày 14/3/2025 về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hội nhập quốc tế sâu rộng cần thiết phải mở rộng và đảm bảo tính thống nhất về không gian địa lý, sự liên thông các nguồn lực, bố trí và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực phát triển của đất nước. Việc xây dựng nền quản trị quốc gia, quản trị địa phương hiện đại, hiệu lực, hiệu quả với sự tham gia của nhiều chủ thể dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi vai trò quản lý của các cấp chính quyền địa phương. Hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ngày càng phát triển, tạo khả năng kết nối hiệu quả giữa chính quyền và người dân, cộng đồng doanh nghiệp, khoảng cách không gian giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp ngày càng thu hẹp địa lý và ranh giới địa giới giữa các ĐVHC. Vì vậy, việc tổ chức hợp lý, hướng đến ổn định lâu dài của ĐVHC các cấp có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương; phát huy được những tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương, vùng nói riêng và của cả nước nói chung.

Trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển, quá trình chia, tách ĐVHC các cấp diễn ra qua nhiều giai đoạn, việc hình thành các ĐVHC mới đã thúc đẩy sự phát triển về kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng được đầu tư, năng lực quản lý của bộ máy nhà nước ngày càng tốt và gần dân, sát với dân hơn, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội và đời sống của người dân được bảo đảm. Tuy nhiên, việc chia nhỏ ĐVHC đã dẫn đến một số bất cập, làm phân tán nguồn lực, không phát huy được hết lợi thế, tiềm năng phát triển của các địa phương; làm tăng số lượng ĐVHC các cấp, theo đó tăng số lượng các cơ quan, tổ chức của đảng, đoàn thể, chính quyền, tăng số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị ở địa phương, dẫn đến tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị chồng chéo, tầng nấc, lãng phí ngân sách nhà nước và nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Trong bối cảnh bộ máy nhà nước đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hóa và triển khai thực hiện qua môi trường mạng. Chuyển đổi số gắn với chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính giúp đơn

giản hóa trình tự, thủ tục thực hiện công việc của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tăng năng suất và hiệu quả công việc. Nhiều công việc trung gian được thay thế bằng hệ thống phần mềm điện tử, giúp vận hành hiệu quả hơn mà không cần nhiều tổ chức hành chính và biên chế.

Trên cơ sở thực tiễn tổ chức ĐVHC các cấp thời gian qua và kết quả tích cực của công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã các giai đoạn 2019 - 2021 và 2023 - 2025; Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 và Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 trong đó yêu cầu “Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 2 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”.

Từ các căn cứ nêu trên, thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 60-NQ/TW, Kết luận số 126-KL/TW, Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 130-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh và thịnh vượng của đất nước, của dân tộc, phù hợp với xu thế chung của thế giới thì việc hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang là cần thiết.

Phần II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐVHC CẤP TỈNH

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, SÁP NHẬP

1. Tỉnh An Giang

1.1. Giai đoạn 1945 - 1975

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đến ngày 12/9/1947, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) ban hành Chỉ thị số 50/CT. Theo đó, sắp xếp tỉnh Châu Đốc và tỉnh Long Xuyên thành các tỉnh mới lấy tên là Long Châu Tiền và Long Châu Hạ.

Tháng 10/1950, tỉnh Long Châu Hạ hợp nhất với tỉnh Hà Tiên thành tỉnh Long Châu Hà, gồm 08 huyện: Tịnh Biên, Tri Tôn, Châu Phú A, Châu Thành, Thoại Sơn, Thốt Nốt, Giang Châu, Phú Quốc. Tháng 7/1951, hợp nhất 02 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên thành huyện Tịnh Biên; hợp nhất 02 huyện Châu Thành và Thoại Sơn thành huyện Châu Thành. Tháng 6/1951, tỉnh Long Châu Tiền hợp nhất với tỉnh Sa Đéc thành tỉnh Long Châu Sa, gồm 07 huyện: Châu Thành, Lai Vung, Cao Lãnh, Tân Hồng, Tân Châu, Phú Châu, Chợ Mới. Tháng 7/1951, nhập huyện Lấp Vò vào tỉnh Long Châu Sa quản lý. Đến năm 1954, giải thể các tỉnh Long Châu Sa và Long Châu Hà, đồng thời khôi phục lại các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc và Hà Tiên như cũ.

Ngày 22/10/1956, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm ký Sắc lệnh 143/VN. Theo đó, sáp nhập tỉnh Châu Đốc và tỉnh Long Xuyên thành tỉnh An Giang, bao gồm 08 quận: Châu Thành, Tân Châu, Tri Tôn, Tịnh Biên, Châu Thành, Chợ Mới, Núi Sập và Thốt Nốt.

Ngày 06/8/1957, tách 13 xã phía Bắc của quận Châu Phú để thành lập quận An Phú thuộc tỉnh An Giang. Ngày 31/5/1961, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đổi tên quận Núi Sập thành quận Huệ Đức.

Về phía chính quyền Cách mạng, năm 1957 cũng thực hiện sáp nhập tỉnh Long Xuyên và tỉnh Châu Đốc thành tỉnh An Giang. Tỉnh An Giang có 09 huyện: Chợ Mới, Thốt Nốt, Núi Sập, Châu Thành, Châu Phú, An Phú, Tân Châu, Tịnh Biên, Tri Tôn và 02 thị xã: Long Xuyên, Châu Đốc. Chính quyền Cách mạng cũng trả huyện Hồng Ngự về tỉnh Kiến Phong và huyện Lấp Vò về tỉnh Sa Đéc. Năm 1963, chuyển huyện Thốt Nốt về tỉnh Cần Thơ quản lý.

Năm 1965, chính quyền Cách mạng giao huyện Hà Tiên và huyện Phú Quốc (cùng thuộc tỉnh Rạch Giá) về tỉnh An Giang quản lý. Đến năm 1967 lại trả hai huyện Hà Tiên và Phú Quốc về cho tỉnh Rạch Giá như trước. Tháng 12/1965, huyện Chợ Mới chuyển về tỉnh Kiến Phong quản lý. Đến tháng 5/1974, chính quyền Cách mạng chuyển huyện Chợ Mới về tỉnh Sa Đéc quản lý. Năm 1971, Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập tỉnh Châu Hà, tách ra từ tỉnh An Giang và tỉnh Rạch Giá, trên phần đất tỉnh Châu Đốc và tỉnh Hà Tiên trước năm 1956. Lúc này tỉnh Châu Hà còn có thêm các huyện Châu Thành A, Hà Tiên và Phú Quốc vốn cùng thuộc tỉnh Rạch Giá trước đó. Tỉnh Châu Hà gồm các huyện: Huệ Đức, Tịnh Biên, Tri Tôn, Châu Thành A, Hà Tiên và Phú Quốc.

Tháng 5/1974, chính quyền Cách mạng quyết định giải thể các tỉnh An Giang, Châu Hà và Kiến Phong để tái lập các tỉnh Long Châu Hà, Long Châu Tiền và Sa Đéc.

1.2. Giai đoạn 1975 - 1997

Sau sự kiện 30/4/1975, chính quyền quân quản Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban đầu vẫn duy trì các tỉnh Long Châu Hà và Long Châu Tiền như trước. Lúc này, chính quyền Cách mạng cũng bỏ danh xưng “quận” có từ thời Pháp thuộc và lấy danh xưng “huyện” (quận và phường dành cho các đơn vị hành chánh tương đương khi đã đô thị hóa).

Ngày 20/9/1975, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 245-NQ/TW về việc bỏ khu, hợp tỉnh trong toàn quốc nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước. Theo đó, chia các tỉnh Long Châu Hà và Long Châu Tiền và sáp nhập vào các tỉnh mới, tên gọi tỉnh mới cùng với nơi đặt tỉnh lỵ sẽ do địa phương đề nghị. Cụ thể như sau: Tỉnh Rạch Giá (ngoại trừ 02 huyện Vĩnh Thuận và An Biên) cùng với toàn bộ diện tích tỉnh Long Châu Hà và huyện Thốt Nốt của

tỉnh Cần Thơ hợp nhất lại thành một tỉnh. Các tỉnh Long Châu Tiền, Sa Đéc và Kiên Tường sẽ hợp nhất lại thành một tỉnh. Nhưng đến ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh việc hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo đó thành lập tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Châu Đốc, đồng thời chuyển huyện Thốt Nốt về tỉnh Hậu Giang quản lý.

Tháng 02/1976, tỉnh An Giang chính thức được tái lập, bao gồm 08 huyện: Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Huệ Đức, Phú Châu, Phú Tân, Tịnh Biên, Tri Tôn và 02 thị xã: Long Xuyên (tỉnh lỵ), Châu Đốc. Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 56-CP về việc hợp nhất một số huyện thuộc tỉnh An Giang. Theo đó: Hợp nhất 02 huyện Huệ Đức và Châu Thành thành huyện Châu Thành; hợp nhất 02 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên thành huyện Bảy Núi.

Ngày 23/8/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 300-CP về việc điều chỉnh địa giới một số huyện và thị xã thuộc tỉnh An Giang. Theo đó: Chia huyện Bảy Núi thành 02 huyện: Tri Tôn và Tịnh Biên; chia huyện Châu Thành thành 02 huyện: Châu Thành và Thoại Sơn. Ngày 13/11/1991, chia huyện Phú Châu thành 02 huyện Tân Châu và An Phú.

Ngày 12/11/1994, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 669-TTg về việc xác định đường ranh giới hành chính giữa hai tỉnh Kiên Giang và An Giang. Đến năm 1996, hoàn tất việc xác định ranh giới giữa tỉnh An Giang và các tỉnh lân cận.

1.3. Giai đoạn 1997 - 2018

Ngày 01/3/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/1999/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Long Xuyên thuộc tỉnh An Giang. Theo đó, thành lập thành phố Long Xuyên thuộc tỉnh An Giang trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của thị xã Long Xuyên. Thành phố Long Xuyên có 10.687 ha diện tích tự nhiên và 245.149 nhân khẩu, có 10 ĐVHC cấp xã, bao gồm 05 phường: Mỹ Long, Mỹ Bình, Mỹ Xuyên, Mỹ Phước, Bình Đức và 05 xã: Mỹ Hòa, Mỹ Thới, Mỹ Thạnh, Mỹ Khánh, Mỹ Hòa Hưng.

Ngày 02/8/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 64/1999/NĐ-CP về việc thành lập một số phường thuộc thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ngày 12/4/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2005/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập phường, xã, thị trấn thuộc thành phố Long Xuyên và các huyện Tịnh Biên, An Phú, Thoại Sơn, Tân Châu, tỉnh An Giang.

1.4. Từ năm 2019 đến nay

Ngày 13/02/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 721/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập thị xã Tịnh Biên, các phường thuộc thị xã Tịnh Biên, thị trấn Đa Phước thuộc huyện An Phú và thị trấn Hội An thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngày 14/11/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1285/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025.

2. Tỉnh Kiên Giang

2.1. Giai đoạn 1945 - 1975

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ chủ trương bỏ cấp tổng, bỏ đơn vị làng, thống nhất gọi là xã, đồng thời bỏ danh xưng quận, gọi thay thế bằng huyện. Lúc bấy giờ, tỉnh Rạch Giá và tỉnh Hà Tiên nằm trong 21 tỉnh ở Nam bộ.

Năm 1951, chính quyền Việt Minh quyết định giải thể tỉnh Rạch Giá, nhập vào các tỉnh Bạc Liêu, Cần Thơ và Sóc Trăng. Trong đó, thị xã Rạch Giá và các huyện Châu Thành, Long Mỹ, Gò Quao, Giồng Riềng được giao về cho tỉnh Cần Thơ, các huyện Hồng Dân và An Biên được giao về cho tỉnh Bạc Liêu, một phần nhỏ đất đai tỉnh Rạch Giá cũng được giao về cho tỉnh Sóc Trăng.

Đến năm 1954, chính quyền Việt Minh quyết định thành lập lại tỉnh Rạch Giá. Tháng 10/1954, các huyện Hồng Dân và Long Mỹ cũng trở lại thuộc tỉnh Rạch Giá. Sau năm 1956, chính quyền Cách mạng quyết định giao huyện Hồng Dân cho tỉnh Sóc Trăng và giao huyện Long Mỹ cho tỉnh Cần Thơ. Song song đó, tỉnh Hà Tiên cũng bị giải thể giống như tỉnh Rạch Giá. Tháng 10/1950, chính quyền Việt Minh quyết định thành lập tỉnh Long Châu Hà trên cơ sở hợp nhất tỉnh Hà Tiên với tỉnh Long Châu Hậu (bao gồm một phần tỉnh Châu Đốc và một phần tỉnh Long Xuyên cũ). Tỉnh Long Châu Hà tồn tại cho đến năm 1954 thì cũng bị giải thể, phân chia lại cho tỉnh Hà Tiên, tỉnh Châu Đốc và tỉnh Long Xuyên như cũ. Như vậy, sau năm 1954, tỉnh Rạch Giá và tỉnh Hà Tiên đều được khôi phục trở lại như cũ.

Năm 1964, chính quyền Cách mạng thành lập huyện Vĩnh Thuận trên cơ sở tách ra từ huyện An Biên. Huyện Vĩnh Thuận thuộc tỉnh Rạch Giá có địa giới hành chính trùng với quận Kiên Long thuộc tỉnh Kiên Giang của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Năm 1965, giao huyện Hà Tiên và huyện Phú Quốc cho tỉnh An Giang. Năm 1967 trả lại hai huyện Hà Tiên và Phú Quốc về cho tỉnh Rạch Giá. Năm 1971 khi Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập tỉnh Châu Hà, tách ra từ tỉnh An Giang, trên phần đất tỉnh Châu Đốc và tỉnh Hà Tiên trước đó thì huyện Hà Tiên, huyện Phú Quốc cùng với huyện Châu Thành A của tỉnh Rạch Giá được giao về cho tỉnh Châu Hà. Năm 1974, ba huyện này cùng thuộc tỉnh Long Châu Hà. Từ đó cho đến năm 1975, tỉnh Rạch Giá có thị xã Rạch Giá và các huyện: Châu Thành, Gò Quao, Giồng Riềng, An Biên, Tân Hiệp, Vĩnh Thuận.

2.2. Giai đoạn 1975 - 1997

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Quân quản Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban đầu vẫn duy trì tỉnh Rạch Giá như trước đó cho đến đầu năm 1976. Lúc này, chính quyền Cách mạng cũng bỏ danh xưng “quận” có từ thời Pháp thuộc và lấy danh xưng “huyện” (quận và phường dành cho các đơn vị hành chính tương đương khi đã đô thị hóa). Ngày 20/9/1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TW về việc bỏ khu, hợp tỉnh trong toàn quốc. Theo Nghị quyết này, địa bàn tỉnh Rạch Giá sẽ được chia ra và nhập vào các tỉnh mới, tên gọi tỉnh mới cùng với nơi đặt tỉnh lỵ sẽ do địa phương đề nghị lên.

Đến ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh

Rạch Giá cũ (bao gồm cả ba huyện Hà Tiên, Phú Quốc, Châu Thành A cùng thuộc tỉnh Long Châu Hà) vẫn để thành một tỉnh riêng biệt.

Tháng 02/1976, Chính phủ Việt Nam quyết định tái lập tỉnh Kiên Giang trên cơ sở toàn bộ diện tích tỉnh Rạch Giá và ba huyện: Châu Thành A, Hà Tiên, Phú Quốc vốn thuộc tỉnh Long Châu Hà trước đó. Lúc này, huyện Châu Thành A bị giải thể và nhập trở lại vào huyện Châu Thành như trước. Tỉnh Kiên Giang lúc đó gồm thị xã Rạch Giá và 08 huyện: An Biên, Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, Hà Tiên, Phú Quốc, Tân Hiệp, Vĩnh Thuận. Tỉnh lỵ là thị xã Rạch Giá.

Ngày 03/6/1978, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 125-CP về việc chia huyện Châu Thành thuộc tỉnh Kiên Giang thành hai huyện lấy tên là huyện Hòn Đất và huyện Châu Thành thuộc tỉnh Kiên Giang.

Ngày 14/01/1983, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 04-HĐBT về việc thành lập huyện Kiên Hải thuộc tỉnh Kiên Giang. Ngày 13/01/1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 07-HĐBT về việc chia huyện An Biên thuộc tỉnh Kiên Giang thành hai huyện lấy tên là huyện An Biên và huyện An Minh.

2.3. Giai đoạn 1997 - 2018

Ngày 08/7/1998, Chính phủ ban hành Nghị định số 47/1998/NĐ-CP về việc thành lập thị xã Hà Tiên và thành lập các phường thuộc thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Theo đó, thành lập thị xã Hà Tiên trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của thị trấn Hà Tiên, xã Thuận Yên, xã Mỹ Đức và xã Tiên Hải thuộc huyện Hà Tiên. Ngày 21/4/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 28/1999/NĐ-CP về việc đổi tên huyện Hà Tiên thành huyện Kiên Lương thuộc tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26/7/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2005/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Rạch Giá thuộc tỉnh Kiên Giang trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của thị xã Rạch Giá. Ngày 06/4/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2007/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện; thành lập huyện U Minh Thượng và thành lập xã thuộc các huyện Vĩnh Thuận, Kiên Lương và Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 29/6/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 29/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, phường, thành lập xã thuộc thị xã Hà Tiên và các huyện: Kiên Lương, Tân Hiệp, Giồng Riềng, Vĩnh Thuận; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Kiên Lương để thành lập huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Ngày 11/9/2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 573/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập phường Mỹ Đức thuộc thị xã Hà Tiên và thành phố Hà Tiên thuộc tỉnh Kiên Giang.

2.4. Giai đoạn từ năm 2019 đến nay

Ngày 09/12/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1109/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập thành phố Phú Quốc và các phường thuộc thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1247/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2023 - 2025.

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Tỉnh An Giang

1.1. Vị trí địa lý

Tỉnh An Giang nằm ở phía Tây Nam của Việt Nam, thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Có địa giới hành chính cụ thể như sau: Phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp; phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang và Vương quốc Campuchia với đường biên giới dài 104 km; phía Nam giáp thành phố Cần Thơ và tỉnh Kiên Giang; phía Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp và Vương quốc Campuchia.

1.2. Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc

a) Diện tích: 3.536,83 km².

b) Quy mô dân số: 2.741.851 người.

c) Số ĐVHC trực thuộc: Tỉnh An Giang hiện có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (02 thành phố, 02 thị xã, 07 huyện) và 155 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 110 xã, 27 phường, 18 thị trấn).

1.3. Chức năng, vai trò

Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ xác định: Đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; có kinh tế phát triển năng động, hài hòa và bền vững; là trung tâm nghiên cứu phát triển giống và sản xuất nông nghiệp, thủy sản, dược liệu ứng dụng công nghệ cao; trung tâm du lịch sinh thái của vùng; đầu mối giao thương, hợp tác với Vương quốc Campuchia; có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu; các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội ổn định; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống của người dân được ấm no, hạnh phúc. Trong đó, thành phố Long Xuyên giữ vai trò là đô thị hạt nhân của tỉnh, là động lực phát triển kinh tế - xã hội trong vùng tỉnh An Giang, vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng kinh tế trọng điểm của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2035; có nền kinh tế đa dạng bền vững, là trung tâm hành chính - chính trị, văn hóa, dịch vụ của tỉnh An Giang, có sức hấp dẫn lớn về môi trường đầu tư, có tính cạnh tranh cao trên một số lĩnh vực thương mại, dịch vụ; phát triển bền vững, hài hòa với môi trường. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng và thẩm mỹ kiến trúc cảnh quan đô thị, hướng tới đô thị xanh, sạch, đẹp hài hòa cảnh quan thiên nhiên. Quy hoạch thành phố Long Xuyên trở thành đô thị nước thông minh, gắn bó chặt chẽ với nước, bảo tồn bản sắc đặc trưng của đô thị nước, chung sống với nước và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hướng tới đạt chất lượng theo tiêu chí đô thị loại I.

1.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

Năm 2024, tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó lường; nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, vượt khỏi khả năng dự báo với một loạt thách thức, từ sụt giảm tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội, nợ

xấu gia tăng, kim ngạch thương mại - đầu tư ảm đạm, cho tới những hệ lụy không mong muốn của bất ổn địa chính trị và các thách thức an ninh phi truyền thống. Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã triển khai thực hiện đồng bộ các Nghị quyết, văn bản của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo từng tháng, từng quý nên hoạt động sản xuất, kinh doanh phục hồi tích cực, đời sống người dân và thu nhập người lao động trên địa bàn tỉnh được cải thiện. Tình hình kinh tế - xã hội đạt được nhiều kết quả khả quan, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2024 ước đạt 7,16%, thu nhập bình quân đầu người đạt 66,24 triệu đồng/người/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,67%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,73%; khu vực dịch vụ tăng 8,34%; thuế trừ trợ cấp tăng 2,51%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 10,42% so với cùng kỳ; doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ ước năm 2024 đạt 228.274 tỷ đồng, tăng 15,31% so năm trước; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước đạt 8.391 tỷ đồng, bằng 110,63% so cùng kỳ; tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 19.945 tỷ đồng, đạt 96,51 % dự toán, bằng 120,07% so cùng kỳ. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 47.890 tỷ đồng, tăng 21,91% so với năm 2023. Trong năm 2024, ước 1.056 doanh nghiệp đăng ký hoạt động mới, tăng 9,34% so cùng kỳ. Tổng số vốn đưa vào nền kinh tế năm 2024 là 8.113 tỷ đồng¹; số doanh nghiệp giải thể là 212 doanh nghiệp, tăng 26,19% so với cùng kỳ. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.220,6 triệu USD, tăng 3,54% so với năm 2023, kim ngạch nhập khẩu đạt 215 triệu USD².

Lĩnh vực văn hóa xã hội đều có những chuyển biến tích cực theo định hướng, hài hòa với phát triển kinh tế. Công tác giảm nghèo và chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, xã hội được quan tâm thường xuyên; đến nay, toàn tỉnh hiện chỉ còn 1,52%³ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình mục tiêu y tế quốc gia được duy trì thường xuyên; công tác xã hội hóa trên lĩnh vực giáo dục, y tế được thực hiện có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập và khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn. Cơ sở vật chất, trường học, trang thiết bị y tế và các thiết chế văn hóa thể thao tiếp tục được đầu tư xây dựng phục vụ nhu cầu học tập, vui chơi giải trí ngày càng tăng của nhân dân. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

1.5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng: Không.

2. Tỉnh Kiên Giang

2.1. Vị trí địa lý

Tỉnh Kiên Giang nằm ở phía Tây Nam của Việt Nam, thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Có địa giới hành chính cụ thể như sau: Phía Đông giáp tỉnh An

¹ Trong đó, vốn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới 6.896 tỷ đồng và vốn doanh nghiệp đăng ký hoạt động trở lại là 1.290 tỷ đồng.

² Theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

³ Theo Báo cáo số 4763/BC-BCĐRSHNHCN ngày 31/12/2024 của Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Giang, thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang; phía Tây giáp Vịnh Thái Lan; phía Nam giáp tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu; phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia.

2.2. Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc

a) Diện tích: 6.352,08 km².

b) Quy mô dân số: 2.210.387 người.

c) Số ĐVHC trực thuộc: Tỉnh Kiên Giang hiện có 15 đơn vị hành chính cấp huyện (03 thành phố, 12 huyện) và 143 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 116 xã, 17 phường, 10 thị trấn).

2.3. Chức năng, vai trò

Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, xác định: Đến năm 2030, Kiên Giang là tỉnh có chất lượng sống cao của vùng đồng bằng sông Cửu Long; là trung tâm kinh tế biển của quốc gia, trong đó các thành phố Rạch Giá - Hà Tiên - Phú Quốc là tam giác phát triển chính của nền kinh tế đô thị, thương mại và dịch vụ hướng biển. Đến năm 2050, Kiên Giang trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia; là cửa ngõ, đầu mối giao thông, giao thương, giao lưu quốc tế quan trọng; Phú Quốc là trung tâm du lịch, dịch vụ tổng hợp, du lịch sinh thái biển - đảo đặc sắc, với nhiều giá trị khác biệt, đẳng cấp quốc tế. Bản sắc văn hóa dân tộc và giá trị di sản, lịch sử của tỉnh được bảo tồn và thể hiện rõ nét.

2.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

Năm 2024, tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó lường; nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, vượt khỏi khả năng dự báo với một loạt thách thức, từ sụt giảm tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội, nợ xấu gia tăng, kim ngạch thương mại - đầu tư ảm đạm, cho tới những hệ lụy không mong muốn của bất ổn địa chính trị và các thách thức an ninh phi truyền thống. Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã triển khai thực hiện đồng bộ các Nghị quyết, văn bản của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo từng tháng, từng quý nên hoạt động sản xuất, kinh doanh phục hồi tích cực, đời sống người dân và thu nhập người lao động trên địa bàn tỉnh được cải thiện. Tình hình kinh tế - xã hội đạt được nhiều kết quả khả quan, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng 7,50% so với năm 2023, GRDP bình quân đầu người đạt 81,84 triệu đồng/người/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, trong đó khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 36,86%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 20,13%; khu vực dịch vụ chiếm 37,84% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,17%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 12,87%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 162.329,18 tỷ đồng, tăng 22,15%; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước đạt 16.977 tỷ đồng, vượt 0,42% dự toán, tăng 16,69% so với năm 2023; tổng chi ngân sách địa phương đạt

19.266,92 tỷ đồng, đạt 86,18% dự toán, tăng 1,30% so với năm 2023. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 43.875 tỷ đồng, tăng 10,25% so với năm 2023. Năm 2024, toàn tỉnh thành lập mới được 1.500 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 11.000 tỷ đồng, đạt 100% về số lượng và đạt 61% về số vốn so với kế hoạch, giảm 4% về số lượng và giảm 35% về số vốn đăng ký so với năm 2023; số doanh nghiệp giải thể, thu hồi 1000 doanh nghiệp, tăng 1,3% so với năm 2023. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 1.144,99 triệu USD, đạt 110,10% kế hoạch, tăng 14,46% so với cùng kỳ năm trước.

Lĩnh vực văn hóa xã hội đều có những chuyển biến tích cực theo định hướng, hài hòa với phát triển kinh tế. Công tác giảm nghèo và chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, xã hội được quan tâm thường xuyên; đến nay, toàn tỉnh hiện chỉ còn 0,99% hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình vực vực giáo dục, y tế được thực hiện có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập và khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn. Cơ sở vật chất, trường học, trang thiết bị y tế và các thiết chế văn hóa thể thao tiếp tục được đầu tư xây dựng phục vụ nhu cầu học tập, vui chơi giải trí ngày càng tăng của nhân dân. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2.5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng: Không.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án

Thành lập tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên là 3.536,83 km², quy mô dân số là 2.741.851 người của tỉnh An Giang và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6.352,08 km², quy mô dân số là 2.210.387 người của tỉnh Kiên Giang.

2. Kết quả

a) Tỉnh An Giang có 9.888,91 km² (đạt 197,78% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 4.952.238 người (đạt 353,73% so với tiêu chuẩn) và 102 ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc (gồm 85 xã, 14 phường và 03 đặc khu).

b) Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Tỉnh An Giang giáp các tỉnh Cà Mau, Đồng Tháp, Thành phố Cần Thơ và Vương quốc Campuchia.

c) Nơi đặt Trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh An Giang: Tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang hiện nay.

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH: KHÔNG.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Tác động đến hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

- Thực hiện sắp xếp, sáp nhập tỉnh tạo ra thay đổi tích cực, gắn liền với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của các ĐVHC nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững trong giai đoạn mới; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bảo đảm chính quyền gần dân, sát dân và phục vụ người dân được tốt nhất.

- Tạo điều kiện tối ưu hoá nguồn lực tài chính, phân bổ ngân sách hợp lý hơn cho an sinh xã hội, thực hiện hiệu quả các hoạt động thiết yếu phục vụ Nhân dân, nâng cao chất lượng cuộc sống của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và của Nhân dân địa phương. Đây sẽ là nguồn lực quan trọng giúp nước ta thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và rút ngắn khoảng cách với các quốc gia phát triển.

- Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng và trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại những đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp; cán bộ, công chức thấy rõ trách nhiệm của mình đối với công việc, thường xuyên tu dưỡng đạo đức, trau dồi nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong giải quyết công việc. Đối với những người không đủ điều kiện tiêu chuẩn, không đáp ứng được yêu cầu tình hình mới thì thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

- Khắc phục một phần tình trạng biệt lập trong hoạch định và thực thi chính sách của các địa phương; góp phần kết nối đồng bộ cơ sở hạ tầng của nhiều ĐVHC trong khu vực; chia sẻ, lan tỏa kinh nghiệm tốt trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế giữa các khu vực có trình độ quản lý và phát triển kinh tế cao với khu vực liền kề.

1.2. Khó khăn

- Việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh bước đầu có thể gây ra các khó khăn về địa lý, giao thông đi lại của người dân và doanh nghiệp khi có liên hệ công tác, giải quyết thủ tục hành chính với chính quyền cấp tỉnh; số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dồi dào, khó khăn trong công tác bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách dôi dư.

- Việc mở rộng quy mô ĐVHC trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức của chính quyền địa phương các cấp, nhất là cấp cơ sở phải giỏi thích ứng với sự thay đổi về chuyên môn nghiệp vụ và có trình độ quản lý nhà nước phù hợp với vị trí việc làm, có khả năng ngoại ngữ và tin học để tiếp

nhận các xu thế công nghệ mới và biết áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước ở địa phương. Tuy nhiên, trên thực tế, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức của chính quyền địa phương nói chung chưa đồng đều, còn nhiều hạn chế, yếu kém; còn thiếu chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sở trường. Theo đó, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức của chính quyền địa phương là thách thức và là yêu cầu bắt buộc trong quá trình thực hiện đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền phương.

- Việc sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức tác động, ảnh hưởng đến tâm tư nguyện vọng của cán bộ, công chức trên địa bàn.

1.3. Giải pháp

- Chủ động xây dựng quy định về nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, quy trình lựa chọn, bố trí sắp xếp và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư khi thực hiện sắp xếp với nhiều phương án để thực hiện có hiệu quả, đảm bảo theo quy định.

- Tổ chức quán triệt, hướng dẫn, vận động đến từng cán bộ, công chức để có sự đồng thuận, nhất trí cao trước khi triển khai thực hiện. Mục tiêu là chọn được cán bộ đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn, nổi trội trong đội ngũ hiện có, bố trí hợp lý, sau sắp xếp bộ máy mới vận hành ổn định.

- Rà soát, đánh giá chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức của chính quyền địa phương các cấp; thực hiện luân chuyển, điều động, bố trí cán bộ, công chức dôi dư có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bố trí theo quy định của pháp luật cho các cơ quan trung ương (nếu đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện, phù hợp với vị trí việc làm).

2. Tác động đến phát triển kinh tế

2.1. Tác động tích cực

- Việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh giúp khắc phục tình trạng nền kinh tế bị chia cắt, manh mún, nhỏ lẻ hoặc đầu tư dàn trải, trùng lặp. Sau sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh sẽ hình thành các ĐVHC mới có quy mô lớn, mở rộng không gian phát triển, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế sẵn có của các địa phương, tạo thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng thương mại, dịch vụ, tạo kết nối và giao lưu phát triển giữa các địa phương, từ đó nâng cao tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức chống chịu của nền kinh tế địa phương, đủ tiềm lực để cạnh tranh với các ĐVHC của các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh góp phần giải quyết triệt để các vấn đề về sử dụng tài nguyên, môi trường, khắc phục một phần tình trạng biệt lập trong hoạch định và thực thi chính sách của các địa phương.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương về điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế - xã hội; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo ra động lực mới cho sự phát triển, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường quản lý nhà nước, đảm bảo quốc phòng, an ninh, phù hợp với nguyện vọng của các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân địa phương.

2.2. Khó khăn

- Sắp xếp, sáp nhập tỉnh làm thay đổi địa giới ĐVHC cấp tỉnh có liên quan, phát sinh chi ngân sách để khắc các con dấu pháp lý mới và để thực hiện chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp, chỉnh lý, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

- Khi sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư có thể bị thay đổi, gây gián đoạn hoạt động sản xuất - kinh doanh; các chính sách ưu đãi kinh tế trước đây có thể bị mất đi hoặc điều chỉnh theo ĐVHC mới, ảnh hưởng đến doanh nghiệp và nhà đầu tư; việc thay đổi địa giới hành chính có thể làm gián đoạn các quy hoạch kinh tế - xã hội, gây chậm trễ trong triển khai các dự án đầu tư công.

- Một số doanh nghiệp và người dân có thể lo ngại việc thay đổi địa giới hành chính sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi, nhất là về thuế, đất đai, vay vốn kinh doanh. Tâm lý chưa quen với sự thay đổi có thể làm chậm tiến trình chuyển đổi, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

- Cả hai tỉnh An Giang và Kiên Giang đều thuộc vùng trọng điểm sản xuất lúa gạo của Đồng bằng sông Cửu Long, với quỹ đất nông nghiệp rất lớn, nên khi thực hiện hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang thì quỹ đất nông nghiệp sẽ rất lớn, làm tăng tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, ảnh hưởng đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tốc độ đô thị hóa trên địa bàn.

2.3. Giải pháp

- Xây dựng kế hoạch chi tiết, rõ ràng để hạn chế gián đoạn đến hoạt động kinh tế và đời sống của người dân; đánh giá kỹ lưỡng các tác động trước khi thực hiện để tránh ảnh hưởng tiêu cực đến doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp duy trì hoạt động bình thường; hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm cho người lao động bị ảnh hưởng bởi quá trình sắp xếp ĐVHC.

- Tăng cường các hoạt động đối thoại giữa chính quyền và Nhân dân để lắng nghe và kịp thời hướng dẫn, giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Tạo cơ chế thông thoáng, chính sách ưu đãi đối với các nhà đầu tư; đẩy mạnh hơn nữa cải cách thủ tục hành chính, chính quyền điện tử nhằm giải quyết nhanh chóng thủ tục hành chính nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

3. Tác động về xã hội

3.1. Tác động tích cực

- Sắp xếp, sáp nhập tỉnh tạo điều kiện quy hoạch tốt hơn về hạ tầng, giao thông, tăng nguồn lực đầu tư, phát triển kinh tế địa phương, thu hút doanh nghiệp và nhà đầu tư, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế của địa phương và nâng cao chất

lượng đời sống của Nhân dân; tạo thêm việc làm, thu nhập cho người dân.

- Tạo điều kiện giải quyết tốt hơn các vấn đề về ô nhiễm môi trường, thu gom, xử lý chất thải, các vấn đề an sinh xã hội trên địa bàn.

- Góp phần kéo gần khoảng cách giữa Nhân dân với chính quyền địa phương và Trung ương; từ đó tăng cường bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân với chính quyền địa phương.

- Việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh, đồng thời bỏ cấp trung gian (cấp huyện) gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương là căn cứ để cải cách hành chính theo hướng đơn giản hóa trình tự, thủ tục, hồ sơ, giúp tiết kiệm chi phí cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

- Sự tương đồng về các yếu tố dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, phong tục, tập quán và các mối quan hệ kinh tế, chính trị truyền thống giữa các ĐVHC thực hiện sắp xếp tạo điều kiện cho việc mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, thúc đẩy các hoạt động giao lưu văn hoá giữa các cộng đồng dân cư trong khu vực.

3.2. Khó khăn

Việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh dẫn đến một trong hai địa phương mất đi địa danh truyền thống, ảnh hưởng đến văn hóa, bản sắc địa phương, tác động đến tâm tư, tình cảm của Nhân dân trên địa bàn.

3.3. Giải pháp

- Làm tốt công tác tuyên truyền, giải thích rõ lợi ích của việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh để tạo sự đồng thuận từ người dân.

- Bảo tồn văn hóa, địa danh truyền thống để tránh mất đi giá trị lịch sử của từng ĐVHC các cấp.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để nâng cao hiệu quả hoạt động. Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Áp dụng rộng rãi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, văn phòng điện tử và một cửa điện tử. Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định. Làm tốt công tác thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Duy trì thường xuyên chế độ giao ban hàng tuần. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, vận động Nhân dân thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn với trách nhiệm công dân, kỷ luật, kỷ cương xã hội, đấu tranh xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ để gây rối trật tự công cộng.

4. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

4.1. Tác động tích cực

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập tỉnh thì diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC cấp tỉnh lớn hơn, thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch tác chiến, phòng thủ

theo địa bàn, khu vực.

- Sắp xếp, sáp nhập tỉnh sẽ giảm số lượng ĐVHC cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất hơn của lực lượng Quân sự, Công an; cán bộ phụ trách địa bàn được bổ sung, theo đó thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại địa bàn. Từ đó, công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là ở địa bàn cơ sở sẽ ổn định hơn.

4.2. Khó khăn

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập tỉnh dẫn đến địa bàn rộng, tại một số khu vực địa hình chia cắt, dân cư sống không tập trung và một số khu dân cư cách xa Trụ sở hành chính của cấp tỉnh. Vì vậy, khi phát sinh các vấn đề xã hội tại các khu dân cư có thể không được giải quyết kịp thời, dễ xảy ra các mâu thuẫn kéo dài, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự.

- Sau hợp nhất, An Giang sẽ là tỉnh có đường biên giới quốc gia Việt Nam - Campuchia rất dài (bao gồm biên giới trên đất liền và trên biển), có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh trong thế trận phòng thủ của Quân khu 9 và khu vực biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc. Việc đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới là vấn đề ưu tiên, chú trọng và lưu ý hàng đầu khi thực hiện hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang.

4.3. Giải pháp

- Hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân, huấn luyện dân quân tự vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động đấu tranh ngăn chặn làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

- Tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh; tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, có sức chiến đấu cao, đồng thời quan tâm xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ. Thực hiện tốt công tác tuyển quân và chính sách hậu phương quân đội.

5. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

5.1. Tác động tích cực

- Tiết kiệm ngân sách nhà nước hàng năm cho thực hiện cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công do giảm số lượng ĐVHC.

- Có điều kiện tập trung nguồn lực để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công tại tỉnh An Giang mới hình thành sau sắp xếp, sáp nhập.

5.2. Khó khăn

- Sau khi sắp xếp, sáp nhập do địa bàn rộng sẽ có một số bộ phận dân cư cách xa trung tâm tỉnh, từ đó khó khăn trong việc liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước khi thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan.

- Việc sắp xếp, sáp nhập tỉnh làm khối lượng công việc liên quan đến thủ tục hành chính sẽ gia tăng đột biến do phải thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho nhân dân, cơ quan, doanh nghiệp.

5.3. Giải pháp

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; tuyên truyền, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến để thực hiện đồng bộ, thống nhất và thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Trước mắt, có thể bố trí các đơn vị của chính quyền địa phương đặt tại các địa điểm xa khu trung tâm để không gây khó khăn cho người dân trong việc liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước khi thực hiện các thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.

- Bố trí và đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức làm việc có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Qua đó, tạo điều kiện phục vụ nhân dân tốt hơn.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC TỈNH

1. Tổ chức Đảng

a) Về tổ chức

Bộ Chính trị quyết định thành lập Đảng bộ mới của tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất Đảng bộ tỉnh Kiên Giang và Đảng bộ tỉnh An Giang trước khi sắp xếp. Đồng thời chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy An Giang nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo quy định. Nhiệm kỳ kế tiếp, số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Bí thư; số lượng Ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện đúng theo quy định của Bộ Chính trị và các hướng dẫn của Trung ương.

b) Về cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030

Cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 của tỉnh An Giang hình thành sau sắp xếp thực hiện theo Kết luận 150-KL/TW của Bộ Chính trị hướng dẫn xây dựng phương án nhân sự cấp ủy cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập và cấp xã thành lập mới.

c) Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy: Gồm Văn phòng Tỉnh ủy, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy hình thành trên cơ sở hợp nhất các cơ quan tham mưu giúp việc cho Tỉnh ủy có cùng chức năng, nhiệm vụ tương ứng với phương án hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang theo quy định.

Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy gồm: Trường Chính trị Tôn Đức Thắng (trên cơ sở sáp nhập Trường Chính trị Tôn Đức Thắng và Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang); Báo An Giang hoặc Báo, đài phát thanh truyền hình An Giang (trên cơ sở sáp nhập Báo An Giang, Đài Phát Thanh và Truyền hình tỉnh An Giang với Báo Kiên Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Kiên Giang⁴).

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các Hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ

Thực hiện sắp xếp, hợp nhất các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, các Hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ theo hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Tổ chức chính quyền địa phương

a) Về cơ cấu tổ chức

- Cơ bản giữ nguyên như mô hình cấp tỉnh hiện nay, cụ thể như sau:

+ Chính quyền địa phương gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Trong đó, thực hiện nhập nguyên trạng Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được tổ chức thống nhất ở tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang.

+ Hội đồng nhân dân tổ chức 04 ban chuyên môn giúp việc, gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Dân tộc.

+ UBND tỉnh tổ chức 14 Sở và tương đương gồm: Văn phòng UBND, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Du lịch, Thanh tra tỉnh và 02 tổ chức hành chính khác: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc.

Tổ chức 09 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh gồm: Trường cao đẳng tỉnh; Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh; Vườn quốc gia U Minh Thượng; Vườn quốc gia Phú Quốc; Trung tâm đầu tư, xúc tiến thương mại và du lịch; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng - giao thông; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ban quản lý di tích văn hóa Óc Eo; Ban quản lý khu di tích quốc gia Núi Sam.

⁴ Theo chỉ đạo tại Kế hoạch số 47-KH/BCĐ ngày 14/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết 18 yêu cầu tỉnh ủy, thành ủy thực hiện trước ngày 15/9/2025 và Công văn số 34-CV/BTGDVTW ngày 17/02/2025 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương về thống nhất cách đặt tên cơ quan báo Đảng sau khi sáp nhập với Đài.

b) Về nhiệm vụ, quyền hạn

Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của chính quyền địa phương thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) sẽ được Quốc hội xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV và các quy định của cơ quan có thẩm quyền.

c) Về biên chế

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh An Giang sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức (số có mặt) của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang trước sắp xếp và thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định. Sau khi chính quyền địa phương tỉnh An Giang đi vào hoạt động, căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tỉnh để xây dựng vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền giao biên chế cho tỉnh theo quy định.

4. Định hướng sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

a) Đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý

- Việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý của tỉnh An Giang sau sắp xếp thực hiện theo Kết luận của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Số lượng lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức ở tỉnh An Giang mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số lãnh đạo, quản lý có mặt của các cơ quan, tổ chức ở tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang trước sắp xếp và thực hiện bố trí theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với trường hợp đang giữ chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn, căn cứ điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, Ban Thường vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xem xét, quyết định lựa chọn người đứng đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh sau sắp xếp. Đối với người đứng đầu cơ quan chuyên môn không bố trí tiếp tục làm người đứng đầu sau sắp xếp thì được bố trí ở vị trí cấp dưới liền kề hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã và được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định.

- Đối với trường hợp đang giữ chức danh cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, Ban Thường vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xem xét, quyết định bố trí làm cấp phó của người đứng đầu đơn vị sau sắp xếp hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã và được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định.

- Trước mắt số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc chính quyền địa phương ở tỉnh An Giang mới sau sắp xếp có thể cao hơn quy định và giảm dần theo lộ trình bảo đảm thực hiện quy định của Chính phủ.

b) Đối với công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo quy định

Trước mắt giữ nguyên số lượng công chức, viên chức, người lao động hợp đồng có mặt trước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để sắp xếp, bố trí công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tương ứng hoặc bố trí công tác tại cấp xã. Sau đó, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định.

5. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp ĐVHC

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi được bố trí công tác ở ĐVHC mới thì tiếp tục được hưởng lương theo ngạch, bậc và các chế độ phụ cấp lương hiện hưởng trong thời gian gian 6 tháng; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ.

b) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc rà soát, đánh giá và thực hiện chính sách, chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ, bảo đảm giữ được người có năng lực nổi trội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương lực lượng vũ trang trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền. Trường hợp có thay đổi tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của ĐVHC để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1) Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2) Tỉnh Kiên Giang chủ trì, chỉ đạo các sở, ngành liên quan cân đối, bố trí ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của tỉnh An Giang sau sắp xếp; quan tâm đến nhà ở công vụ, phương tiện phục vụ công tác và nhu cầu đi lại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các ĐVHC thực hiện sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại tỉnh An Giang mới sau sắp xếp.

3) Căn cứ điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của bộ máy chính quyền có thể bố trí tỷ lệ hợp lý số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm việc đồng thời tại trụ sở hành chính của tỉnh cùng sáp nhập và tại trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh An Giang mới để đảm bảo công tác quản lý nhà nước tại các địa bàn tỉnh An Giang cùng sáp nhập và giảm bớt khó khăn việc di dời, sinh hoạt của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong giai đoạn đầu sáp nhập.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

Thực hiện đúng theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC. Theo đó:

1. Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trương ương và địa phương áp dụng đối với ĐVHC như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp thay đổi tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của ĐVHC để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Việc hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng và nhà nước, của Tỉnh; là thực sự cần thiết, đảm bảo phù hợp với các tiêu chí về tiêu chuẩn, lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, địa kinh tế, địa chính trị và quốc phòng, an ninh; đảm bảo tuân thủ Hiến pháp, chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Kế hoạch của Chính phủ; gắn liền với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của các ĐVHC nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững trong giai đoạn mới; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bảo đảm chính quyền cấp cơ sở gần dân, sát dân và phục vụ người dân được tốt nhất; tạo lập cơ sở pháp lý cho công tác quy hoạch xây dựng và phát triển của toàn vùng, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo chủ quyền, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung và khu vực biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc nói riêng. Việc hợp nhất sắp xếp tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang tuy bước đầu có làm xáo trộn cuộc sống của người dân nhưng với truyền thống đoàn kết dân tộc, lịch sử, văn hóa của địa phương nên đời sống của người dân sẽ sớm ổn định và tiếp tục phát triển bền vững trong thời kỳ mới.

Trên đây là Đề án hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang kính trình Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định./.

Kiên Giang, ngày tháng năm 2025

**TÓM TẮT DỰ THẢO ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH KIÊN GIANG NĂM 2025**

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị 11 Ban Chấp hành trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/03/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/03/2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/03/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH KIÊN GIANG

Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hội nhập quốc tế sâu rộng cần thiết phải mở rộng và đảm bảo tính thống nhất về không gian địa lý, sự liên thông các nguồn lực, bố trí và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực phát triển của đất nước. Việc xây dựng nền quản trị quốc gia, quản trị địa phương hiện đại, hiệu lực, hiệu quả với sự tham gia của nhiều chủ thể dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi vai trò quản lý của các cấp chính quyền địa phương. Hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ngày càng phát triển, tạo khả năng kết nối hiệu quả giữa chính quyền và người dân, cộng đồng doanh nghiệp, khoảng cách không gian giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp ngày càng thu hẹp địa lý và ranh giới địa giới giữa các ĐVHC. Vì vậy, việc tổ chức hợp lý, hướng đến ổn định lâu dài của ĐVHC các cấp có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương; phát huy được những tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương, vùng nói riêng và của cả nước nói chung.

Trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển, quá trình chia, tách ĐVHC các cấp diễn ra qua nhiều giai đoạn, việc hình thành các ĐVHC mới đã thúc đẩy sự phát triển về kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng được đầu tư, năng lực quản lý của bộ máy nhà nước ngày càng tốt và gần dân, sát với dân hơn, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội và đời sống của người dân được bảo đảm. Tuy nhiên, việc chia nhỏ ĐVHC đã dẫn đến một số bất cập, làm phân tán nguồn lực, không phát huy được hết lợi thế, tiềm năng phát triển của các địa phương; làm tăng số lượng ĐVHC các cấp, theo đó tăng số lượng các cơ quan, tổ chức của đảng, đoàn thể, chính quyền, tăng số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị ở địa phương, dẫn đến tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị chồng chéo, tầng nấc, lãng phí ngân sách nhà nước và nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Trong bối cảnh bộ máy nhà nước đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hóa và triển khai thực hiện qua môi trường mạng. Chuyển đổi số gắn với chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục thực hiện công việc của cán bộ, công chức, viên chức, góp

phần tăng năng suất và hiệu quả công việc. Nhiều công việc trung gian được thay thế bằng hệ thống phần mềm điện tử, giúp vận hành hiệu quả hơn mà không cần nhiều tổ chức hành chính và biên chế.

Trên cơ sở thực tiễn tổ chức ĐVHC các cấp thời gian qua và kết quả tích cực của công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã các giai đoạn 2019 - 2021 và 2023 - 2025; Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 và Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 trong đó yêu cầu “Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 2 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”.

Từ các căn cứ nêu trên, thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 60-NQ/TW, Kết luận số 126-KL/TW, Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 130-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh và thịnh vượng của đất nước, của dân tộc, phù hợp với xu thế chung của thế giới thì việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Kiên Giang là cần thiết.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH KIÊN GIANG

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH KIÊN GIANG

1. Tỉnh Kiên Giang

1.1. Diện tích tự nhiên: 6.352,08 km².

1.2. Quy mô dân số: 2.210.387 người.

1.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện: có 15 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 12 huyện và 03 thành phố).

1.4. Số lượng ĐVHC cấp xã: 143 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 116 xã, 17 phường và 10 thị trấn).

(Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số tính đến ngày 31/12/2024)

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp

Tỉnh Kiên Giang thực hiện sắp xếp đối với 138 ĐVHC cấp xã (gồm 111 xã, 17 phường và 10 thị trấn).

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp

Tổng số 06 ĐVHC, trong đó:

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp: 02 ĐVHC (02 xã).

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù

a) Số lượng: 04 đơn vị hành chính (04 xã).

b) Giải trình yếu tố đặc thù:

Khi thực hiện sắp xếp, tỉnh Kiên Giang đề nghị không thực hiện sắp xếp đối với 04 ĐVHC cấp xã do có yếu tố đặc thù, bao gồm: xã Thổ Châu thuộc thành phố Phú Quốc; xã Tiên Hải thuộc thành phố Hà Tiên; xã Hòn Nghê, xã Sơn Hải thuộc huyện Kiên Lương, cụ thể như sau:

Đây là 04 xã đảo thuộc các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, với vị trí địa lý biệt lập, cách xa đất liền (*xa nhất là xã đảo Thổ Châu, nằm ở vị trí tiền tiêu thuộc vùng biển phía Tây Nam của Tổ quốc, nơi có điểm cơ sở A1 theo tuyên bố chủ quyền của Chính phủ về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải trên vùng biển Việt Nam; tiếp giáp với đường hàng hải quốc tế khoảng 12 hải lý, có vùng biển lịch sử tiếp giáp với Vương quốc Campuchia nằm trong vịnh Thái Lan, cách trung tâm thành phố Phú Quốc 101 km, cách thành phố Rạch Giá 220 km*), có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh trong thế trận phòng thủ của Quân khu 9 và vùng biển phía Tây Nam của Tổ quốc. Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương, Quân khu 9, tỉnh Kiên Giang đã tăng cường lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị, lực lượng lượng vũ trang ngày càng vững mạnh và đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Đến nay, mặc dù diện mạo, hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã đảo đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng với vị trí địa lý biệt lập, nằm cách xa đất liền; địa hình, thời tiết khắc nghiệt, điều kiện đi lại, sinh hoạt, công tác giáo dục, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu của nhân dân dân và quản lý của chính quyền địa phương còn rất nhiều hạn chế. Qua đó, nếu thực hiện sắp xếp sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống sinh hoạt của nhân dân trên đảo, quản lý của chính quyền địa phương và đặc biệt là quốc phòng - an ninh trước diễn biến phức tạp của vùng Biển Tây và yêu cầu bảo vệ chủ quyền quốc gia, khu vực phòng thủ của Quân khu 9 đặt ra trong tình hình mới.

*** Riêng đối với xã Thổ Châu thuộc thành phố Phú Quốc:**

Căn cứ chủ trương của cấp có thẩm quyền cho phép việc tách xã Thổ Châu thuộc thành phố Phú Quốc để thành lập huyện đảo Thổ Châu; yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhằm đảm bảo chính quyền địa phương ở hải đảo tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; bảo đảm linh hoạt, chủ động ứng phó khi có sự kiện, tình huống đột xuất, bất ngờ xảy ra nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên vùng biển phía Tây Nam; phát huy lợi thế, tiềm năng kinh tế biển, hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm thu hút người dân ra sinh sống, bảo vệ và phát triển hải đảo; gắn với sắp xếp ĐVHC, tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bảo đảm chính quyền cấp cơ sở gần dân, sát dân và phục vụ người dân được tốt nhất, tỉnh Kiên Giang đề nghị không thực hiện sắp xếp đối với xã đảo Thổ Châu, đồng thời

kiến nghị Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thành lập đặc khu Thổ Châu, với các lý do cụ thể như sau:

(1). Xã Thổ Châu có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng sông Cửu Long, của cả nước và khu vực

- Về vị trí địa lý:

Xã Thổ Châu là một trong 2 quần đảo của thành phố Phú Quốc, nằm ở phía Tây Nam của thành phố Phú Quốc và ở cực Tây Nam của Việt Nam, gồm 08 đảo là hòn Thổ Chu, hòn Nhạn, hòn Xanh, hòn Từ, hòn Cao Cát, hòn Cái Bàn, hòn Đá Bạc và hòn Khô và một số đảo đá ngầm. Toàn bộ quần đảo này cấu thành xã Thổ Châu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Xã Thổ Châu có vùng biển lịch sử tiếp giáp với Campuchia và Thái Lan, cách trung tâm thành phố Phú Quốc khoảng 101 km về hướng Tây Nam, cách thành phố Rạch Giá khoảng 220 km. Xã Thổ Châu có diện tích tự nhiên 13,98 km², đảo Thổ Chu (Thổ Châu) là đảo lớn nhất trong quần đảo, có diện tích khoảng 12,40 km², có chiều dài khoảng 18 km, độ cao nhất trên đảo là 167 m, đảo có 6 suối có thể cung cấp nước sạch sinh hoạt cho Nhân dân.

- Về lịch sử:

Dưới thời Việt Nam Cộng hòa, Thổ Châu là một xã thuộc tỉnh An Xuyên (Cà Mau hiện nay). Đến năm 1972, xã Thổ Châu trở thành một ấp thuộc xã Lại Sơn, huyện An Biên. Xã có khoảng 600 dân, đa số là người Kinh và chỉ có bốn gia đình gốc Khmer, sống tập trung tại bãi Ngự trên đảo Thổ Chu. Trên đảo có một sân bay trực thăng và vài chiếc tàu BCF của Hải quân Việt Nam Cộng hòa đóng quân trên đảo.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, một số quần đảo, trong đó có quần đảo Thổ Châu ta chưa kịp tiếp quản. Lợi dụng tình hình đó, ngày 10/5/1975, quân Khmer Đỏ đưa quân chiếm đảo chính Thổ Chu, bắt khoảng 500 người dân đưa sang Campuchia để thẩm sát. Trước tình hình trên, quân đội ta chỉ thị cho Quân chủng Hải quân phối hợp với Quân khu 9 và các lực lượng địa phương tiến công, đánh tái chiếm các đảo thuộc Thổ Châu. Đến ngày 27/5/1975, đảo Thổ Châu hoàn toàn giải phóng. Năm 1977, Khmer Đỏ tập kích đảo Thổ Chu một lần nữa nhưng đã bị đánh bại hoàn toàn.

Xác định được tầm quan trọng của quần đảo Thổ Châu trong quốc phòng và an ninh, ngày 15/02/1993, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 96/QĐ-UB thành lập Ban Chỉ đạo xã mới Thổ Châu lâm thời, đồng thời tổ chức đưa dân ra đảo sinh sống. Đợt di dân đầu tiên gồm có 06 gia đình với 30 nhân khẩu từ huyện Kiên Hải ra đảo Thổ Châu lập nghiệp. Sau đó, tiếp tục đưa dân ra đảo này. Đến ngày 24/4/1993, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 19/NĐ-CP về việc thành lập xã Thổ Châu, thuộc huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc).

- Về quốc phòng, an ninh:

Quần đảo Thổ Châu nằm ở vị trí tiền tiêu thuộc vùng biển cực Tây Nam của Tổ quốc, có địa bàn rộng với 08 hòn đảo nằm cách xa nhau, tiếp giáp với đường hàng hải quốc tế, cách đất liền khoảng 220 km, cách đảo Poulo Wai, Vương quốc

Campuchia khoảng 83 km. Có thể nói Thổ Châu nằm ở vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh vùng biển cực Tây Nam của Tổ quốc, nằm trong khu vực phòng thủ của tỉnh, Quân khu 9 và cả nước, công tác quản lý nhà nước gặp nhiều khó khăn, các thế lực thù địch lợi dụng chống phá Nhà nước, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, quốc tế hóa tình hình, đe dọa độc lập, chủ quyền, biển đảo của Tổ quốc.

Hiện nay, lực lượng vũ trang trên đảo chưa có phương tiện hoạt động tuần tra trên biển nên công tác quản lý các hoạt động giao thương, trao đổi hàng hóa cũng như nắm bắt tình hình trên biển còn gặp nhiều khó khăn.

- Về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội:

Qua 30 năm hình thành và phát triển, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thổ Châu đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, đoàn kết, chung sức, chung lòng từng bước đưa Thổ Châu đi lên trước đầu sóng, ngọn gió.

Về kinh tế, từ một xã gần như không có gì, nay Thổ Châu có tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 10-12%/năm. Cơ cấu kinh tế từng bước được chuyển dịch theo hướng tích cực: Thương mại - dịch vụ hậu cần nghề cá chiếm 46%; nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 37,8%; công nghiệp - xây dựng chiếm 16,2%. Cuộc sống của người dân trên đảo ngày càng được quan tâm, các mạng điện thoại di động đã được phủ sóng tới đảo. Đường quanh đảo được bê tông hóa; trên đảo đã có trạm y tế khang trang, có trường mẫu giáo, có điện 24/24 giờ/ngày; 100% hộ dân có phương tiện nghe, nhìn; hộ nghèo của xã giảm chỉ còn 1,46%.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội thường xuyên được quan tâm, các nhu cầu thiết yếu của người dân được đáp ứng tốt hơn; công tác xóa đói giảm nghèo được quan tâm thực hiện, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo giảm còn 1,46%; nhà kiên cố và bán kiên cố chiếm trên 70%; tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100% và sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,9%. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân có nhiều tiến bộ, mô hình y tế quân - dân y kết hợp đã phát huy hiệu quả, kịp thời khám và điều trị bệnh cho nhân dân. Các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao và xây dựng đời sống văn hóa đạt được nhiều kết quả, 95% hộ và 100% đơn vị, cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Công tác quốc phòng, an ninh luôn được phát huy và giữ vững. Thường xuyên hoàn thiện, bổ sung các kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, luôn nâng cao ý thức cảnh giác với âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch. Hàng năm, công tác tuyển quân đều đạt 100% chỉ tiêu; lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ đạt 3,15% so với dân số. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Đảng bộ, chính quyền xã Thổ Châu luôn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn, làm tốt công tác bảo vệ chủ quyền, an ninh vùng biển Tây Nam của Tổ quốc.

Bộ máy các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể đều phát huy tốt vai trò của mình, đủ sức lãnh đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình.

(2). Quá trình triển khai thực hiện các cơ chế chính sách phát triển xã đảo Thổ Châu bộc lộ nhiều bất cập trong việc khai thác tiềm năng và huy động các nguồn lực phát triển đòi hỏi phải thiết lập một mô hình tổ chức chính quyền phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển

- Xét về vị trí thì đảo Thổ Châu nằm cách xa trung tâm thành phố Phú Quốc khoảng 101 km nên công tác quản lý chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền thành phố Phú Quốc từng lúc thiếu kịp thời; công tác phối kết hợp giữa các ngành của thành phố với chính quyền xã Thổ Châu chưa thường xuyên, chặt chẽ, còn đùn đẩy trách nhiệm trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn Thổ Châu trong thời gian qua. Do xã Thổ Châu ở xa trung tâm thành phố Phú Quốc, xa sự chỉ đạo của lãnh đạo thành phố và các phòng, ban, ngành thuộc thành phố; cơ sở vật chất và kết cấu cơ sở hạ tầng hầu như chưa có; giao thông đi lại cách trở, phụ thuộc quá nhiều vào thời tiết; các điều kiện phục vụ đời sống dân sinh (ăn - ở - đi lại - sinh hoạt - khám chữa bệnh,...) và hưởng thụ văn hóa còn thấp.

- Trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp nói chung và xã Thổ Châu nói riêng còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực thi nhiệm vụ, công vụ trong điều kiện phát triển kinh tế mở cửa và hội nhập của một xã đảo.

- Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành từ Trung ương đến tỉnh trong việc bảo đảm thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách đặc thù về phát triển biển đảo có mức độ. Ban Quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc và thành phố Phú Quốc chưa thực sự tập trung ưu tiên đầu tư cho sự phát triển của xã Thổ Châu.

- Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn là một ĐVHC cấp xã, nên chưa đủ sức để khai thác tiềm năng lợi thế sẵn có, nền kinh tế của Thổ Châu hiện vẫn còn hoang sơ. Trong quan hệ đối ngoại, phát triển giao thương với các đối tác, đặc biệt là giải quyết các thủ tục hành chính gặp nhiều khó khăn về thẩm quyền, các nhà đầu tư trong và ngoài nước chưa mạnh dạn đầu tư do còn tâm lý e ngại về thủ tục hành chính trong điều kiện khoảng cách từ Thổ Châu về Phú Quốc khá xa, đi lại tốn kém, thủ tục chưa thật thông thoáng sẽ ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả đầu tư. Trong xu thế hội nhập quốc tế, Thổ Châu có rất nhiều lợi thế cho phát triển do vậy để đáp ứng một cách nhanh nhất, tốt nhất các yêu cầu về thủ tục hành chính đối với các đối tác là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển.

(3). Thành lập đặc khu Thổ Châu nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trên địa bàn đang trong quá trình phát triển và thực hiện chương trình đưa dân ra đảo và vận động nhân dân bám biển, đảo

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” và Đề án chọn xã Thổ Châu làm “Đảo Thanh niên” của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trong những năm tới Thổ Châu sẽ đón nhận nhiều lượt thanh niên ra xây dựng và phát triển biển đảo nhằm xây dựng Thổ Châu thành “Đảo Thanh niên”. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung hiện nay thì đời sống vật chất, cơ sở hạ tầng của Thổ Châu còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu mục tiêu đề ra như vấn đề về vệ sinh môi trường, di dân tự do, tình trạng dịch bệnh, biến đổi khí hậu bất thường, quốc phòng, an ninh còn nhiều vấn đề cần được quan tâm giải quyết, bên cạnh đó nguy cơ diễn biến hòa bình của các thế lực phản động, thù địch đang tìm mọi cách để chống phá Đảng, Nhà nước. Để giải quyết những khó khăn nêu trên cần thiết phải thành lập đặc khu Thổ Châu mang tính chất đặc thù, đặc biệt tăng cường dân sự hóa gắn phát triển kinh tế với quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi sinh, môi trường trên biển đảo, nhằm xác lập chủ quyền quốc gia,

tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức bộ máy chính quyền có đủ năng lực thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

(4). Thực hiện chiến lược biển Việt Nam

Đề cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội biển đảo của Đảng: Phát triển mạnh kinh tế biển vừa toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm với những ngành có lợi thế so sánh để đưa nước ta thành quốc gia mạnh về kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. Nhanh chóng phát triển kinh tế - xã hội ở các hải đảo gắn với quốc phòng, an ninh. Quyết định số 18/2009/QĐ-TTg ngày 03/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc vịnh Thái Lan thời kỳ đến năm 2020 đã quy định: Tập trung phát triển đảo Phú Quốc (trong đó có quần đảo Thổ Chu) thành khu kinh tế biển tổng hợp, một trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước và khu vực Đông Nam Á.

Như vậy, việc thành lập đặc khu Thổ Châu - giải pháp tổng thể, toàn diện không chỉ cho mục tiêu tăng trưởng, phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội Phú Quốc nói chung, Thổ Châu nói riêng mà còn là mục tiêu chung của chiến lược phát triển mang tầm quốc gia.

Từ những yêu cầu nhiệm vụ chính trị cấp bách về mặt hành chính cần thiết phải thành lập đặc khu Thổ Châu là nhiệm vụ chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trước tình hình mới.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH KIÊN GIANG

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Tỉnh Kiên Giang thực hiện sắp xếp, tổ chức lại 143 ĐVHC cấp xã (gồm 116 xã, 17 phường và 10 thị trấn) thành 48 ĐVHC cấp xã (gồm 41 xã, 04 phường và 03 đặc khu); giảm 98 ĐVHC cấp xã (gồm 75 xã, 13 phường, 10 thị trấn) và tăng 03 đặc khu, tương đương giảm 66,43% số ĐVHC cấp xã trực thuộc (*chi tiết phương án tại Phụ lục kèm theo*).

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Tổ chức Đảng

a) Về tổ chức

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh quyết định thành lập đảng bộ mới của ĐVHC cấp xã trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất tổ chức đảng của các ĐVHC cùng cấp trước khi sắp xếp; Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định nhân sự ban chấp hành, ban thường

vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp xã nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo quy định. Nhiệm kỳ kế tiếp, số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư; số lượng ủy viên, phó Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra thực hiện đúng theo quy định của Bộ Chính trị và các hướng dẫn của Trung ương.

b) Về cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030

Cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 của ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp thực hiện theo đúng quy định tại Chỉ thị số 45-CT/TW của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Theo đó:

- Ban Chấp hành Đảng bộ: Từ 27 - 33 đồng chí; trong đó, đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 02 xã (phường) hoặc đảng bộ không thuộc diện hợp nhất, sáp nhập thì số lượng tối đa không quá 27; đảng bộ hợp nhất từ 3 xã (phường) trở lên thì số lượng tối đa không quá 33.

- Ban Thường vụ: Từ 9 - 11 đồng chí. Định hướng cơ cấu gồm: Bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân (*bí thư hoặc phó bí thư thường trực kiêm nhiệm*); chủ tịch ủy ban nhân dân, 01 phó chủ tịch hội đồng nhân dân, 01 phó chủ tịch ủy ban nhân dân; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, trưởng ban xây dựng Đảng; chỉ huy trưởng quân sự, trưởng công an; chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và cơ cấu khác (nếu có) do ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Phó Bí thư: 02 đồng chí, gồm 01 phó bí thư thường trực và 01 phó bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân.

- Đối với đảng bộ đặc khu: Căn cứ chỉ thị của Bộ Chính trị và các quy định liên quan, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ trao đổi, thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương để xem xét, quyết định cho phù hợp với đặc điểm, tình hình địa phương và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

c) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy cơ sở

- Thành lập 03 cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng ủy cơ sở, gồm: Văn phòng, ban xây dựng đảng, cơ quan ủy ban kiểm tra đảng ủy. Không lập trung tâm chính trị; chuyển chức năng, nhiệm vụ của trung tâm chính trị cấp huyện hiện nay về các ban xây dựng đảng của các đảng ủy xã, phường, đặc khu để tiến hành công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên theo quy định.

- Tổng số lượng cấp phó chuyên trách của người đứng đầu các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cơ sở theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Không lập phòng trực thuộc cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cơ sở.

- Số lượng biên chế cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cơ sở (bao gồm cả thường trực cấp ủy) tối đa không quá 20 biên chế.

đ) Về sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy cơ sở

Để đảm bảo các đảng ủy cơ sở có thể đi vào hoạt động ngay sau sắp xếp, thực hiện theo lộ trình sau: Trước mắt, sắp xếp, bố trí, sử dụng số biên chế hiện có của các cơ quan đảng ủy cấp huyện và các đảng ủy xã, phường, thị trấn hiện nay; khẩn trương có phương án sắp xếp, bố trí, đào tạo đối với cán bộ, công chức đang làm việc tại các ĐVHC cấp xã, phường, thị trấn hiện nay đủ điều kiện, tiêu chuẩn để làm việc tại các cơ quan đảng của cấp ủy cơ sở mới theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

1.2. Về Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các Hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ

Thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của UBMTTQVN, các tổ chức chính trị - xã hội, các Hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

1.3. Tổ chức chính quyền địa phương

Tổ chức chính quyền địa phương ở ĐVHC cấp cơ sở gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

a) Hội đồng nhân dân

- Đại biểu Hội đồng nhân dân của các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp hợp thành Hội đồng nhân dân của các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Nhiệm kỳ tiếp theo về cơ cấu, tổ chức và số lượng đại biểu HĐND của ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp do 01 triệu tập viên được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ định trong số đại biểu Hội đồng nhân dân của ĐVHC cấp xã, đề triệu tập và chủ tọa cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân của ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp theo quy định.

- Hội đồng nhân dân ĐVHC cấp cơ sở bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới được bầu ra.

- Lãnh đạo HĐND cấp xã gồm Chủ tịch (*kiêm nhiệm*) và 01 Phó Chủ tịch (*chuyên trách*);

- Các Ban của Hội đồng nhân dân: Gồm Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội; các Ban của Hội đồng nhân dân có Trưởng ban (*kiêm nhiệm*) và 01 Phó Trưởng ban (*chuyên trách*).

- Khóa của Hội đồng nhân dân của ĐVHC cấp cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15.

b) Ủy ban nhân dân

- Các chức danh của Ủy ban nhân dân ĐVHC cấp cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp cơ sở bầu ra theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân ĐVHC cấp cơ sở mới gồm Chủ tịch (*Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm*) và 02 Phó Chủ tịch (*01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Chánh Văn phòng HĐND và UBND; 01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công*).

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân

+ Thành lập 04 phòng chuyên môn và tương đương phù hợp với đặc điểm đô thị, nông thôn, hải đảo, gồm: **(1)** Văn phòng HĐND và UBND, **(2)** Phòng Kinh tế (*đối với xã, đặc khu*) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (*đối với phường và đặc khu Phú Quốc*), **(3)** Phòng Văn hóa - Xã hội, **(4)** Trung tâm phục vụ hành chính công (xác định là tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã).

+ Đối với 03 xã đảo không thực hiện sắp xếp (xã Tiên Hải, xã Sơn Hải, xã Hòn Nghê) bố trí 03 phòng chuyên môn và tương đương, gồm: **(1)** Văn phòng HĐND và UBND, **(2)** Phòng Kinh tế - Xã hội, **(3)** Trung tâm phục vụ hành chính công.

+ Đối với huyện Kiên Hải và thành phố Phú Quốc khi thực hiện sắp xếp thành đặc khu thì kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp xã và trước mắt giữ nguyên số lượng các cơ quan chuyên môn của huyện và thành phố như hiện nay; sau đó thực hiện theo hướng dẫn mới của Chính phủ.

Chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân ĐVHC cấp cơ sở sau sắp xếp như sau:

(1). Văn phòng HĐND và UBND

+ Tham mưu, giúp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã về: Chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân; tham mưu hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân; công tác chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân; cung cấp thông tin, bảo đảm điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; thực hiện công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

+ Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cấp xã, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

+ Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác ngoại vụ, biên giới (đối với ĐVHC cấp xã có đường biên giới lãnh thổ quốc gia trên đất liền, trên biển và hải đảo).

(2). Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường và đặc khu Phú Quốc)

+ Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tài chính; kế hoạch và đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, kinh tế hợp tác; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

+ Lĩnh vực Xây dựng và Công Thương: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị; cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trù nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại.

+ Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; biển và hải đảo (đối với đơn vị hành chính có biển, đảo); nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn.

(3). Phòng Văn hóa - Xã hội

+ Lĩnh vực Nội vụ: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới; công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo.

+ Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông (giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở).

+ Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; quảng cáo; bưu chính; công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin; khoa học và công nghệ; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số.

+ Lĩnh vực Y tế: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an

toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

(4). Trung tâm phục vụ hành chính công

+ Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục hành chính và được cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

+ Phối hợp với các cơ quan nhà nước ở Trung ương tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh hoặc khu vực để tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn cấp xã.

* Đối với chính quyền địa phương đặc khu (hải đảo), chức năng, nhiệm vụ của các phòng và các dịch vụ công phục vụ người dân tại Trung tâm phục vụ hành chính công sẽ được điều chỉnh phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương đặc khu.

- 04 cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân bố trí 01 cấp trưởng (*chức danh chuyên trách hoặc Phó Chủ tịch UBND kiêm nhiệm*) và 01 cấp phó (*chức danh chuyên trách*). Trong đó 03 phòng bố trí mỗi phòng 04 biên chế, riêng Trung tâm phục vụ hành chính công bố trí 07 biên chế.

1.4. Tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập

- Đối với lĩnh vực giáo dục: Giữ nguyên các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập và chuyển giao cho chính quyền cấp xã quản lý. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Đối với lĩnh vực y tế: Duy trì các Trạm Y tế xã, phường hiện có để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Căn cứ vào diện tích, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã mới, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổ chức lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện nhiệm vụ về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn. Đối với các trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Y tế quản lý để sắp xếp, tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Sắp xếp, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn (cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường,...).

- Sắp xếp, tổ chức lại một đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên (Ban quản lý dự án) thuộc Ủy ban nhân dân các phường để cung ứng dịch vụ sự

ng nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng,... trên địa bàn phường.

- Thành lập đơn vị sự nghiệp thuộc Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh ở các khu vực: vùng U Minh Thượng; Tứ giác Long Xuyên; Tây Sông Hậu để cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã.

- Thực hiện việc cơ cấu lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả, bảo đảm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu gắn với cơ cấu lại, giảm viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Biên chế đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn

- Chuyển 100% biên chế cấp huyện hiện có để bố trí biên chế cấp xã, trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị cấp xã mới; có thể tăng cường cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh về cấp xã.

- Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức của cấp huyện, cấp xã hiện có để bố trí làm việc tại cấp xã và thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời gian 05 năm cơ bản theo đúng quy định của Chính phủ; dự kiến biên chế bình quân của mỗi cấp xã khoảng 32 biên chế¹ (không bao gồm khối đảng, đoàn thể).

- Về biên chế viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập: Trên cơ sở phương án sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực tại cấp xã mới theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, tỉnh sẽ bố trí chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bảo đảm thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, thực hiện đẩy mạnh tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng địa bàn.

¹ Dự kiến 32 biên chế của chính quyền địa phương cấp xã bố trí như sau:

(1) HĐND cấp xã **03** biên chế gồm 01 PCT HĐND và 02 Phó Ban chuyên trách của HĐND (Chủ tịch HĐND và Trưởng ban của HĐND cấp xã là chức danh kiêm nhiệm);

(2) UBND cấp xã **03** biên chế gồm Chủ tịch và 02 PCT UBND (kiêm chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn, giúp việc của UBND)

(3) 04 Phòng và tương đương: (1) Lãnh đạo **06** biên chế (Trưởng phòng và 01 Phó phòng); (2) Mỗi đầu mỗi bố trí **05** biên chế.

Chính phủ sẽ căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên của các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp và trên cơ sở đề xuất của địa phương để xây dựng tiêu chí bố trí biên chế cán bộ, công chức xã theo vị trí việc làm và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: **Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay kể từ ngày 01/8/2025; rà soát các chức danh hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố nếu còn thiếu thì sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại ấp, khu phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định.**

Theo đó, tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách hiện có của 15 ĐVHC cấp huyện và 143 ĐVHC cấp xã là 23.363 người, trong đó: cán bộ là 1.620 người, công chức là 2.475 người, viên chức là 17.578 người và người hoạt động không chuyên trách là 1.690 người.

2.2. Định hướng phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp

Việc bố trí, sắp xếp chức danh lãnh đạo, quản lý, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các ĐVHC cấp cơ sở hình thành sau sắp xếp được thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Cán bộ, công chức; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Văn bản số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 02 cấp; về tổ chức bộ máy, CBCCVV khu thực hiện sắp xếp; các Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

a) Về tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh và vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã mới

Tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý cấp xã áp dụng như đối với tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý tương ứng của cấp huyện hiện nay theo quy định hiện hành của Chính phủ.

Đối với công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ cấp xã áp dụng tiêu chuẩn trình độ đào tạo theo yêu cầu vị trí việc làm đối với công chức, viên chức từ cấp huyện trở lên theo quy định của Chính phủ.

b) Định hướng sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức

- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện và cán bộ, công chức của cấp xã hiện nay, Ban Thường vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã mới theo phân cấp quản lý.

- Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã khi được bố trí vào các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý tại ĐVHC cấp xã mới tiếp tục giữ phụ cấp

chức vụ lãnh đạo hiện hưởng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ. Trường hợp công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại ĐVHC cấp xã mới thì tạm thời chưa áp dụng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo và sẽ thực hiện khi có quy định của Chính phủ về hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý đó.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi được bố trí công tác ở ĐVHC mới thì tiếp tục được hưởng lương theo ngạch, bậc và các chế độ phụ cấp lương hiện hưởng trong thời gian 6 tháng; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ.

b) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc rà soát, đánh giá và thực hiện chính sách, chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ, bảo đảm giữ được người có năng lực nổi trội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

c) Trường hợp cán bộ, công chức ở cấp huyện và cấp xã không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện để được bố trí công việc ở cấp xã mới thì giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Chính phủ.

d) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương lực lượng vũ trang trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền. Trường hợp có thay đổi tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của ĐVHC để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Qua rà soát, tổng số trụ sở của 15 ĐVHC cấp huyện và 143 ĐVHC cấp xã trước khi thực hiện sắp xếp là ... trụ sở; tổng số trụ sở công sẽ tiếp tục được sử dụng là ... trụ sở và dôi dư là ... trụ sở.

Đối với ... trụ sở dôi dư nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã rà soát, thống kê, xây dựng phương án tiếp tục bố trí, sử dụng, thực hiện điều chuyển cho cơ quan, đơn vị khác sử dụng hoặc tổ chức đấu giá tài sản theo đúng quy định, không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

Thực hiện đúng theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC. Theo đó:

1. Người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ,

chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trương ương và địa phương áp dụng đối với ĐVHC như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp thay đổi tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của ĐVHC để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định tại Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và đặc biệt là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Kiên Giang năm 2025.

- Phân công Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành được phân công và địa bàn theo dõi, chủ động phối hợp với các ngành, các cấp, các địa phương có liên quan chỉ đạo triển khai thực hiện, bảo đảm yêu cầu và mục tiêu đã đề ra.

2. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Chủ trì phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự trong các cơ quan Đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức - chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập tại ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

3. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC trên địa bàn tỉnh.

4. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các ĐVHC của tỉnh Kiên Giang và tổ chức giám sát quá trình triển khai thực hiện.

- Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan đôn đốc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức và giải quyết chế độ, chính sách

đối với cán bộ dôi dư của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tại ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

5. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự trong các cơ quan Đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức - chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập tại ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

- Chủ trì hướng dẫn việc lập hồ sơ đề nghị xét công nhận Vùng an toàn khu, Xã an toàn khu, Xã đảo; rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và chính sách đối với người có công tại đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

- Chủ trì thực hiện việc lập, chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp theo kế hoạch của Chính phủ.

- Rà soát, điều chỉnh và triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội khác phù hợp tình hình tại các địa phương sau khi sắp xếp; tham mưu thực hiện dự án, tiểu dự án và các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo hướng dẫn của Trung ương.

- Đầu mối tiếp nhận, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định.

6. Sở Tài chính

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC của tỉnh Kiên Giang; việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức tại ĐVHC cấp xã sau sắp xếp; việc thực hiện quy định về miễn phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp xã.

- Hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh các quy hoạch của địa phương theo Luật Quy hoạch và các quy định của pháp luật về quy hoạch đối với ĐVHC cấp xã sau sắp xếp;

7. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn các địa phương rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch đối với các ĐVHC sau sắp xếp theo đúng các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đề xuất các biện pháp để đảm bảo và tiếp tục nâng cao chất lượng đô thị sau khi hoàn thành sắp xếp.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc lập, thực hiện quy hoạch và các nhiệm vụ liên quan đến quy hoạch đảm bảo đúng lộ trình, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn các địa phương trong việc bàn giao hồ sơ, tuyến đường giao thông trên địa bàn; việc quản lý, nâng cấp, đầu tư hạ tầng giao thông đối với ĐVHC cấp xã mới đảm bảo kết nối thuận lợi.

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng đề án quy hoạch khai thác và sử dụng quỹ đất đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, đáp ứng được yêu cầu phát triển trước mắt và đảm bảo quá trình phát triển lâu dài, bền vững trong tương lai đối với ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

- Hướng dẫn việc rà soát, chỉnh lý, bàn giao hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp ĐVHC do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

9. Sở Tư pháp

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã làm tốt công tác bàn giao hồ sơ tư pháp, đồng thời làm tốt công tác quản lý hộ tịch theo đúng quy định; phối hợp với cơ quan chức năng hướng dẫn việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho tổ chức và công dân liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành; hướng dẫn, kiểm tra việc bàn giao số liệu, hồ sơ liên quan đến lĩnh vực tư pháp của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

- Hướng dẫn xử lý các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực hộ tịch, đăng ký các biện pháp đảm bảo khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành tỉnh cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, của các ngành, các cấp, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Kiên Giang.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và các địa phương thường xuyên thông tin về kết quả đạt được; những kinh nghiệm hay, cách làm tốt; những việc chưa làm được, nguyên nhân; giải pháp khắc phục và những bài học kinh nghiệm quý trong việc sắp xếp ĐVHC.

- Ban hành hướng dẫn về chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; chủ trì hướng dẫn các đơn vị thực hiện cập nhật, điều chỉnh chữ ký số trong thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính tại các địa phương sau sắp xếp.

11. Sở Y tế

Chủ trì, hướng dẫn về sắp xếp, tổ chức cơ sở y tế tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại theo quy định.

12. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Nội vụ giải quyết các phát sinh về Dân tộc và Tôn giáo tại các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

13. Sở Giáo dục và Đào tạo

Hướng dẫn bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

14. Công an tỉnh

- Bố trí, sắp xếp công an cấp xã dôi dư sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã; chỉ đạo, hướng dẫn các xã, phường về công tác bàn giao hồ sơ liên quan đến công tác đảm bảo an ninh trật tự, liên quan đến quản lý hộ khẩu của ĐVHC thực hiện sắp xếp về ĐVHC cấp xã mới.

- Hướng dẫn việc thực hiện thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của các cơ quan, tổ chức tại các ĐVHC mới sau khi sắp xếp; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú, các loại giấy tờ của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi; hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực lý lịch tư pháp sau khi sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC.

15. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện rà soát, xác định ĐVHC thành sau sắp xếp là đơn vị thuộc trọng điểm về quốc phòng; hướng dẫn công tác bàn giao các hồ sơ liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng địa phương khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; bàn giao các công trình quân sự, quốc phòng trên địa bàn ở các ĐVHC thực hiện sắp xếp (nếu có) theo đúng quy định. Hướng dẫn tổ chức bộ máy, xây dựng lại lực lượng dân quân tự vệ tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

16. Các sở, ngành liên quan

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động tạo sự thống nhất về nhận thức và thực hiện trong đội ngũ cán bộ, công chức và Nhân dân về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

c) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ngành chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp cơ sở nghiên cứu, bố trí sắp xếp các đối tượng thuộc ngành của mình đang bố trí đảm nhiệm lĩnh vực ngành cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương sau khi sắp xếp.

d) Các Sở, ngành nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển, phân bổ ngân sách chi thường xuyên, căn cứ theo số lượng, loại hình ĐVHC sang căn cứ theo quy mô dân số, diện tích tự nhiên.

đ) Đối với các cơ quan có chức năng giám sát, kiểm tra cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

17. Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, Báo Kiên Giang, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan thông tấn, báo chí

Tổ chức tuyên truyền Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Kiên Giang và các văn bản khác có liên quan để nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tạo sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân trong

quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC.

18. UBND cấp cơ sở

Ủy ban nhân dân cấp cơ sở chủ động phối hợp với Sở Nội vụ tiến hành các bước rà soát, triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong quá trình triển khai thực hiện cần lưu ý các nội dung cơ bản sau:

a) Báo cáo Đảng ủy về nội dung của việc sắp xếp ĐVHC, đặc biệt là công tác cán bộ sau sắp xếp nhằm thống nhất trong chỉ đạo thực hiện.

b) Thực hiện sắp xếp, bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách theo quy định của Trung ương và của Tỉnh.

c) Chú trọng công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức khi tiến hành sắp xếp nhân sự, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức tại những đơn vị sắp xếp bảo đảm lựa chọn được những người có phẩm chất, năng lực nổi trội để đảm nhận vị trí công việc tại ĐVHC mới.

d) Chủ động chuẩn bị xây dựng phương án nhân sự chủ chốt của chính quyền địa phương các cấp trong Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025 - 2030; bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 và các nhiệm kỳ tiếp theo phù hợp với lộ trình, kế hoạch sắp xếp ĐVHC cấp xã.

đ) Quan tâm công tác đào tạo lại, giúp đỡ, hỗ trợ thích hợp và giải quyết thỏa đáng chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp xã.

e) Chủ động, thường xuyên báo cáo tiến độ thực hiện các nội dung liên quan đến sắp xếp ĐVHC về Sở Nội vụ để kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các vấn đề phát sinh.

g) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục tạo sự thống nhất cao trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân ở địa phương về chủ trương sắp xếp ĐVHC.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Kiên Giang nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương, của Tỉnh; là thực sự cần thiết, đảm bảo phù hợp với các yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, tập quán, vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên giữa các ĐVHC có liên quan; đảm bảo tuân thủ Hiến pháp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Kế hoạch của Chính phủ. Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Kiên Giang gắn liền với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của các ĐVHC nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững trong giai đoạn mới; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức,

viên chức, người lao động; bảo đảm chính quyền cấp cơ sở gần dân, sát dân và phục vụ người dân được tốt nhất; tạo lập cơ sở pháp lý cho công tác quy hoạch xây dựng, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và khu vực tỉnh Kiên Giang nói riêng.

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

DANH SÁCH ĐỊNH HƯỚNG SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI ĐVHC CẤP CƠ SỞ CỦA TỈNH KIÊN GIANG

Tổng số 48 đơn vị hành chính cấp cơ sở: Trong đó: 3 đặc khu, 4 phường, 41 xã; giảm 66,43% (so với 143).

Định hướng giảm khoảng 60% đến 70% ĐVHC cấp xã. Tiêu chuẩn xã: Quy mô dân số từ 16.000 người trở lên; diện tích tự nhiên từ 30 km² trở lên. Tiêu chuẩn phường: Quy mô dân số từ 21.000 người trở lên; diện tích tự nhiên từ 5,5 km² trở lên. Trường hợp sắp xếp từ 3 đơn vị hành chính trở lên thì không đánh giá tiêu chuẩn.

TT	Tên ĐVHC cấp cơ sở mới	Trụ sở làm việc tại	Tên ĐVHC các cấp	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Ghi chú
			Tỉnh Kiên Giang	6.352,08	2.210.387	
I			Thành phố Phú Quốc			
1	Đặc khu Thổ Châu	Áp Bãi Ngự, xã Thổ Châu	Xã Thổ Châu	13,98	1.896	Hải đảo
2	Đặc khu Phú Quốc (Hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh đang phối hợp Bộ Nội vụ trình Chính phủ xin chủ trương xây dựng "Đề án quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy chính quyền địa phương ở đặc khu Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang")	Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc		575,29	157.629	Hải đảo
			Phường Dương Đông	15,06	48.760	
			Xã Cửa Dương	184,72	20.209	
			Xã Dương Tơ	81,78	19.245	
			Phường An Thới	34,29	33.503	
			Xã Hàm Ninh	62,87	13.234	
			Xã Bãi Thơm	98,50	6.018	
			Xã Gành Dầu	57,90	10.676	
			Xã Cửa Cạn	40,17	5.984	
II			Huyện Kiên Hải			
3	Đặc khu Kiên Hải	Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải		24,75	23.179	Hải đảo
			Xã An Sơn	7,09	4.886	
			Xã Nam Du	1,97	4.280	
			Xã Hòn Tre	4,82	5.055	
			Xã Lại Sơn	10,87	8.958	
III			Thành phố Rạch Giá			
4	Phường Vĩnh Thông	Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thông		95,89	55.185	
			Xã Phi Thông	44,87	19.573	
			Phường Vĩnh Thông	14,06	11.558	
			Xã Mỹ Lâm (HĐ)	36,97	24.054	

TT	Tên ĐVHC cấp cơ sở mới	Trụ sở làm việc tại	Tên ĐVHC các cấp	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Ghi chú
5	Phường Rạch Giá	Thành ủy Rạch Giá		45,53	250.661	
			Phường Vĩnh Quang	10,38	45.487	
			Phường Vĩnh Thanh	1,32	27.191	
			Phường Vĩnh Thanh Vân	1,99	39.528	
			Phường Vĩnh Lạc	2,86	28.097	
			Phường An Hòa	6,59	35.299	
			Phường Vĩnh Hiệp	10,61	21.095	
			Phường An Bình	4,76	23.694	
			Phường Rạch Sỏi	3,45	19.700	
			Phường Vĩnh Lợi	3,56	10.570	
IV			Thành phố Hà Tiên			
6	Phường Hà Tiên	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên		61,35	40.609	
			Phường Mỹ Đức	16,71	9.172	
			Phường Đông Hồ	33,59	10.987	
			Phường Pháo Đài	9,36	8.805	
			Phường Bình San	1,70	11.645	
7	Phường Tô Châu	Ủy ban nhân dân phường Tô Châu		79,77	25.865	
			Phường Tô Châu	5,34	7.867	
			Xã Thuận Yên	32,31	9.151	
			Xã Dương Hòa	42,12	8.847	
8	Xã Tiên Hải	Ủy ban nhân dân xã Tiên Hải	Xã Tiên Hải	2,54	1.872	Hải đảo
V			Huyện Giang Thành			
9	Xã Giang Thành	Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành		184,14	20.039	
			Xã Tân Khánh Hòa	51,74	8.158	
			Xã Phú Lợi	47,16	5.596	
			Xã Phú Mỹ	85,23	6.285	
10	Xã Vĩnh Điều	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Điều		229,35	17.526	
			Xã Vĩnh Điều	100,34	8.683	
			Xã Vĩnh Phú	129,01	8.843	

TT	Tên ĐVHC cấp cơ sở mới	Trụ sở làm việc tại	Tên ĐVHC các cấp	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Ghi chú
VI			Huyện Kiên Lương			
11	Xã Hòa Điền	Ủy ban nhân dân xã Kiên Bình		285,38	24.099	
			Xã Hòa Điền	121,03	12.445	
			Xã Kiên Bình	164,35	11.654	
12	Xã Kiên Lương	Huyện ủy Kiên Lương		138,07	58.312	
			Thị trấn Kiên Lương	36,91	36.402	
			Xã Bình An	39,14	13.944	
			Xã Bình Trị	62,02	7.966	
13	Xã Hòn Nghệ	Ủy ban nhân dân xã Hòn Nghệ	Xã Hòn Nghệ	3,46	2.546	Hải đảo
14	Xã Sơn Hải	Ủy ban nhân dân xã Sơn Hải	Xã Sơn Hải	4,31	2.789	Hải đảo
VII			Huyện Hòn Đất			
15	Xã Bình Giang	Ủy ban nhân dân xã Bình Giang	Xã Bình Giang	163,70	18.257	
16	Xã Bình Sơn	Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn	Xã Bình Sơn	183,56	18.541	
17	Xã Hòn Đất	Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất		281,70	61.517	
			Thị trấn Hòn Đất	32,96	16.590	
			Xã Linh Huỳnh	32,96	11.644	
			Xã Thổ Sơn	60,83	18.725	
			Xã Nam Thái Sơn	154,95	14.558	
18	Xã Sơn Kiên	Ủy ban nhân dân xã Sơn Kiên		163,41	29.682	
			Xã Sơn Kiên	53,11	14.716	
			Xã Sơn Bình	35,76	9.682	
			Xã Mỹ Thái	74,54	5.284	
19	Xã Mỹ Thuận	Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận		210,51	60.747	
			Thị trấn Sóc Sơn	25,45	21.365	
			Xã Mỹ Hiệp Sơn	103,45	21.682	
			Xã Mỹ Thuận	37,80	10.264	
			Xã Mỹ Phước	43,80	7.436	
VIII			Huyện Châu Thành			
20	Xã Thạnh Lộc	Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc		104,62	59.562	
			Xã Thạnh Lộc	33,58	19.077	

TT	Tên ĐVHC cấp cơ sở mới	Trụ sở làm việc tại	Tên ĐVHC các cấp	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Ghi chú
			Xã Mong Thọ A	35,58	13.463	
			Xã Mong Thọ	15,10	9.588	
			Xã Mong Thọ B	20,37	17.434	
21	Xã Châu Thành	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành		107,64	70.178	
			Thị trấn Minh Lương	19,18	25.468	
			Xã Minh Hòa	47,18	24.443	
			Xã Giục Tượng	41,29	20.267	
22	Xã Bình An	Ủy ban nhân dân xã Bình An		73,43	59.475	
			Xã Bình An	33,45	23.204	
			Xã Vĩnh Hòa Hiệp	16,11	19.861	
			Xã Vĩnh Hòa Phú	23,87	16.410	
IX			Huyện Tân Hiệp			
23	Xã Tân Hội	Ủy ban nhân dân xã Tân Thành		146,28	49.450	
			Xã Tân Thành	31,88	13.833	
			Xã Tân Hội	44,45	17.908	
			Xã Tân An	34,99	9.051	
			Xã Tân Hòa	34,96	8.658	
24	Xã Tân Hiệp	Ủy ban nhân dân huyện Tân Hiệp		146,62	66.731	
			Xã Tân Hiệp B	34,01	11.393	
			Thị trấn Tân Hiệp	31,98	24.035	
			Xã Thạnh Đông B	29,08	10.050	
			Xã Thạnh Đông	51,54	21.253	
25	Xã Thạnh Đông	Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông A		130,02	53.678	
			Xã Tân Hiệp A	40,17	14.599	
			Xã Thạnh Đông A	46,66	21.951	
			Xã Thạnh Trị	43,20	17.128	
X			Huyện Giồng Riềng			
26	Xã Giồng Riềng	Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng		122,10	70.384	
			Thị trấn Giồng Riềng	22,73	22.684	
			Xã Bàn Tân Định	34,06	15.639	

TT	Tên ĐVHC cấp cơ sở mới	Trụ sở làm việc tại	Tên ĐVHC các cấp	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Ghi chú
			Xã Bàn Thạch	21,07	13.230	
			Xã Thanh Hòa	21,88	8.907	
			Xã Thanh Bình	22,36	9.924	
27	Xã Thanh Hưng	Ủy ban nhân dân xã Thanh Phước		142,54	46.773	
			Xã Thanh Hưng	46,00	19.098	
			Xã Thanh Phước	39,85	10.624	
			Xã Thanh Lộc	56,69	17.051	
28	Xã Long Thạnh	Ủy ban nhân dân xã Long Thạnh		96,37	42.250	
			Xã Long Thạnh	44,23	21.417	
			Xã Vĩnh Phú	23,25	8.916	
			Xã Vĩnh Thạnh	28,89	11.917	
29	Xã Hòa Hưng	Ủy ban nhân dân xã Hòa Hưng		114,24	37.877	
			Xã Hòa Lợi	45,39	13.204	
			Xã Hòa An	27,46	11.615	
			Xã Hòa Hưng	41,38	13.058	
30	Xã Ngọc Chúc	Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc		90,25	38.705	
			Xã Ngọc Chúc	28,52	16.030	
			Xã Ngọc Thành	24,75	11.361	
			Xã Ngọc Thuận	36,98	11.314	
31	Xã Hòa Thuận	Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận		73,85	31.700	
			Xã Hòa Thuận	43,92	18.055	
			Xã Ngọc Hòa	29,93	13.645	
XI			Huyện Gò Quao			
32	Xã Định Hòa	Ủy ban nhân dân xã Định Hòa		143,79	56.675	
			Xã Định Hòa	51,19	20.650	
			Xã Thới Quản	54,64	21.390	
			Xã Thủy Liễu	37,95	14.635	
33	Xã Gò Quao	Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao		83,92	44.695	
			Thị trấn Gò Quao	21,70	12.350	
			Xã Định An	36,10	21.481	

TT	Tên ĐVHC cấp cơ sở mới	Trụ sở làm việc tại	Tên ĐVHC các cấp	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Ghi chú
			Xã Vĩnh Phước B	26,12	10.864	
34	Xã Vĩnh Hòa Hưng	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hưng Nam		95,94	37.528	
			Xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	47,77	17.648	
			Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	48,17	19.880	
35	Xã Vĩnh Tuy	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thắng		115,86	36.859	
			Xã Vĩnh Thắng	27,48	9.082	
			Xã Vĩnh Tuy	43,88	16.344	
			Xã Vĩnh Phước A	44,50	11.433	
XII			Huyện An Biên			
36	Xã Tây Yên	Ủy ban nhân dân xã Tây Yên		127,50	52.590	
			Xã Tây Yên	45,78	19.074	
			Xã Tây Yên A	28,61	14.284	
			Xã Nam Yên	53,11	19.232	
37	Xã Đông Thái	Ủy ban nhân dân xã Đông Thái		154,52	54.321	
			Xã Nam Thái	52,42	19.175	
			Xã Đông Thái	59,36	24.158	
			Xã Nam Thái A	42,74	10.988	
38	Xã An Biên	Ủy ban nhân dân huyện An Biên		118,27	53.784	
			Xã Hưng Yên	47,27	20.585	
			Thị trấn Thứ Ba	15,38	15.096	
			Xã Đông Yên	55,62	18.103	
XIII			Huyện An Minh			
39	Xã Đông Hòa	Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa		151,88	45.282	
			Xã Đông Hòa	98,36	29.456	
			Xã Đông Thạnh	53,52	15.826	
40	Xã Tân Thạnh	Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh		123,85	36.074	
			Xã Thuận Hòa	82,46	21.134	
			Xã Tân Thạnh	41,39	14.940	
41	Xã Đông Hưng	Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng A		81,62	22.281	
			Xã Đông Hưng A	36,16	10.656	

TT	Tên ĐVHC cấp cơ sở mới	Trụ sở làm việc tại	Tên ĐVHC các cấp	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Ghi chú
			Xã Vân Khánh Đông	45,46	11.625	
42	Xã An Minh	Ủy ban nhân dân huyện An Minh		142,30	35.596	
			Thị trấn Thứ Mười Một	12,10	8.769	
			Xã Đông Hưng B	74,39	12.975	
			Xã Đông Hưng	55,80	13.852	
43	Xã Vân Khánh	Ủy ban nhân dân xã Vân Khánh		90,84	21.748	
			Xã Vân Khánh	48,39	13.832	
			Xã Vân Khánh Tây	42,45	7.916	
XIV			Huyện U Minh Thượng			
44	Xã Vĩnh Hòa	Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên		146,23	51.651	
			Xã Thạnh Yên A	33,04	11.085	
			Xã Hòa Chánh	44,96	15.855	
			Xã Thạnh Yên	38,31	14.680	
			Xã Vĩnh Hòa	29,92	10.031	
45	Xã U Minh Thượng	Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng		286,47	46.246	
			Xã An Minh Bắc	133,76	16.727	
			Xã Minh Thuận	152,71	29.519	
XV			Huyện Vĩnh Thuận			
46	Xã Vĩnh Bình	Ủy ban nhân dân xã Bình Minh		159,68	43.575	
			Xã Vĩnh Bình Bắc	84,12	21.986	
			Xã Vĩnh Bình Nam	45,65	13.562	
			Xã Bình Minh	29,92	8.027	
47	Xã Vĩnh Thuận	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận		95,46	30.511	
			Xã Vĩnh Thuận	51,60	16.678	
			Xã Tân Thuận	43,86	13.833	
48	Xã Vĩnh Phong	Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận		139,30	43.257	
			Thị trấn Vĩnh Thuận	21,74	17.090	
			Xã Vĩnh Phong	87,39	18.805	
			Xã Phong Đông	30,17	7.362	